

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo mới quả thực thấy sự giúp đỡ của Liên Xô là có lợi và thiên về chỗ liếc nhìn với các học thuyết do Liên Xô truyền bá, nhất là vì những lý do chính trị. Họ đặc biệt bị thu hút bởi những kỹ thuật của Lênin để nắm chính quyền và gìn giữ chính quyền và khái niệm một đảng thống trị có tổ chức và theo tôn ti là đặc biệt hấp dẫn đối với thế hệ mới những nhà cai trị vốn đang lo kéo dài uy quyền cá nhân của mình. Họ nhanh chóng nhận thấy rằng cách tiếp cận quân sự hóa của chủ nghĩa Lênin đối với chính trị phục vụ tốt những nhu cầu của họ trong khi một sự áp dụng hệ tư tưởng Xô viết cũng sẽ củng cố quyền lực của họ bằng cách cung cấp một sự biện hộ về lịch sử - cụ thể là sự phát triển nhanh chóng đi đến CNXH - bên cạnh việc cai trị không dân chủ của họ.

Hoàn cảnh chính trị như vậy đã củng cố sở thích đang thành một về mặt trí tuệ là dùng một hình thức của CNXH làm cơ sở cho việc xây dựng đất nước và trở thành con đường tất đi đến hiện đại. Nhưng thời thượng này không kéo dài, và sức thu hút của Liên Xô tỏ ra hoàn toàn ngán ngùi. Trong hai nước mới chủ đạo là Ấn Độ và Indonexia, các nhà lãnh đạo Xô viết đã đầu tư nhiều thời gian và cố gắng nhưng những hoàn cảnh chính trị trong nước thực tế đã cản trở sự thu hút của cộng sản. Ở Ấn Độ, đảng Quốc đại, mặc dầu tất cả những nhược điểm của nó cũng như việc nó liếc nhìn với những tư tưởng của CNXH của Harold Laski và trường phái kinh tế học London vẫn duy trì những thể chế nghị viện và vẫn theo một hệ thống kinh tế hỗn hợp. Ở Indonexia tình trạng nóng ruột cách mạng của Đảng cộng sản Indonexia đã dẫn tới một sự xung đột võ trang quá sớm vào năm 1955. Kết quả là toàn bộ Đảng cộng sản Indonexia bị thủ tiêu...

Trong một thời gian châu Phi và châu Mỹ Latinh tỏ ra có nhiều hứa hẹn hơn trong việc áp dụng các cương lĩnh cộng sản. Ở châu Phi, nhiều xu hướng cấp tiến dĩ nhiên được tăng cường bởi chủ nghĩa chủng tộc sản có của kinh nghiệm thuộc địa và ở Nam Phi bởi thực

tế của chủ nghĩa chủng tộc đã được thể chế hóa ngay trong bản thân Nam Phi. Đồng thời, bản sắc dân tộc yếu ớt và không đồng đều của những dân tộc mới được giải phóng nâng cao tầm quan trọng của một học thuyết hợp nhất với những sự lãnh đạo chính trị mới. Sức thu hút của một sự đơn giản hóa quá đáng kiểu mácxít dĩ nhiên là mạnh mẽ hơn trong những nước muốn nhảy vọt vội vàng tới thời hiện đại nhưng lại thiếu những truyền thống trí tuệ và văn hóa mạnh mẽ để xác lập quan điểm lịch sử của riêng họ. Cuối cùng nhưng không phải là hết, vì hầu hết các nước châu Phi đều nhỏ hơn Ấn Độ hay Indonexia, triển vọng một sự giúp đỡ kinh tế hạn chế của Liên Xô tỏ ra còn quan trọng hơn một cách quyết định.

Vào năm 1970, nhiều nước châu Phi đã tuyên bố chủ nghĩa Mác là học thuyết của họ và tuyên bố bắt tay vào công cuộc xây dựng CNXH. Sáu nước là: Angola, Mozambique, Madagascar, Congo, Benin và Ethiopia đi xa đến nỗi chấp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin là đường lối lãnh đạo của họ và nhấn mạnh lòng trung thành với những đường lối chính của kinh điển Liên Xô trong việc xây dựng CNXH. Chín nước khác là Algérie, Libi, Cape Verde, Guinée Bissau, Guinée, Sao Tomé và Príncipe, Zambia, Tanzania và Seychelle trở thành những chế độ XHCN công khai, mặc dầu nhấn mạnh tầm quan trọng của những điều kiện dân tộc của họ trong việc thực tế thực hiện những mục tiêu XHCN và tránh mọi sự đồng nhất hóa công khai với chủ nghĩa Lênin. Song tất cả những nước ấy đã nâng nhà nước lên thành cơ quan trung tâm của sự thay đổi kinh tế xã hội và đã tổ chức quyền lực chính trị chung quanh một chính đảng thống trị duy nhất và quân sự hóa.

Song thực tế tỏ ra bất lợi cả cho những hy vọng sản có và thậm chí XHCN ngay thơ, cũng như cho những chờ đợi của Liên Xô. Mức độ giúp đỡ kinh tế của Liên Xô không thích hợp để có tác dụng quyết định tới sự phát triển kinh tế ở trong nước. Tình trạng quản lý tồi, tham nhũng của địa phương và những sự ran vỡ gây nên bởi đột ngột

phá vỡ các liên hệ kinh tế với các chính quyền thuộc địa trước đây đã gây nên ở hầu hết các nước này những thất bại kinh tế trên quy mô lớn. Những nước giàu có hơn như Libi, hay những nước có một truyền thống chính trị phát triển hơn như Algérie, nhanh chóng đi về hướng xác định những cương lĩnh phát triển xã hội phù hợp hơn với đất nước họ. Chẳng hạn Algérie nối tiếp lại liên hệ kinh tế hợp tác hơn với nước thực dân thống trị trước đây là Pháp. Những nước khác chỉ ngưng trệ, trong khi một vài nước, có thể là Angola và Mozambique còn bị phá hoại hơn nữa bởi những xung đột bộ tộc và chính trị, trong đó một bên mời sự giúp đỡ của khối phương Đông và bên kia nhận sự giúp đỡ của Nam Phi.

Tóm lại tình hình cộng sản ở Phi châu đã có được một sự thành công chính trị hạn chế nhưng bị cản trở bởi những sự thất bại có hệ thống có thể chứng minh được. Nạn đói ở Ethiopia rõ ràng trở thành tồi tệ hơn bởi tình trạng bất lực và tàn nhẫn của chế độ "Xã hội chủ nghĩa", thậm chí chế độ này sử dụng nạn đói làm phương tiện để đè bẹp sự chống đối trong nước. Trong quốc gia châu Phi Tanzania ở bờ biển phía Đông gần đây tương phản một cách tiêu cực về sự ngưng trệ về kinh tế của nó với tình trạng kinh tế tiến bộ của nước Kenya ở bên cạnh là nước đã chấp nhận một đường lối phát triển kinh tế ít bị quy định bởi học thuyết hơn. Sự sản xuất nông nghiệp của Kenya đã tăng lên với một tỷ lệ 4 lần lớn hơn so với Tanzania, nơi các chương trình nông nghiệp công xã đã dẫn tới một sự thất bại hàng loạt. Từ năm 1980 đến 1985, tổng sản phẩm quốc dân của Kenya đã tăng lên với tỷ lệ trung bình hàng năm là 3,1% trong khi tỷ lệ của Tanzania chỉ là 0,8%. Cũng trong giai đoạn này sản xuất công nghiệp của Kenya tăng 2% mỗi năm trong khi ở Tanzania giảm xuống 4,5% mỗi năm. Kenya đã nổi lên hàng đầu trong những chỉ số xã hội như là tỉ lệ tử vong trẻ em, chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Ở bờ biển phía Tây, một trong những hành vi cuối cùng của chủ tịch Sékou Touré ở Ghinê trước khi ông ta chết là vào năm 1980, khi đi thăm tổng thống Mỹ, không những ông đã yêu cầu giúp đỡ về kinh tế mà còn nhờ

giúp đỡ về hướng dẫn về phát triển kinh tế đồng thời tuyên bố hùng hồn là bị lầm lạc bởi sự tin cậy trước đây vào Liên Xô trong việc tìm cách xây dựng một nhà nước cộng sản chủ nghĩa châu Phi.

Nói khái quát hơn, vào những năm 1980 bản thân khái niệm về sự phát triển XHCN, một tư tưởng có thể xem đúng nhất với Liên Xô và do đó có lợi về mặt chính trị cho Liên Xô, ngày càng mất uy tín trong phần lớn thế giới thứ ba. Châu Á mở đầu trong sự phát triển kinh tế nhưng theo kiểu phi xã hội chủ nghĩa. Những nước nào đi theo con đường cộng sản như Việt Nam, Lào và Campuchia đều nêu những tấm gương hùng hồn về sự thất bại về kinh tế. Bất chấp hai tỷ đô la viện trợ của Liên Xô hàng năm, Việt Nam vẫn không sản xuất đủ lương thực để nuôi nhân dân mình, với sự sản xuất lúa thực tế giảm sút trong hai năm liền. Hà Nội, trong khi yêu cầu viện trợ nước ngoài tuyên bố 4 triệu dân hiện nay đang ở gần tình trạng chết đói. Tỷ lệ lạm phát của nó là 700%. Chính phủ đã phải chịu không trả nổi tất cả món nợ nước ngoài là 3 tỷ đô la, trong khi trao đổi ngoại thương hạ xuống chỉ còn 20 triệu đô la. Nhiều người di tản bằng thuyền của Việt Nam trước kia vì sợ hãi bị trừng trị về chính trị hay về mặt dân tộc thì ngày nay ra đi vì những lý do thuần túy kinh tế. Trong lúc đó nước Thái Lan không cộng sản bên cạnh đang hưởng một sự bùng nổ kinh tế. Với tỷ lệ tăng tổng sản phẩm quốc dân hàng năm vào những năm 1980 là 5% và với 9% được dự kiến cho năm 1988, người Thái Lan dễ dàng gia nhập hàng ngũ các nước mới công nghiệp hóa vào những năm 1990.

Ở châu Phi, các nước lẻ loi còn lại theo CNXH hoặc đang ngưng trệ hoặc đang tìm cách thoát ly khỏi CNXH. Việc thiên về tư nhân hóa đang trở thành mạnh mẽ khắp hầu hết những nước châu Phi đã có lần đi theo con đường do Liên Xô hướng dẫn tiến tới CNXH Nhà nước. Sau 1/4 thế kỷ độc lập, nhiều nước "XHCN" trong thế giới đang phát triển lại nghèo hơn về tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người so với tình trạng ban đầu của họ.

Ở châu Phi việc rời bỏ các khái niệm chịu ảnh hưởng của Liên Xô về sự phát triển đã diễn ra trên một chiến tuyến rộng lớn. Trong quốc gia nhỏ bé Sao Tomé và Príncipe, một trong những hành vi chính thức đầu tiên sau khi đạt được độc lập vào năm 1975 là công việc quốc hữu hóa các tài nguyên kinh tế sống còn của đất nước, các đồn điền dứa của nó. Mười năm sau, ông chủ tịch được đào tạo ở Đông Đức của nó tuyên bố ý muốn của chính phủ bán các đồn điền hiện nay không có hiệu suất cho tư nhân sở hữu. Tanzania đang đi theo bước đường này trong công nghiệp xay xát và du lịch và đang buông lỏng sự kìm hãm về nông nghiệp. Ở Angola, các công ty thua lỗ của nhà nước bắt buộc phải đem bán cho tư nhân và những lời tuyên bố tương tự đã được đưa ra trong những năm 1986-1988 bởi các chế độ của Benin, Congo, và Ghana cũng như của những nước châu Phi ít thiên về CNXH hơn. Thực vậy mỗi lo đang tăng lên làm một vài nước châu Phi, sau khi say sưa theo kinh nghiệm của nền kinh tế kiểu Liên Xô, hiện nay đang công khai hướng về chỗ tìm lối thoát nhanh chóng trong phương pháp đối lập lại.

Sự thất bại của CNCS ở châu Phi tất yếu ảnh hưởng tới chính sách của Liên Xô. Chính sách của Liên Xô dần dần trở thành có sự lựa chọn hơn và thiên về chiến lược địa lý, ít dựa theo lý do về học thuyết và ít tập trung hơn vào sự giúp đỡ kinh tế. Trong những năm 1970, Liên Xô đã bắt đầu giảm nhẹ rõ rệt sự giúp đỡ kinh tế của mình cho các quốc gia châu Phi muốn trở thành XHCN, trái lại tập trung vào những mục tiêu then chốt có tính chất chiến lược như là Angola hay Ethiopia là những nước gắn liền nhiều hơn tới sự cạnh tranh về địa lý chính trị với Mỹ hơn là tới một sự chiến thắng có triển vọng rộng rãi hơn về hệ tư tưởng ở lục địa. Song cả hai nước này đều đã phải trả một giá cao để trở thành những đối tượng luôn luôn được Liên Xô chú ý, Ethiopia vẫn ngắc ngoải như là một trong những nước nghèo nhất thế giới (với tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người chỉ 110 đô la) và Angola bị chia tách bởi một cuộc nội chiến được ủng hộ bởi lực lượng quân sự Cuba gồm 5 vạn người do Liên Xô tài trợ và trang bị.

Xu hướng Liên Xô thiên về mặt địa lý chính trị vẫn tiếp tục và được xúc tiến trong những năm 1980. Mối quan tâm của Liên Xô về những cuộc cải cách trong nước trùng hợp với thái độ bi quan về lịch sử ngày càng tăng của Liên Xô về những triển vọng ngắn ngủi đối với CNCS thế giới. Kết quả là vào giữa những năm 1980, các chuyên viên Xô viết về châu Phi khuyến khích các khách hàng của họ giải quyết những vấn đề kinh tế của mình bằng cách gia nhập các thị trường thế giới và bằng cách thu hút từ đầu tư nước ngoài, do đó rõ ràng nói lên rằng Kremlin sẽ không góp phần vào những kế hoạch phát triển của họ. Như vậy việc châu Phi gặp gỡ CNCS đã gây nên tình trạng vô vọng cho cả hai bên.

Kinh nghiệm cộng sản ở châu Mỹ latin cũng tỏ ra thất vọng theo quan điểm của thực tiễn mácxít. Về mặt lý luận cũng như về mặt thực tiễn, tình hình vẫn không diễn ra theo cách những người cộng sản Liên Xô hay châu Mỹ latin đã từng chờ đợi. Dĩ nhiên, theo quan điểm chiến lược, những chiến thắng cộng sản ở Cuba vào cuối những năm 1950 và ở Nicaragua vào cuối những năm 1970 là những mốc quan trọng. Một chỗ đứng cộng sản đã được thiết lập và được duy trì ở tây bán cầu. Tức là quyền lực đế quốc chủ nghĩa chiếm ưu thế của vùng này tỏ ra bất lực không đương đầu nổi sự thách thức này và đó là một sự phát triển quan trọng về mặt lịch sử không thể chối cãi được. Nó đã chứng minh rằng các chế độ do Liên Xô ủng hộ có thể thiết lập ngay trước mũi của các nước tư bản hùng mạnh nhất thế giới, và trong tương lai sẽ đóng vai một bàn đạp cộng sản trong cuộc tìm tòi rộng lớn hơn một sự chuyển biến cách mạng của toàn thế lục địa châu Mỹ latin.

Sự diễn biến cách mạng này xem ra được bảo đảm cả bởi những hoàn cảnh riêng biệt của vùng này, cụ thể là bởi một quan hệ khố khản của nó với người láng giềng thống trị về kinh tế ở phương Bắc và bởi cái vẻ thích hợp của học thuyết mácxít kinh điển với những điều kiện xã hội kinh tế của vùng này. Mặc dù mọi sự khái quát hóa

tổng quát về một lục địa rộng lớn và hết sức đa dạng đòi hỏi nên đề đạt, nhìn chung châu Mỹ latin hiện nay đại khái có những điều kiện mà thoạt tiên thích hợp với sự phân tích mácxít. Kinh tế nông thôn của nó phần lớn dựa trên một chế độ phong kiến, với những chủ nhân của các đại điền trang khổng lồ nhờ vào lao động của nông dân không có đất đai, trong một số trường hợp bị đối xử tệ hại phần lớn là những người gốc Indiêng mù chữ một nửa. Các trung tâm đô thị mở rộng nhanh chóng tập trung đông đảo những nông dân thất nghiệp hay nửa thất nghiệp, những tầng lớp trung gian đang nổi lên và ngày càng tự khẳng định mình về chính trị và một lớp ưu tú ăn không về mặt xã hội và nhiều khi mang tính quân phiệt - quan liêu, chủ yếu về chính trị. Sự phát triển kinh tế của nó vẫn hết sức không đều, trong một vài trường hợp ở những nước cá biệt có những tấm gương cách tân nhanh chóng về công nghiệp và công nghệ đồng thời lại có những khu vực nông thôn hết sức nguyên thủy và kém cỏi về mặt xã hội. Thêm vào những khó khăn của sự phát triển toàn bộ lục địa này còn có tình trạng dễ bị thương tổn của những nền kinh tế dân tộc của nó trước sự bấp bênh của các thị trường hàng hóa thế giới cũng như tình trạng mắc nợ nặng nề do đồng đô la tràn vào trong những năm 70. Cuối cùng là sự bùng nổ dân số với những tỉ lệ tăng dân số thuộc số cao nhất trên thế giới đã khiến cho các cấu trúc xã hội hiện nay chịu những áp lực khủng khiếp và có thể rất tai hại.

Do đó một tình thế cách mạng theo chủ nghĩa Mác cổ điển lẽ ra phải xảy ra ít nhất ở vài nước châu Mỹ latin. Không những thế sự kích thích về tình cảm và trí tuệ cho việc đó lẽ ra phải có thêm một yếu tố thúc đẩy triệt để nữa và đặc biệt chỉ có ở châu Mỹ latin: chủ nghĩa chống Mỹ dữ dội trong vùng và hết sức phổ biến. Mặc dầu cường độ của tình cảnh này thay đổi theo từng nước và mặc dầu chỉ có Mexico, Cuba và các nước Trung Mỹ là chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất của chủ nghĩa bành trướng của Mỹ và chủ nghĩa can thiệp, nhìn chung tất cả các xã hội châu Mỹ latin, nhất là trong thế giới trí thức và sinh viên,

đều dễ theo một xu hướng chống Mỹ làm cho chủ nghĩa dân tộc hòa lẫn với chủ nghĩa Mác. Nước Mỹ bị xem không những như là một kẻ bành trướng, bóc lột và thống trị mà còn như là một kẻ ngu độn về văn hóa, thô thiển và vật chất một cách sống sượng. Trong số những người tạo nên dư luận các công thức chống Mỹ hợp thị hiếu làm người ta nhớ đến rõ ràng những quan điểm mà cách đây vài thập kỷ đã thống trị các phòng khách thuộc cánh tả ở Paris.

Theo một nghĩa cách mạng nhất, tình cảm ấy được biểu hiện tốt nhất bởi hình tượng lưng lầy nhất và lầy dẫn nhất của lục địa, Che Guevara, người tuyên bố bằng một câu đơn giản nhưng hấp dẫn nước Mỹ là "kẻ thù lớn nhất của loài người". Hơn cả Phiden Castro, vào cuối những năm 60 và những năm 1970, Guevara trở thành hình ảnh tượng trưng của một cuộc cách mạng mà theo ông, để thành công thì không những phải mang tính xã hội mà còn phải chống Mỹ. Guevara, sau khi cách mạng Cuba thành công vẫn không ngừng hoạt động và tin chắc rằng bây giờ có thể có một cuộc cách mạng lớn hơn trong vùng. Ông cảm thấy rằng thời gian đã chín muồi để khai thác hai mục tiêu này với tinh thần chiến đấu. Theo quan điểm của ông, hiện trạng được xác lập lên là hoàn toàn hỏng và bị Mỹ bóc lột. Do đó, mọi cuộc đấu tranh thực sự cách mạng phải tập trung vào kẻ thù chính. Đây là chủ đề then chốt của hoạt động du kích cách mạng lãng mạn được tiến hành trong những năm ấy, Bolivia, ở Venezuela và với một mức độ ít hơn ở các nước khác.

Nhiệt tình cách mạng này phai nhạt một phần với việc Guevara bị bắt và bị hành hình ở Bolivia năm 1967. Liên Xô cũng như Castro không tán thành chủ nghĩa lãng mạn cách mạng của Guevara. Vì những lý do chính đáng và thuận tiện, cả hai đều quyết tâm trước tiên phải củng cố cơ sở mới của CNCS ở Tây bán cầu trước khi hy sinh tất cả trong việc tìm kiếm một phạm vi cách mạng rộng lớn. Những di sản của lời Guevara buộc tội Mỹ, và sự gắn bó của ông về cuộc cách mạng xã hội với cuộc đấu tranh chống Mỹ vẫn có ảnh hưởng chính trị và tạo

nên cơ sở cho mọi chiến lược phạm vi rộng lớn hơn nhằm nêu cao sự nghiệp CNCS ở châu Mỹ latin.

Di sản của Guevara - cũng như những hy vọng của Liên Xô - trong một thời gian đã có được một sức sống mạnh mẽ có tính chất quần chúng và chính trị nhờ sự xuất hiện của "thần học giải phóng", một học thuyết hòa lẫn sự phân tích mácxít về những tệ nạn TBCN với lòng thương cảm của Giêsu đối với những kẻ bị chà đạp. Một lần nữa, CNTB Mỹ là hiện thân của kẻ ác cần bị tẩy rửa. Theo lý thuyết này nó xác lập điều kiện "lệ thuộc" cho châu Mỹ latin, và điều này đến lượt nó tiếp tục tình trạng sa sút của con người, của quần chúng châu Mỹ latin bản cùng hóa. Học thuyết này lấy tên từ quyển sách bán chạy nhất của nhà thần học công giáo Gustavo Gutierrez. *Một thần học về sự giải phóng*, xuất bản năm 1971 và nó được sự hưởng ứng mạnh mẽ trên một lục địa đang gặp những vấn đề xã hội, đang mang một liều lượng mạnh mẽ tình cảm chống Mỹ và về tinh thần bị thống trị bởi nhà thờ công giáo La Mã. Như Gutierrez nói, đối với châu Mỹ latin bị áp bức và bị thống trị, từ *giải phóng* là thích hợp hơn từ *phát triển*... Và đối với nhiều người trên lục địa chúng ta, sự giải phóng này sớm muộn phải đi qua con đường bạo lực.

Thần học về sự giải phóng theo cách này cũng cung cấp sự biện hộ về đạo đức cho bạo lực cách mạng. Do đó, một cái cầu đã được dựng lên giữa ý thức công giáo và sự chống lại xấu xa đạo đức với cách biện hộ kiểu Lenin cho hành động cách mạng có kỷ luật. Nó biểu lộ trong thời gian những cao trào cách mạng ở Nicaragua và El Salvador, ở đây những người cộng sản quyết tâm và các tu sĩ cực đoan khoác tay nhau, và nó biểu hiện còn rõ rệt hơn trong quan điểm được tán thành rộng rãi cho rằng hành động cách mạng không những là một sự thúc đẩy đạo đức mà còn là một yêu cầu đạo đức. Ở mức độ dân gian đơn giản nhất, nó được minh họa bởi một chuyện kể của một nhà thần học giải phóng khác là José Miguez Bonino, về một vở kịch trình diễn trong một nhà thờ Tin lành tại thành phố ở Uruguay.

Một diễn viên hỏi "Vậy thì Jésus Crist là ai?" Người kia đáp: "Đối với chúng tôi, Jésus Crist là Ché Guevara".

Do tính cách song song ngẫu nhiên của học thuyết Mác với thần học giải phóng, cả hai đều thấm nhuần những tình cảm chống Mỹ, trong một tình hình thống khổ về vật chất của quần chúng châu Mỹ latin và được tiếp tục không những bởi một cấu trúc xã hội mang tính phân biệt mà còn bởi một cuộc khủng hoảng kinh tế gần như thường xuyên, một điều tiêu biểu là những cố gắng cộng sản vẫn không thành công để làm cho quá trình cách mạng tiến lên. Sự thiết lập những chế độ mácxít - leninít ở Cuba và Nicaragua vẫn không bác bỏ được kết luận này. Cuba là một hòn đảo cô lập ở biển Caribe, thực tế nó là một trong những xã hội châu Mỹ latin phát triển nhất vào thời cộng sản nắm chính quyền. Nicaragua là một nước nhỏ bé ở trung Mỹ gồm phần lớn là nông dân. Những cuộc cách mạng ở cả hai nước này đều nảy sinh do người ta nhớ lại một cách hết sức cay đắng sự can thiệp trực tiếp của Mỹ. Hồi ức dân tộc này là cội nguồn cho thuyết cấp tiến về chính trị còn quan trọng hơn so với sức thu hút của chủ nghĩa Mác, và sự củng cố CNCS ở hai nước này được trở thành dễ dàng do những sai lầm, ngần ngại và thiếu chính sách nhất quán của Mỹ.

Tuy nhiên CNCS nhẽ ra phải có tiến bộ chính trị hơn ở chỗ khác bằng cách khai thác cuộc khủng hoảng ở nông thôn và thành thị trong tình trạng công nghiệp hóa đang nảy sinh ở lục địa này. Theo học thuyết Mác, giai đoạn phát triển xã hội này sẽ sản sinh những mâu thuẫn giai cấp gay gắt nhất và điều đó dễ có thể được đảng cộng sản khai thác. Ấy vậy mà hoạt động cộng sản hợp pháp hay bất hợp pháp vẫn không thực hiện được một thắng lợi về chính trị. Những cố gắng tiến hành chiến tranh du kích ở nông thôn hay ở thành thị đều thất bại trong khi tình trạng dân chủ hóa dần dần của nền chính trị châu Mỹ latin đã phơi bày sự hạn chế to lớn của lực hấp dẫn cộng sản trong bầu cử.

Trong 14 cuộc bầu cử dân tộc gần đây được tổ chức trong các nước châu Mỹ latin khác nhau trong những năm 1980 thì kết quả tốt nhất mà những người cộng sản đạt được (trong một vài trường hợp cạnh tranh nhờ những đảng không gọi là cộng sản một cách công khai) là 26% phiếu bầu ở Pêru và 17% ở Guyane. Ở chỗ khác, tổng số phiếu bầu của họ đại khái là từ 3% đến 5%. Trong những nước then chốt như Arhentina và Brasil, sức mạnh bầu cử của họ là ở điểm thấp, mặc dầu ở Brasil không phải chỉ có một, mà có hai đảng cộng sản tranh giành nhau, một đảng thân Liên Xô và một đảng thân Anbani, (đảng thứ hai đã có được một sự kích thích về bầu cử bằng cách có được số phiếu bầu cá nhân cao nhất cho một ứng cử viên của nó là nữ tiến sĩ Jandira Fegnalli 29 tuổi được thân phục rộng rãi với bộ đồ tắm bikini được xem như là biểu trưng tính dục của bờ biển Copacabana). Những người cộng sản khá hơn trong hai cuộc bầu cử do chính họ tiến hành: ở Nicaragua, họ cho rằng đã có được 63% phiếu bầu và ở Cuba 100%.

Nhiều lý do ẩn nấp sau sự thất bại này của đảng cộng sản. Trong những năm gần đây, Mỹ đã chấp nhận một cách tiếp cận phần nào sáng suốt hơn đối với châu Mỹ latin, nhất là bằng cách xem mình là đại diện cho lý tưởng về nhân quyền. Điều này không những giúp nó nêu lên sự nghiệp dân chủ ở châu Mỹ La - tinh mà làm cho nước Mỹ tách ra khỏi chế độ độc tài cá nhân cá biệt hữu đang bị phai mờ. Quan trọng hơn là sự lớn lên của những lực lượng dân chủ bản địa, những lực lượng ấy ngày càng có khả năng hòa nhập việc tìm kiếm tự do cá nhân của họ với việc bênh vực những cải cách cần thiết. Tình trạng nền dân chủ quay trở lại ở nhiều nước châu Mỹ latin chủ đạo đã giúp đỡ chặn đứng sức thu hút cách mạng. Kết quả là, ngay dù cho một vài nhà thần học giải phóng cấp tiến đã đi đến chỗ đồng nhất thay đổi xã hội với những giá trị dân chủ vì họ thấy trong các giá trị dân chủ sự hoàn thành các khát vọng cách mạng của họ trong khi không ngừng bác bỏ cách nhìn cộng sản.

Góp phần vào sự thay đổi cơ bản của tâm trạng là tác dụng lời cuốn kỳ diệu của vị giáo hoàng mới, John Paul II, cũng như sự sa sút về sức lời cuốn của chủ nghĩa xã hội kiểu Xô viết. Trong quá trình một cuộc đi thăm châu Mỹ latin vào tháng Một 1979, vị giáo chủ nhận xét "thưa vâng, thần học giải phóng, nhưng thần học giải phóng nào?". Trong lời bình giải hiện nay nổi tiếng của ông, thực tế ông đang tìm cách giành lại cho nhà thờ độc quyền tinh thần của cuộc đấu tranh chống lại cái ác xã hội, làm cho thần học giải phóng thoát khỏi liên hệ với chủ nghĩa Mác. Trong những lời dạy và những thông điệp sau đó, John Paul II rõ ràng đã tiến bộ trong việc xây dựng nên một liên minh trong thực tế giữa sự thúc đẩy về đạo đức yêu cầu xây dựng lại triệt để các xã hội bất công với việc đề cao sự thay đổi xã hội theo kiểu đa nguyên và dân chủ. Trên một lục địa có một truyền thống công giáo phong phú, điều này có một tầm quan trọng chính trị to lớn. Nó tăng cường tính chất chính đảng của nền dân chủ đa nguyên, và bác bỏ thông điệp mácxít.

Đồng thời, tác dụng chính trị trực tiếp của cuộc khủng hoảng bên trong của Liên Xô cũng không thể đánh giá thấp. Vào khoảng cuối những năm 1970, mô hình Xô viết nhanh chóng bỏ mất uy tín của nó. Tiếp đó, lời tố cáo của chính Gorbachov về những thất bại của Liên Xô đã cung cấp sự khẳng định thêm cho những lời xác nhận khác nghiệt nhất và có tính chất phê phán của nước ngoài về kinh nghiệm Liên Xô. Không những thế, vì sự khôn ngoan của trí thức châu Mỹ latin rất nhạy cảm với những quan điểm xuất phát từ Paris, trong những năm gần đây ở Pháp người ta có sự nhất trí mới cho rằng Liên Xô biểu hiện một tấm gương về kim hãm sự phát triển xã hội và CNXH nhà nước của nó cản trở về trí tuệ, lại càng chặn đứng sức thu hút của CNCS.

Góp phần vào tâm trạng thất vọng của CNCS là những trường hợp loại biệt của Cuba và Nicaragua. Một khi sự bùng nổ ban đầu của lòng nhiệt tình đối với thái độ tự khẳng định mình chống lại Mỹ của

Fidel Castro đã qua đi, những người châu Mỹ latin lại càng nhận thức sự thất bại thực tế về xã hội và kinh tế của cuộc cách mạng Cuba. Bất chấp tài trợ hàng năm của Liên Xô khoảng 5 tỷ đô la, nền kinh tế Cuba vẫn ngưng trệ với gần như tất cả các khu vực kinh tế không đạt được mục tiêu sản xuất. Năm 1986, Castro công bố Cuba hoãn trả đại khái khoảng 3,5 tỷ nợ nước ngoài và yêu cầu một kế hoạch trả lại trong vòng 12 năm với thời kỳ hoãn nợ 6 năm. Một trong những cội nguồn chính để Cuba có ngoại tệ mạnh là việc tái xuất cảng dầu lửa Xô viết mà Habana đã nhận theo một giá cả được nâng đỡ rồi bán lại theo giá của thế giới. Đồng thời, với kết quả sản xuất đường kém xa các chỉ tiêu sản xuất, ngày nay Cuba bắt buộc phải mua hàng trăm ngàn tấn đường của thị trường thế giới để đáp ứng số lượng đường hàng năm mà Hội đồng tương trợ kinh tế đòi hỏi.

Tình trạng thảm hại này về kinh tế là do chỗ Castro kiên quyết bám chắc công cuộc kế hoạch hóa từ trung ương kiểu Stalin. Một lớp quan liêu đông đảo gồm 250.000 hiện nay quản lý một nền kinh tế có một lực lượng lao động chỉ 3 triệu người. Trong một lời phát biểu của lãnh đạo tại Đại hội thứ III của Đảng năm 1986, Castro tố cáo một loạt những điều phi lý về kinh tế có tính chất cộng sản điển hình:

.... Những phương tiện mới về công nghiệp và nông nghiệp được dựng lên ở vùng không có cư dân, không có những thuận tiện về nhà cửa cho lực lượng lao động; những chương trình nông nghiệp rất quan trọng như là về trồng chanh thực hiện ở những nơi vẫn không có thủy lợi; những dự án về thủy lợi không thể hoạt động bởi vì thiếu phương tiện bơm nước hay thiếu điện lực; những xưởng máy hay những phương tiện khác được dựng lên mà không có cần cầu bằng điện; việc xây dựng nhà mà không có những tiện nghi đô thị (tức là đường sá, những tiện lợi về thương nghiệp và giải trí). Chúng ta đã có trường hợp xây dựng tuyến đường sắt trung ương, trong đó chúng ta đã đầu tư

hàng trăm triệu Pésô mà vẫn không thể khai thác nó có hiệu lực bởi vì các tín niệu, việc dỡ hàng và khu bốc hàng, nhà ga v.v... đều không được hoàn thành.

Sau đó Castro nói với Ban chấp hành Trung ương rằng ông ta đã biên soạn một quyển sách về "những điều bất hợp lý về kinh tế" trong đó "mỗi chương mỗi đoạn là kể về một tai họa".

Cũng gần như vậy là trường hợp của Nicaragua. Sự bất lực về kinh tế của các nhà lãnh đạo Sandino và việc quân sự hóa đất nước đã tạo nên tình cảnh thiếu thốn giống như thời chiến tranh. Vào đầu năm 1988 một thùng những khoanh dừa gai nhập cảng giá vào khoảng 20% tiền lương hàng tháng của một người Nicaragua thu nhập trung bình. Một cặp quần sẽ mất gần cả một tháng lương. Hai ngày một tuần Managua không có nước máy và hàng ngày trung bình có từ 2-3 giờ không có nước. Nợ nước ngoài tăng lên từ 1/6 tỷ đến 7 tỷ đô la. Lạm phát hoành hành vào khoảng 1.800% vào năm 1987, với tiền lương thực tế giảm đi khoảng 90% và một vài nhà kinh tế học tiên đoán có thể có siêu lạm phát 10.000% vào năm 1988.

Còn tệ hơn nữa là sự nhận thức lan rộng nhanh chóng vào cuối những năm 70 và đầu những năm 1980 về kỷ lục thảm hại của Cuba trong nhân quyền. Hòn đảo này với một dân số chỉ 10 triệu người phải giam giữ nhiều tù nhân chính trị hơn tất cả các nước khác của châu Mỹ latin cộng lại là một sự thật không thể xóa bỏ được. Những lời kể riêng về sự đối xử tệ hại đối với cá nhân trong các nhà tù Cuba, cụ thể là câu chuyện nhiều người đọc của Armando Valladares *Chống lại mọi hy vọng* về việc ông ta bị giam suốt 20 năm trời, đã có ảnh hưởng rộng lớn. Những điều đó giảm bớt uy tín cá nhân của Castro và nhấn mạnh hình ảnh về CNCS như là một chế độ xét cho cùng là đàn áp và mất nhân tính. Sự quan tâm ngày càng tăng về những điều Cuba vi phạm nhân quyền là có ảnh hưởng đặc biệt tới những giới nhạy cảm về đạo đức, chịu ảnh hưởng thần học giải phóng và góp phần có lập thêm chủ nghĩa Mác về trí thức và chính trị.

Tương lai chính trị của châu Mỹ Latinh còn xa mới được giải quyết do quy mô to lớn những vấn đề xã hội và kinh tế của nó. Lục địa này đang trải qua những thay đổi cách mạng thế nào cũng tạo nên những sự đứt đoạn đột ngột và những cao trào quan trọng. Trong một tương lai gần, chủ nghĩa cộng sản có thể có được những triển vọng khá hơn ở Trung Mỹ và có thể ở Mexico hơn ở chỗ khác. Ở đây những người mácxít-lêninít có thể lợi dụng những lực lượng chống Mỹ, dân tộc chủ nghĩa và triệt để của những bộ phận quan trọng của trí thức và của nông dân địa phương. Tình trạng nổi dậy ở El Salvador có khả năng lặp lại bằng những hoạt động du kích sôi nổi trong những nước lân cận là Honduras và Guatemala. Trong cả hai nước này có những điều kiện thuận lợi cho hoạt động cách mạng. Sự thất bại của những cố gắng của Mỹ để thích nghi hay để lật đổ chế độ Sandinista ở Nicaragua, cùng với sự vụng về sau đó của việc giải quyết mối liên hệ với Panama đã làm nảy sinh ở Trung Mỹ một cảm giác phổ biến rằng ảnh hưởng của Mỹ đang lui dần và chỗ trống có thể được lấp bởi những chế độ cấp tiến hơn được sự ủng hộ của Moskva chống lại sự can thiệp của Mỹ.

Do đó, có thể dự đoán rằng Liên Xô và Cuba đều sẽ khuyến khích những xu hướng cách mạng ở trong vùng. Họ sẽ làm điều đó một cách thận trọng bởi vì họ có ý thức rằng Mỹ nhạy cảm về vấn đề này, nhưng chắc hẳn họ sẽ không bỏ qua những cơ hội cách mạng lôi cuốn như vậy. Một cuộc cách mạng lan rộng ở Trung Mỹ sẽ cung cấp sự biện hộ lịch sử cho ý thức của Castro về sứ mạng lịch sử của mình. Theo quan điểm của Moskva, điều đó sẽ là một mối lo về địa lý chính trị khiến cho Mỹ, đối thủ chính của họ bớt chú ý đến họ, trong khi đồng thời làm sống lại chủ nghĩa lạc quan về học thuyết của Moskva hiện nay đang phai nhạt. Trong bất cứ trường hợp nào, các nhà chiến lược Xô viết cũng phải nhìn vùng này như là nơi dễ bị tổn thương của Mỹ, và chắc hẳn họ không chống lại bất cứ mưu toan nào nhằm nhen lên ngọn lửa cách mạng của vùng này.

Cuối cùng, chắc hẳn Mexico sẽ trở thành mục tiêu chính. Điều đó lệ thuộc nhiều vào chỗ liệu tình trạng ngày càng yếu của Đảng thế chế cách mạng (PRI) đang cầm quyền sẽ có dẫn tới chế độ đa nguyên dân chủ hay sự phân cực về tư tưởng hay không. Qua bao năm trời với những ràng buộc tiêu biểu của nó với cuộc cách mạng Mexico chân chính, đảng PRI đã ngăn cản thành công sức thu hút cách mạng cộng sản. Với PRI chán hẳn trong những năm sắp đến bị thách thức bởi một sự chống đối mạnh hơn từ phía tả, và một số chống đối mạnh hơn từ phía hữu, người ta có thể hy vọng rằng những người cộng sản Mexico sẽ cố gắng phân cực nền chính trị của đất nước, hy vọng rằng may ra họ có thể thay thế phái tả Mexico và hướng dẫn nó đi theo những phương hướng triệt để hơn, cũng như chống Mỹ.

Đây là một nguy cơ nghiêm trọng được xác nhận bởi những kết quả của các cuộc bầu cử tổng thống Mexico 1988. Cảnh tả đảng PRI, trong khi mất ứng cử viên chính thức của đảng lại có được ít nhất 31% số phiếu bầu (và chắc hẳn còn nhiều hơn nữa) và điều đó diễn ra dưới một lá cờ tư tưởng có những giọng điệu mácxít-lêninít. Cương lĩnh của phong trào này, được gọi là mặt trận dân tộc dân chủ, trình bày để tạo ấn tượng là "chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị mácxít, chủ nghĩa xã hội khoa học và chủ nghĩa cộng sản đều là những bộ phận của một khoa học mácxít-lêninít cơ bản, hợp nhất mà sự áp dụng sáng tạo sẽ cho phép ta hiểu được chính xác vai trò của các tầng lớp xã hội khác nhau trong lịch sử Mexico. Tất cả các thành viên của Mặt trận tái thiết dân tộc Cardenas... đánh giá cao việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin... "Những cách trình bày này nhằm kết hợp những tình cảm dân tộc chủ nghĩa chống Mỹ mạnh mẽ với những khái niệm cộng sản kinh điển hơn. Khả năng phái tả cộng sản thay thế phái tả cấp tiến cũng có thể gây nên một sự thách thức nghiêm trọng trong tình hình chế độ chính trị Mexico hiện nay bắt đầu bị phân liệt.

Chủ nghĩa cộng sản ở Trung Mỹ và có lẽ trong tương lai cả ở Mexico cũng thế, như vậy là có thể lợi dụng những tình cảm chống Mỹ mạnh mẽ của nhân dân để có cố gắng mới nhằm gây ra bạo lực cách mạng. Nhưng ở xa hơn về phía nam thì khó lòng trong những năm sắp tới, những hoạt động cách mạng sẽ phản ảnh những học thuyết cách mạng phản ảnh chủ nghĩa Mác - Lênin về tư tưởng hay về tổ chức cũng thế, mà đúng hơn là một tình trạng đa dạng những học thuyết cách mạng nảy sinh trong nước. Một vài học thuyết (như: Con đường sáng ở Péru) có thể tìm cách để chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Mao thích nghi với những khát vọng cứu thế của nông dân da đỏ từ lâu đã bị bóc lột. Những học thuyết khác có thể tìm cách tái tạo chiến lược chiến tranh du kích triệt để ở thành phố mà Arhentina và Uruguay đã phải chịu trong những năm 1970. Nhưng người ta ngày càng thấy rõ rằng một sự chiến thắng có ý nghĩa lịch sử và chính thống về học thuyết ở châu Mỹ latin sẽ gạt bỏ chủ nghĩa cộng sản.

Chương 20

TÌNH TRẠNG TAN RÃ TOÀN BỘ VỀ HỆ TƯ TƯỞNG

Hậu quả tích tụ lại của tình trạng CNCS mất cái đà cách mạng, của tình trạng nở rộ rộng không thích hợp với nền chính trị của thế giới tiên tiến và thất bại không tập trung vào giải quyết những điều gay gắt về xã hội kinh tế của thế giới thứ ba cũng như nó gặp khó khăn trong việc tạo nên những hệ thống cộng sản hợp nhất hoạt động được trong những điều kiện đa dạng như tình hình ở Đông Âu, Liên Xô và Trung Quốc là một cuộc khủng hoảng sâu sắc về hệ tư tưởng. Thực chất của cuộc khủng hoảng này có thể quy về tình trạng cần thiết phải lựa chọn giữa sự trong sáng của học thuyết và sự thống nhất về học thuyết.

Các nhà lãnh đạo Xô viết, là những người bao năm trời nay đã tự cho mình là những ông chủ của phong trào và những người thuyết minh các giáo điều của nó, dần dần đi đến chỗ nhận thức rằng chỉ có thể tìm thấy sự trong sáng này bằng cách mặc cả một cách bẽ phái giữa các đảng cộng sản. Nếu nhấn mạnh vào tính trong sáng có nghĩa là tất yếu dẫn tới chấm dứt sự thống nhất. Song lại có thể chỉ duy trì sự thống nhất bằng cái giá của sự trong sáng, trong đó học thuyết chung sẽ bị hạ thấp xuống cái mẫu số chung thấp nhất. Với lòng tin tưởng có phần nào giảm sút và với sự kiểm soát thực tế của họ đối với phong trào quốc tế dấu sao cũng bị yếu đi, các nhà lãnh đạo ở Kremlin xem ra thiên về thống nhất hơn là trong sáng.

Họ đã làm thế một cách miễn cưỡng, sau nhiều năm trời và trong lòng rất ngần ngại. Đôi khi họ đã tìm cách quay ngược kim đồng hồ và thử thắt chặt lại một tính chính thống chặt chẽ và chung trong định nghĩa của họ. Vì gặp phải sự kháng cự và sợ những sự chia tách mới, lúc đó họ đành phải miễn cưỡng nhượng bộ. Trong quá trình này, học thuyết cộng sản không những bị loãng đi, mà còn ngày càng bị đổ vỡ về học thuyết lẫn thực tiễn. Thực tiễn cộng sản ngày càng lùi về quá khứ, nhường chỗ cho một chủ nghĩa thực dụng dựa vào việc tập trung vào những điều kiện dân tộc loại biệt và khác nhau. Điều mà có một thời được xem là phổ biến thì ngày càng bị thống trị bởi cái cá biệt.

Điều này lẽ ra phải là số phận không thể tránh được về mặt lịch sử của một học thuyết đã tự cho mình là một biện pháp có giá trị toàn thế giới để cứu vớt xã hội, một khi học thuyết này bắt đầu được áp dụng vào những hoàn cảnh dân tộc loại biệt. Những hoàn cảnh chính trị và xã hội đặc thù đành phải được thừa nhận và thích nghi, miễn là học thuyết không bị vứt bỏ xem như hoàn toàn không thích hợp. Nhưng mọi sự thỏa hiệp với cái thực tế đa dạng thế nào cũng làm cho học thuyết trở thành đa dạng và nâng lên những quyền ưu tiên dân tộc khác nhau hay đưa những điều kiện vào trong các nguyên lý của học thuyết. Không những thế tình trạng phức tạp tự nhiên của cái xã hội hậu công nghiệp đang xuất hiện, và cụ thể là của những đặc điểm bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi siêu khoa học và siêu kỹ thuật đã nêu lên thành vấn đề những điều đơn giản lố quá đáng to lớn nhưng có lần vẫn hữu ích về mặt chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những đặc điểm ấy ngày càng bị xem là lỗi thời và rõ ràng bị quy định bởi những hoàn cảnh địa phương gắn liền với những cội nguồn đặc biệt Nga của nó.

Tuy nhiên, quá trình tan rã của học thuyết rõ ràng cũng tăng lên bởi lối làm việc quan liêu nặng nề, tình trạng vụng về tư tưởng

và thái độ không nhạy cảm về chính trị của các vị thầy của học thuyết Xô viết. Từ những năm đầu của Lenin và mãi tới một thời gian sau khi Stalin chết, các nhà lãnh đạo Xô viết không những nhấn mạnh tới ưu thế về tư tưởng của họ mà cả tới sự lệ thuộc thực tiễn về chính trị của các đảng cộng sản vào quyền lợi của Liên Xô. Điều này đã làm nảy sinh một sự phản ứng về trí tuệ và chính trị cuối cùng phải bùng nổ công khai chỉ cần Liên Xô lưỡng lự một chút. Sự thất bại của Liên Xô không xóa bỏ được sự ly khai của Titô vào năm 1948 là dấu hiệu đầu tiên cho thấy Moskva có thể không khẳng định được đầy đủ sự thống trị của mình về học thuyết và tình trạng lan tràn của dị giáo còn phát triển nhanh chóng hơn và công khai hơn sau khi Stalin chết vào năm 1953.

35 năm sau đó đã nhìn thấy một loạt những cố gắng ở phía sau của các nhà lãnh đạo Xô viết nhằm duy trì tính chính thống và tính thống nhất của CNCS. Điện Kremlin phải tiến hành cuộc chiến đấu trên hai trận tuyến. Cuộc chiến đấu thứ nhất bao gồm một cuộc chiến đấu chống lại các đảng cai trị khác đã khó chịu về những mưu toan của Moskva muốn bắt theo một sự đồng dạng về hệ thống đối với các quá trình xây dựng CNCS trong thực tế. Trận tuyến thứ hai bao gồm một cuộc đấu tranh chống lại các Đảng đang vươn lên nắm quyền lực nhưng lại bị cản trở về mặt chính trị bởi cái di sản của Stalin và lại càng thiên về chỗ tố cáo cái di sản ấy hơn Moskva. Trên cả hai trận tuyến, lùi bước là quy tắc đối với Moskva. Sự chia tách đầu tiên với Nam Tư, được bộc lộ công khai vào giữa những năm 1950, sau đó bị lấn át bởi cuộc tranh luận dữ dội và to lớn với Trung Quốc, trong khi bên ngoài khối cộng sản, đảng cộng sản Ý ngày càng trở nên độc lập, dẫn đầu không những cuộc tấn công tiến tới chủ nghĩa xét lại mà còn thiên về liếc tình công khai với dân chủ xã hội.

Ý muốn của Liên Xô hàn gắn sự chia rẽ với Trung Quốc, đồng thời muốn tránh những sự chia rẽ tương tự với các đảng cai trị khác,

xem ra bất đảng Liên Xô phải từ bỏ mọi tham vọng lãnh đạo chính thức về hệ tư tưởng. Liên Xô muốn đi tìm một sự thống nhất rộng lớn hơn, toàn thế giới, của chủ nghĩa Mác, điều đó cũng thúc đẩy Liên Xô tha thứ việc đảng cộng sản Ý thiên về những quan điểm chủ yếu là dân chủ xã hội, kể cả việc thực tế từ bỏ chủ nghĩa Lenin. Việc Kremlin chọn con đường này như là điều tai họa ít nhất vì thừa biết rằng sự tự khẳng định mình của Trung Quốc thế nào cũng được các đảng cộng sản khác ủng hộ ngầm và hiểu rằng tấm gương của Ý đã được sự tán thành của những đảng cộng sản lâu đời như đảng cộng sản Nhật năm 1976 và đảng cộng sản Tây Ban Nha năm 1978.

Tình trạng Liên Xô tỏ ra mềm dẻo càng khuyến khích sự tan rã hơn nữa của học thuyết. Những người Ý vào năm 1979 cắt khỏi cương lĩnh của Đảng yêu cầu các đảng viên phải học tập chủ nghĩa Mác - Lenin, và năm 1983 từ bỏ công khai cái nguyên lý đã từng được thần thánh hóa của Lenin về dân chủ tập trung. Trong thời gian ấy, những người Trung Quốc lại tiến thêm trong việc phục hồi những quan hệ về đảng của họ với nhiều đảng cộng sản cầm quyền hay không cầm quyền, trong khi đồng thời không ngừng tố cáo mọi sự tin cậy cộng sản vào "tính chất cứng rắn của các học thuyết, của các giáo điều và các mô hình tai hại" và gạt bỏ thẳng thừng sự tồn tại của mọi "trung tâm lãnh đạo" hay sự tồn tại của mọi "đảng lãnh đạo".

Kết quả vào khoảng giữa những năm 1980, cả tập trung dân chủ - thước đo chủ chốt mang tính leninít về tính chính thống nội tại về học thuyết, cũng như sự trung thành với Liên Xô với tư cách là thước đo chủ nghĩa quốc tế vô sản đều được Kremlin từ bỏ, cũng như nó đã được một số đảng phái từ bỏ. Tại Đại hội Đảng Liên Xô lần thứ 27, Gorbachov khiêm tốn tuyên bố rằng "tình trạng đa dạng của phong trào chúng ta không phải là đồng nghĩa với tính mất thống nhất của nó. Cũng vậy thống nhất không có cái gì chung với nhất loạt, tôn ty không có gì chung với sự can thiệp của một đảng vào

công việc của một đảng khác hay với tham vọng một đảng nào đó nắm độc quyền chân lý". Thực vậy, ông nói, từ nay trở đi, ngay cả xu hướng dân chủ xã hội cũng cần phải được chào đón như là một bộ phận của một liên minh rộng lớn hơn và tiến bộ, tham dự không phải trong việc tiến hành cách mạng mácxít - leninít mà trong việc cản trở một cuộc xung đột hạt nhân giữa Mỹ và Liên Xô.

Điều được hiểu ngầm trong lời thừa nhận đa dạng hóa này và trong cố gắng tạo nên một liên minh rộng lớn hơn nhưng thế nào cũng lỏng lẻo hơn đó là sự nhận thức rằng những hy vọng lịch sử của Mác và những chiến thuật chính trị của Lenin đã tỏ ra hoặc là trái lịch sử hoặc là sai lầm. Tình trạng bản cùng hóa của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản đã không xảy ra, làn sóng chống thực dân đã không chuyển thành một cuộc cách mạng mácxít - leninít, trong khi cố gắng muốn duy trì sự lãnh đạo của Liên Xô về chính trị và học thuyết đã gây nên sự cô lập và sự nổi dậy. Cuối cùng, những không phải là hết, sự thất bại của mô hình Xô viết làm mất uy tín khái niệm về mọi đường lối học thuyết có giá trị phổ biến cho công cuộc xây dựng CNXH. Trong những hoàn cảnh như vậy, điều duy nhất hợp lý đối với các nhà lãnh đạo Xô viết là từ bỏ việc tìm cách phục hồi lại một hệ tư tưởng nhất quán và một sự thống nhất chặt chẽ về chính trị.

Như vậy, là người ta đã đi qua một cái mốc lịch sử. Sau khi đã thất bại không tạo thành một phong trào thống nhất cả trong thế giới đã phát triển cũng như trong thế giới đang phát triển, thời đại của một phong trào cộng sản nguyên khối xây dựng chung quanh một giáo điều chung nay rõ ràng là một câu chuyện của quá khứ. Những năm giữa 1980 không những đã chứng kiến sự chấm dứt của sự thống nhất về lý thuyết và thực tiễn cộng sản mà cả sự chấm dứt một học thuyết thống nhất và hành động thống nhất giữa các đảng cộng sản.

Phần VI

CƠN HẤP HỐI CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Hiện tượng cộng sản biểu hiện một bi kịch lịch sử ra đời từ một chủ nghĩa duy tâm sốt ruột muốn bác bỏ sự bất công của hiện trạng, nó tìm kiếm một xã hội tốt hơn và nhân đạo hơn, nhưng lại sản sinh ra sự áp bức quần chúng. Nó phản ánh một cách lạc quan lòng tin vào quyền lực của lý trí nhằm xây dựng một cộng đồng hoàn hảo. Nó động viên những cảm xúc mạnh mẽ nhất về tình yêu nhân loại và căm ghét áp bức, nhân danh việc xây dựng xã hội với động cơ đạo đức. Như vậy, nó quyến rũ một số trí óc thông minh nhất và một số trái tim duy tâm nhất - ấy thế mà nó đã thúc đẩy những tội ác xấu xa nhất của thế kỷ này, hoặc của bất cứ thế kỷ nào.

Hơn nữa, chủ nghĩa cộng sản biểu hiện một sự cố gắng lạc đường nhằm áp đặt một sự hợp lý hoàn toàn về các vấn đề xã hội. Nó thừa nhận khái niệm là một xã hội có văn hóa, giác ngộ về chính trị có thể bảo đảm kiểm soát sự tiến triển của xã hội, hướng sự biến đổi kinh tế - xã hội vào những kết cục có mục đích. Lịch sử như vậy sẽ không còn là một quá trình đơn thuần tự phát và ngẫu nhiên, mà là một công cụ của trí tuệ tập thể của nhân loại và mục đích đạo đức. Như vậy là chủ

nghĩa cộng sản hướng tới sự pha trộn hợp lý chính trị với đạo đức xã hội thông qua hành động có tổ chức.

Tuy vậy, trong thực tế, lòng tin quá đáng ở lý trí con người, khuynh hướng của những cuộc xung đột gay gắt vì quyền lực nhằm chuyển những phán định lịch sử thành những luận thuyết giáo điều, khuynh hướng ngăn chặn tinh thần suy đồi trở thành lòng căm thù chính trị tự cho mình là đúng đắn và đặc biệt là sự hỗn hợp leninít giữa chủ nghĩa Mác với những truyền thống chuyên quyền lạc hậu của nước Nga đã biến đổi chủ nghĩa cộng sản thành một công cụ áp bức chính trị trong cuộc xung đột với chính những xung lực đạo đức của nó.

Chương 21

CUỘC TỔNG KHỦNG HOẢNG

Chủ nghĩa cộng sản ngày nay đã ở vào giai đoạn tổng khủng hoảng cả về mặt hệ tư tưởng lẫn hệ thống. Phạm vi cuộc khủng hoảng đó bộc lộ với một sức mạnh đáng kể từ 5 sự phát triển chủ yếu sau:

1. Đối với những người cộng sản trên toàn thế giới, kinh nghiệm của Liên Xô - một tương thành không hơn - không còn là một mô hình để noi theo, mà trái lại, còn cần phải tránh. Chủ nghĩa cộng sản như vậy không có nữa một mô hình thực tế để các nơi khác noi gương.
2. Ở Liên Xô, hệ thống cộng sản đang ở vào thế khó xử; thành tựu kinh tế chỉ có thể đạt được với cái giá là phải có sự ổn định về chính trị, trong khi đó thì sự ổn định về chính trị chỉ có thể được duy trì với cái giá thất bại về kinh tế.
3. Ở Đông Âu, sự rạn nứt không tránh khỏi của chủ nghĩa cộng sản là độc quyền nắm quyền lực của Đảng có gốc rễ trong sự thống trị của Liên Xô. Bốn mươi năm sau khi áp đặt chủ nghĩa cộng sản, ngày nay việc loại trừ cả hai cái: sự thống trị của nước ngoài và sự thống trị của Đảng được xem một cách rộng rãi như là tiền đề cần thiết cho sự hồi sinh của xã hội.
4. Ở Trung Quốc, để đổi lấy thành tựu về kinh tế thì phải trả giá cho việc làm phai màu, làm biến chất hệ tư tưởng. Bước vào thế kỷ XXI,

Trung Quốc còn có thể do chủ nghĩa cộng sản lãnh đạo, nhưng sẽ không phải là một nước Trung Quốc bị cộng sản hóa.

5. Thời đại một phong trào cộng sản thế giới gần bó thành một khối được xây dựng trên một giáo lý chung đã thuộc về quá khứ. Vào giữa những năm 80, đã chấm dứt khái niệm về một phong trào của các đảng cộng sản thống nhất trong học thuyết và hành động.

Thêm vào đó, đây không chỉ là những dấu hiệu của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản, mà còn báo trước sự lu mờ của nó với tư cách là một lực lượng chính trị và tư tưởng lớn trong thế giới hiện đại. Cuộc khủng hoảng đó hiện nay được phản ánh trong sự rối loạn xã hội tăng lên trên cơ sở thành tựu kinh tế nghèo nàn của các nước cộng sản và trong sự mất lòng tin về mặt học thuyết ở các giới thượng lưu cộng sản đang cầm quyền. Trong các nước cộng sản, khái niệm cho rằng chủ nghĩa xã hội tiêu biểu cho một hệ thống xã hội ưu việt hoặc đã bị bác bỏ, hoặc được xem xét với một thái độ hoài nghi ngày càng tăng. Hơn nữa, chủ nghĩa cộng sản không còn chỉ ra được bất cứ mô hình xã hội nào là người dẫn đường của nó trong tương lai.

Định nghĩa kinh điển mácxít - leninít về "cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản" mà năm 1961 điện Kremlin tuyên bố là đang diễn ra rất thích hợp với tình hình hiện nay của chủ nghĩa cộng sản. Chỉ cần thay từ "chủ nghĩa cộng sản" hoặc Liên Xô, trong lời tuyên bố đó bằng từ "chủ nghĩa đế quốc" hoặc "chủ nghĩa tư bản" và từ "nền dân chủ tư do kinh doanh" bằng từ "chủ nghĩa xã hội", thì sẽ thấy hiện lên bức tranh tiêu tụy chính xác của chủ nghĩa cộng sản hiện đại:

Chủ nghĩa cộng sản trong giai đoạn phát triển hiện nay là chủ nghĩa đế quốc Xô viết trong thời kỳ suy tàn và hủy diệt của nó. Quá trình tan rã không tránh khỏi đã nhấn chìm chủ nghĩa cộng sản từ đầu đến chân bao gồm cơ cấu kinh tế và nhà nước của nó, chính trị và hệ tư tưởng của nó...

Trong số 15 chế độ được đánh giá, không một chế độ nào có được một bảng điểm gần hoàn hảo có thể tiêu biểu cho một hệ thống kinh tế lêninít phần vinh được nhân dân thật sự ủng hộ. Chỉ có bốn chế độ có bảng điểm dưới 10 chứng tỏ chưa có tình trạng khủng hoảng. Tuy nhiên, có năm chế độ có bảng điểm 20 hoặc hơn nữa, có nghĩa là đang trong điều kiện khủng hoảng nghiêm trọng. Hơn nữa, trong số bốn chế độ tương đối "thành công" thì Trung Quốc, chế độ quan trọng nhất đã tránh được khủng hoảng chủ yếu bằng cách làm khác đi nhiều, trên một phạm vi rộng lớn, thực tiễn cộng sản. Điều đó cho phép chế độ có được một sự hấp dẫn và lạc quan nào đó, nhưng với cái giá là phải tách rời khỏi một số giáo lý chủ yếu của học thuyết cộng sản. Ba chế độ khác là Đông Đức, Bulgari và Bắc Triều Tiên đã chứng tỏ là có hiệu quả hơn trong việc duy trì sự đàn áp xã hội và sự quản lý một nền kinh tế nhà nước. Những chế độ đó cũng ít gặp phải sự chống đối của xã hội trong quá trình biến đổi của chủ nghĩa cộng sản. Tất cả các chế độ cộng sản khác thì ở vào các giai đoạn khác nhau của cuộc khủng hoảng. Những cố gắng của họ nhằm tạo nên một chế độ mới không đưa đến những nền kinh tế đổi mới và có hiệu suất mà lại đưa đến tình trạng bất mãn xã hội và trong một số trường hợp cả bất mãn chính trị tăng lên.

Do cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản trầm trọng thêm, điều thích hợp là trình bày rõ ràng bảng chẩn đoán lịch sử cuối cùng về thành tựu của chủ nghĩa cộng sản và dự đoán những triển vọng của nó trong thế kỷ sau.

Chương 22 HỒ SƠ LỊCH SỬ

Cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản có gốc rễ sâu xa trong thành quả lịch sử kém cỏi của nó. Sự hấp dẫn ban đầu của chủ nghĩa cộng sản là do trong những giai đoạn đầu tiên của thế kỷ XX, phần lớn các chế độ đang tồn tại, kể cả những chế độ dân chủ đã tỏ ra vô trách nhiệm trước những nỗi đau khổ và bất công trong giai đoạn phát triển công nghiệp đầu tiên của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, cũng có một thực tế khác là không một chế độ cộng sản nào giành chính quyền do kết quả của sự bầy tỏ tự do ý nguyện của nhân dân. Không có một giới lãnh đạo cộng sản cấp cao nào, ngay cả sau hàng thập kỷ nắm quyền lực, có ý muốn tìm kiếm quyền lực chính trị chính đáng bằng cách cho phép nhân dân nước họ thực hiện một sự tự do lựa chọn tiếp tục chủ nghĩa cộng sản. Việc không muốn đưa chủ nghĩa cộng sản vào cuộc thử nghiệm dân chủ một phần là do ý thức mang tính tôn giáo tự cho mình có nhiệm vụ vốn có của học thuyết Mác - Lênin và một phần do nhận thấy chủ nghĩa cộng sản cầm quyền đã không thành công trong việc thỏa mãn nhu cầu xã hội về cải thiện đời sống vật chất và hạnh phúc của cá nhân. Cho đến nay không có những cuộc bỏ chạy có ý nghĩa nào đến các hệ thống công sản của những người bị lỗi sống của hệ thống đó hấp dẫn, trong khi ý muốn rời bỏ chủ nghĩa cộng sản là hiển nhiên trong trường hợp của chế độ Xô viết đã có 70 năm tồn tại cũng như của chế độ ở Ba Lan đã có 40 năm và chế độ ở Việt Nam đã có 15 năm.

Hơn nữa, thành tựu lịch sử của chủ nghĩa cộng sản với tư cách một hệ thống tổ chức xã hội đã bao hàm việc thiếu cân đối đáng buồn giữa sự hy sinh to lớn của con người mà người ta dùng vũ lực bắt nhân dân phải chịu với một số lợi ích kinh tế xã hội không thể phủ nhận đã đạt được bằng cách đó. Những so sánh của các nước cộng sản và các nước không cộng sản ở những giai đoạn phát triển kinh tế xã hội giống nhau, ví như giữa Đông Đức và Tiệp Khắc với Tây Đức, giữa Ba Lan với Tây Ban Nha, giữa Hungary và Nam Tư với Áo và Ý, giữa Trung Quốc và Ấn Độ - chỉ ra rằng hầu như không có chế độ cộng sản nào cải tiến được vị trí của mình so với đối thủ được so sánh, về tổng sản phẩm quốc dân, về thương mại trên thị trường cạnh tranh thế giới, hoặc về mức sống trong nước. Chỉ có Trung Quốc trội hơn Ấn Độ, nhưng bản thân Ấn Độ cũng là nạn nhân của một chế độ cực kỳ quan liêu và hầu như là theo kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc cũng chỉ thực hiện được điều đó sau khi Bắc Kinh đã bắt đầu rút khỏi học thuyết chính thống Mác - Lênin. Liên Xô đã tụt lại đằng sau rất xa không những so với Mỹ mà cả với Nhật. Từ 1960 đến 1988, với một số dân chỉ bằng non nửa của Liên Xô, tổng thu nhập quốc dân của Nhật đã lớn hơn của Liên Xô tới ba lần.

Những nền kinh tế của các nước cộng sản cũng thua xa xét về mặt cạnh tranh trên thế giới. Năm 1985, trong khi giá trị khối lượng buôn bán của Mỹ là 576 tỷ đô la và của Nhật là 308 tỷ đô la thì Liên Xô chỉ đạt 66 tỷ đô la. Thêm vào đó, bộ mặt thương mại của Liên Xô giống như của một nước thuộc thế giới thứ ba. Gần ba phần tư hàng xuất của Liên Xô là từ công nghiệp khai khoáng trong đó dầu khí chiếm 49 phần trăm, vàng 18 phần trăm, gỗ 4 phần trăm, kim cương 2 phần trăm. Các nước cộng sản với số dân chiếm gần một phần ba số dân thế giới nhưng chỉ chiếm 10 phần trăm xuất khẩu trên thế giới, 3 phần trăm cải tiến kỹ thuật và đúng 1 phần trăm viện trợ kinh tế cho các nước đang phát triển. Tất cả Đông Âu xuất khẩu máy móc sang các nước dân chủ công nghiệp hóa còn ít hơn Singapour.

Thành quả kém cỏi của chủ nghĩa cộng sản cũng được phản ánh ở mức sống trong nước. Bốn mươi năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, chính phủ Xô viết còn phải định khẩu phần thịt và gần đây bắt đầu định khẩu phần đường. Theo tờ báo Xô viết hàng tuần *Nedelya* (số ra ngày 27 tháng Sáu, 3 tháng Bảy 1988), "những người sinh sống ở thành phố Sverdlovsk và trong vùng đã được cấp "những phiếu khẩu phần lương thực màu vàng nhạt" ở mỗi khối phố có một người được phép phân phối những phiếu đó. Khoảng 800 gam xúc xích mỗi tháng, 400 gam bơ. Và 2 kilôgam thịt hàng năm cho những ngày hội vào tháng 5 và tháng 10. Một vài ngày chủ nhật, thậm chí không có cả mì ống hoặc gạo lứt để mua". Báo *Nedelya* viết thêm: "Vào lúc đó tốt hơn cả là đừng nói với những người dân đó về *perestroika*".

Những số liệu thống kê chính thức của Liên Xô được công bố trong thời đại *glasnost* chỉ ra rằng khoảng 40% dân số và 79% người già sống trong cảnh nghèo túng. Theo một tác giả Xô viết N.M. Rimashevstaya, chỉ có một phần ba hộ nhân dân Xô viết được cung cấp nước nóng, còn một phần ba hộ nhân dân khác thì không có đến cả nước lạnh. Báo *Izvestia* ngày 26 tháng Giêng 1986 cũng viết là một gia đình công nhân không lành nghề gồm bốn người phải sống hơn tám năm trong một căn buồng 8 phút x 8 phút (tức là 2,4 m x 2,4 m = 5,76 m², ND chú thích) trước khi có được một sự cải thiện nào đó. Do đó, có thể nói không có gì quá đáng là người ở phương Tây có mức sống vật chất ngang với tầng lớp thượng lưu ở Liên Xô.

Những thống kê về sở hữu xe ô tô, một trong những chỉ báo thô của xã hội hiện đại về khả năng sử dụng hàng tiêu dùng cũng nói lên điều tương tự. Các nước phương Tây hầu như đã đạt đến mức bão hòa việc tiêu thụ ô tô. Năm 1983, tỷ lệ đó như sau: 1 ô tô cho 1,8 người Mỹ, 4,4 người Nhật, 2,5 người Đức (Tây Đức), 2,8 người Italia, 14,2 người Liên Xô, 5,8 người Tiệp, 10,8 người Ba Lan. Có một sự kiện làm giạt mình là tính tỷ lệ theo đầu người thì người da đen ở Nam Phi còn có xe ô tô nhiều hơn là người dân Liên Xô.

Hòa vào những sự thiếu thốn về kinh tế, đó là cuộc khủng hoảng sinh thái đang tăng lên ở một số nước cộng sản. Ở Đông Âu, tình hình đã trở nên đặc biệt nghiêm trọng trong những khu vực lớn ở Ba Lan và ở một số nơi ở Đông Đức và Tiệp Khắc. Ở Liên Xô, các vùng công nghiệp nhìn chung đã bị ô nhiễm nặng, vấn đề được xem là đặc biệt nghiêm trọng ở Armenia, nơi mà những chất thải độc hại của công nghiệp được trút xuống sông. Tất cả các nước cộng sản bị ám ảnh bởi sự tăng trưởng nhanh của công nghiệp đã hết sức cầu thả trong việc có những bước đi tối thiểu nhằm bảo vệ môi trường và đã chậm trễ một cách ghê gớm trong việc đối phó với cuộc khủng hoảng đang tăng lên. Tình trạng môi trường xấu đi cùng với những điều kiện bảo vệ sức khỏe công cộng kém cỏi chắc hẳn là đã góp phần làm tăng lên một cách đáng báo động những tỷ lệ chết ở mọi nhóm tuổi trong tất cả các nước thuộc khối Xô viết. Theo những công trình nghiên cứu so sánh của Nick Eberstadt tại trung tâm nghiên cứu về dân số của trường đại học Harvard, ngày nay một trẻ em sinh ở Liên Xô có một cuộc đời ngắn hơn một trẻ em sinh ở Mêhicô.

Tất cả những điều nói trên không phủ nhận thực tế là các nước xã hội chủ nghĩa đã tiến những bước dài, đặc biệt là trong sự phát triển công nghiệp nặng, và về mặt phúc lợi xã hội, đặc biệt là trong những giai đoạn đầu sau khi nắm chính quyền. Tuy nhiên, sự tiến bộ đó đã đạt được với một cái giá về con người phải trả làm người ta choáng váng. Không có một kinh nghiệm nào về công cuộc xây dựng lại xã hội trong toàn bộ lịch sử nhân loại đã đòi hỏi một cái giá cao hơn về mặt con người hoặc đã lãng phí như điều mà nhân loại đã gặp phải với chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XX. Không ai có thể đo lường được một cách chính xác cái giá toàn bộ bởi vì những chế độ đòi hỏi sự đóng góp về vật chất dưới những điều kiện phần nhiều được giấu giếm và bởi vì sự tồn tại về mặt tâm lý và về mặt văn hóa kết hợp với nhau đã không thể dẫn tới những ước tính về định lượng. Tuy nhiên có thể đưa ra một sự ước lượng đại thể về những phạm trù cụ thể của

sự đau khổ của con người do các chế độ Mác - Lênin gây ra trong quá trình cộng sản làm biến đổi các xã hội. Những sự tố cáo gần đây về những thái quá đã diễn ra trong quá khứ ở Liên Xô và Trung Quốc đã cung cấp thêm những số liệu về cái giá con người phải trả trong kinh nghiệm xây dựng xã hội của cộng sản và làm để ước lượng hơn khiến cho những kết luận của nó đáng tin cậy hơn đối với những người phương Tây còn nghi hoặc.

Cái giá phải trả về con người bao gồm:

1. *Những vụ hành quyết không xét xử trong quá trình nắm chính quyền.* Không tính đến những người chết trong chiến tranh cách mạng và nội chiến, có thể ước lượng ít nhất một triệu người bị hành quyết ở Liên Xô, nhiều triệu ở Trung Quốc. Khoảng 100.000 ở Đông Âu và ít nhất là 150.000 ở Việt Nam.
2. *Hành quyết những đối thủ chính trị và những người chống đối sau khi giành được chính quyền.* Những vụ giết đó thường xảy ra trong thời kỳ những năm cộng sản củng cố sự thống trị của họ trong nước. Ước lượng đại thể số người bị hành quyết thuộc loại này cũng bằng số lượng thuộc loại 1; kể cả hai loại 1 và 2, khoảng 5 triệu.
3. *Tiêu diệt tất cả những người thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, cả khả năng chống đối, bất kể thái độ hiện tại của những nạn nhân.* Những nhóm đó bao gồm những người trước đây là sĩ quan, quan chức chính phủ, tầng lớp quý tộc, địa chủ, thầy tu, tư sản. Một số bị hành quyết, một số khác bị đưa đi các trại cải tạo và phần lớn họ chết ở đó. Trong khi các ước tính đối với loại này phải là lớn, thì những sự đổ lộ của Liên Xô, Đông Âu và Trung Quốc cho thấy số lượng người bị tiêu diệt là quan trọng, chắc chắn không ít hơn từ 3 tới 5 triệu người.

4. *Thù tiêu nông dân độc lập.* Điển hình của loại này là thù tiêu giai cấp Kulác về mặt thể xác ở Liên Xô thông qua các vụ hành quyết và chết ở các trại lao động cải tạo. Với những số liệu của Liên Xô và Trung Quốc lên tới nhiều triệu và của Việt Nam với Bác Triều Tiên lên tới nhiều trăm ngàn, một sự ước lượng tối thiểu đối với loại này là trên 10 triệu người.

5. *Những sự giết hại kết hợp với đưa đi đây hàng loạt và cưỡng bức di cư.* Những chính sách đó được thực hiện nổi bật trong các cuộc tập thể hóa (nông nghiệp) ở Liên Xô, Đông Âu và đặc biệt là ở Trung Quốc trong chiến dịch chống địa chủ và thiết lập công xã nông dân trong thời kỳ đại nhảy vọt đã dẫn đến nạn đói trong đồng đảo quần chúng, bệnh dịch và các thảm họa khác. Bất cứ sự ước lượng nào cũng phải tính đến chính sách Xô viết đưa đi đây ở các vùng hẻo lánh ở Xibia những người đáng nghi thuộc các dân tộc không phải Nga như những người Latvia, Lithuania, Etstonia thuộc các nước cộng hòa vùng biển Baltic, những người Ba Lan thuộc các vùng phía Tây Liên Xô, những người Tatar vùng Crime và những người khác nữa. Những sự ước tính gần đây của Liên Xô nêu số lượng nạn nhân từ 7 triệu đến 10 triệu chỉ riêng đối với Liên Xô trong khi một số ước tính tổng số nạn nhân ở Trung Quốc vào khoảng 27 triệu. Con số tổng hợp dè dặt, mà cũng đã kinh khủng, là ít nhất có 30 triệu nạn nhân.

6. *Những vụ hành quyết và chết của những người bị thanh trừng ở các trại lao động cải tạo.* Ở Liên Xô, số những người cộng sản bị mất vị trí trong các cuộc đấu tranh giành quyền lực, các đợt thanh trừng và bị thù tiêu từ 1936 đến 1938 có thể ước lượng một cách đúng đắn là hơn 1 triệu người. Ở Đông Âu, từ những năm cuối 40 đến những năm đầu 50, hàng chục ngàn người cộng sản đã bị giam cầm hoặc bị giết. Ở Trung Quốc, đặc biệt

là trong cách mạng văn hóa, hàng triệu người đã phải chịu chung số phận như trên.

7. *Những vết thương trên thân thể và trong tâm lý do bị giam giữ kéo dài và lao động cưỡng bức.* Ở Liên Xô, những vụ ân xá vào giữa những năm 50 đã thả ra nhiều triệu người, trong một số trường hợp họ đã bị giam tới 20 năm trong những điều kiện khác nghiệt nhất. Những vụ ân xá tương tự đã diễn ra ở Đông Âu sau khi Khrushov tố cáo Stalin năm 1956 và ở Trung Quốc sau khi cuộc cách mạng văn hóa kết thúc vào đầu những năm 70.

8. *Sự ngược đãi gia đình những nạn nhân của chế độ.* Ở Liên Xô, gia đình những người rơi vào trong 6 loại kể trên trở thành đối tượng của những hình phạt đi tù hành quyết đến giam vào nhà tù, đi đày, phân biệt đối xử trong việc bố trí nhà ở và sắp xếp việc làm.

9. *Một không khí lo sợ trong xã hội và sự cô lập về con người và về chính trị.* Toàn bộ các tầng lớp xã hội, ngoài công nhân và nông dân nghèo, đều ở vào tình thế bị đặt trước những biểu hiện của sự thù địch về tư tưởng xuất phát từ phía chế độ quan liêu hành chính trong phần lớn kỷ nguyên cộng sản xây dựng lại xã hội một cách cưỡng bức.

Những cái giá về mặt xã hội nêu trên trong đó có ít nhất khoảng 50 triệu người chết bất hạnh không một chút nghi ngờ đó là sự tiêu biểu cho kinh nghiệm nông công và lãng phí nhất chưa bao giờ thấy trong công cuộc xây dựng xã hội. Đưa ra cái sơ tưởng của các chế độ cộng sản hiện nay để thấy rằng phần lớn sự thất bại trong quá khứ của họ bắt nguồn từ "những sai lầm và hành động thái quá" và một sự thay đổi có ý nghĩa trong những chính sách của họ là cần thiết nếu không thì thảm kịch về con người càng lớn hơn. Nói một cách khác,

những người cầm quyền ở Liên Xô, Trung Quốc và một số nước Đông Âu đã phải thừa nhận rằng những "hành động thái quá" của cộng sản trong quá khứ đã không có hiệu quả về mặt kinh tế xã hội và thêm vào đó là đáng ghe sợ về mặt đạo đức.

Như vậy là thất bại lớn của chủ nghĩa cộng sản đã bao gồm, dưới một hình thức giản lược, sự hủy diệt một cách lãng phí nhiều tài năng xã hội và xóa bỏ tính sáng tạo trong đời sống chính trị của xã hội; những cái giá cực kỳ cao về con người để có được những thành tựu kinh tế hiện nay và một sự suy giảm có thể xảy ra về sức sản xuất kinh tế do tập trung cao độ vào tay nhà nước; sự suy giảm ngày càng tăng của hệ thống phúc lợi xã hội bị quan liêu hóa đến cao độ - hệ thống này lúc đầu được xem là biểu tượng của lợi ích chủ yếu dưới chính quyền cộng sản; và sự cản trở do những kiểm soát giáo điều đối với sự phát triển khoa học và nghệ thuật.

Thất bại lịch sử đó, ngày càng được dút khoát thừa nhận bởi những người lãnh đạo cộng sản khi đề ra chủ trương cải cách, đã có những nguồn gốc sâu xa hơn là "các sai lầm và hành động thái quá" như người ta vẫn ăn năn. Nó bắt nguồn từ những khuyết điểm của thử nghiệm cộng sản về các mặt hoạt động, thể chế và triết học. Thật vậy, nó bắt nguồn sâu xa từ bản chất của thực tiễn Mác - Lênin.

Về mặt hoạt động, phong cách ra quyết định của chủ nghĩa Mác Lênin đã góp phần tạo nên một không khí hoang tưởng và việc gia tăng dựa vào bạo lực để giải quyết những vấn đề xã hội và chính trị. Tất cả những người lãnh đạo chớp bu cộng sản - Lênin, Stalin, Mao hoặc những người theo gương họ ở Đông Âu hoặc thế giới thứ ba đều xử sự như đang thực hiện âm mưu quyền lực, một sự giấu giếm kiểu thầy tu, trong đó mọi điều bàn luận phải được che đậy để chống lại một thế giới thù địch. Một bức màn bí mật bao quanh việc làm, nhân cách và cả gia đình của họ. Đồng thời, khi họ tự cảm thấy được phú cho cách nhìn duy nhất đối với lịch sử nhân loại và do đó, có danh

nghĩa để ướn nấn lại tương lai nhân loại, nếu cần thì bằng bạo lực, họ đã không tin tưởng sâu sắc bất cứ ai không chia sẻ cách nhìn riêng biệt của họ. Cái huấn lệnh "ai không đi với ta là chống lại ta" đã dẫn đến một phong cách xem sự phê bình là chống đối, khó khăn là do phá hoại và những quan điểm khác (với quan điểm chính thống) là sự phản bội. Trong bối cảnh đó, việc sửa chữa chính sách chỉ có thể diễn ra sau khi đã có những tai họa khủng khiếp.

Những khuyết điểm về mặt thể chế càng phóng to thêm sự biến dạng đó về mặt hành động. Cái phong cách hành động đó của cộng sản giúp vào việc sản sinh ra những chế độ chính trị không có những van an toàn hoặc những cơ chế báo động sớm. Những dấu hiệu của tình trạng không yên ổn thường là chậm trễ một cách cố hữu khi lên đến lãnh đạo cấp cao; sự thông tin sai lệch thì lại tuôn tràn lên trên nhanh chóng hơn; nỗi lo sợ ngăn cấm sự tìm tòi cởi mở của tâm hồn. Một người lãnh đạo nắm quyền lực chính trị cho đến khi ông ta vẫn có thể còn tồn tại cả về mặt thể xác và chính trị, và thường thì ông ta chỉ bị thay thế khi nào có xung đột về chính trị, điều đó càng làm tăng thêm đến tột độ những khuynh hướng có tính tôn giáo đã được nhận xét ở trên. Việc thiếu những cơ chế để thay đổi những người cầm quyền kém cỏi khiến cho tiêu chuẩn chủ yếu để kéo dài sự lãnh đạo là sự kiểm soát có hiệu quả quyền lực chứ không phải là thắng lợi hay thất bại của chính sách. Xét một cách căn bản hơn, thất bại lớn đó có căn nguyên triết học. Xét đến cùng, những chính sách Mác - Lênin bắt nguồn từ một nhận thức sai về lịch sử và về bản chất con người. Sự thất bại của chủ nghĩa cộng sản, xét đến cùng là về mặt trí tuệ. Nó đã không coi trọng nguyện vọng cơ bản của con người là tự do cá nhân, để tự biểu hiện về mặt nghệ thuật và trí tuệ, và trong thời đại của trí thức và thông tin đại chúng, con người ngày càng muốn có sự tự do lựa chọn về chính trị. Nó cũng coi nhẹ mối quan hệ hữu cơ giữa một bên là hiệu quả kinh tế với sáng kiến đổi mới và một bên khác là sự khao khát của cá nhân về phúc lợi vật chất. Như vậy

chủ nghĩa cộng sản đã bóp nghẹt sự sáng tạo xã hội ngay cả khi họ tự trình bày như là chế độ xã hội sáng tạo và đổi mới nhất.

Sự thất bại về mặt trí tuệ đó đã gây hại cho chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi quốc tế. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã không thấy trước và không hiểu những lực lượng cơ bản trong các vấn đề quốc tế ở thế kỷ XX. Nó đã đánh giá thấp vai trò các dân tộc và chủ nghĩa dân tộc, do đó mà đã bị choáng trước những cuộc xung đột dân tộc trong các nước xã hội cộng sản. Những cuộc xung đột đó, đến lượt chúng lại được mở rộng thêm do khuynh hướng của các bên cộng sản xen nhau như là những người di giáo về mặt học thuyết. Đó chính là trường hợp của những cuộc tranh chấp tiêu cực về mặt hệ tư tưởng giữa Liên Xô và Nam Tư, giữa Liên Xô và Trung Quốc. Chủ nghĩa cộng sản cũng không thấy được sự hấp dẫn của tôn giáo nên đã bị bất ngờ về sự chống đối ở Ba Lan dựa trên đạo Thiên chúa và sự hồi sinh của Hồi giáo ở ngay chính Liên Xô. Điều cuối cùng và cũng là quan trọng nhất, trong khi cuộc cách mạng kỹ thuật điện tử đã làm thay đổi bản chất sự phân phối quyền lực và cơ cấu xã hội ở các nước tư bản phát triển thì những người theo chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn còn bám lấy những khái niệm lỗi thời trong những giai đoạn đầu của cuộc cách mạng công nghiệp.

Hợp nhất lại, những nhân tố hành động, thể chế và triết học đã góp phần vào những chính sách có thể dẫn đến không những cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản mà còn làm tăng thêm sự không chắc chắn về tương lai của nó.

Chương 23

VIỄN CẢNH TƯƠNG LAI

Đến năm 2017, một trăm năm sau cuộc cách mạng bôn-sê-vích, một cái giàn che lăng Lenin ở chỗ trước kia là quảng trường Đỏ nay được gọi là quảng trường Tự do. Cái giàn đó che việc xây dựng lại lăng thành lối vào một bãi đỗ xe dưới mặt đất nhằm phục vụ những khách du lịch đến thăm quan triển lãm thường xuyên mới mở trong điện Kremlin với nội dung: "Một trăm năm lăng phí, 50 triệu cuộc đời bị tàn phá".

Điều đó không có gì là gượng ép như người ta nghĩ lúc đầu. Thật vậy, chuyện tưởng tượng đó về Moskva năm 2017 hầu như chắc chắn chẳng khác gì khái niệm là chế độ này sẽ tồn tại cho đến lúc đó gần như không thay đổi và đến ngày kỷ niệm 100 năm cuộc cách mạng bôn-sê-vích, lại một nhà lãnh đạo Xô viết khác hứa hẹn sự sung túc đối với nhân dân Liên Xô trong khi phê phán những người tiền nhiệm bao gồm cả Gorbachov, Brezhnev, Stalin về những khuyết điểm đang diễn ra.

Gorbachov đã thả lỏng những lực lượng tạo ra sự đứt đoạn lịch sử hơn là sự liên tục lịch sử. Do đó, bất kỳ một sự phân tích nào về tương lai của chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô cũng tùy thuộc vào việc trả lời một câu hỏi: chính sách của Gorbachov là dấu hiệu của một sự đổi mới hoặc một sự kiệt sức của chủ nghĩa cộng sản? Mặc dầu luận điểm của Gorbachov nói về sức sống của chủ nghĩa cộng sản, câu trả lời đối với câu hỏi đặt ra phải hướng về phía kiệt sức chứ không phải về phía sức

sống. Ở mức độ mà công cuộc *perestroika* của ông ta bao gồm bất kỳ những thay đổi hiển nhiên nào, thì những thay đổi đó cũng đã xa rời những giáo lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, cả về lý luận và thực tiễn. Ở Đông Âu và Trung Quốc, nơi mà những cải cách rõ rệt tỏ ra táo bạo và thực dụng hơn, thì chiều hướng đó còn đậm nét hơn.

Sự đột phá chung vào chủ nghĩa cộng sản hiện đại, bao gồm cả ở Liên Xô là xóa bỏ cái một thời được xem là căn bản. Trong lĩnh vực kinh tế, quyền sở hữu nhà nước hoặc sở hữu xã hội trong nông nghiệp, trong khu vực dịch vụ, thậm chí cả trong công nghiệp được vứt bỏ hoặc được tìm cách thỏa hiệp ở những mức độ khác nhau. Vấn đề kế hoạch hóa từ trung ương và vấn đề định giá cũng bị tiến công với bước tiến rút rè theo hướng một hình thức nào đó của cơ chế thị trường. Trong lĩnh vực chính trị, sự kiểm soát hoàn toàn của cộng sản đối với các phương tiện thông tin bị xóa bỏ. Sự nhồi nhét về hệ tư tưởng đã nhường bước cho sự rút lui về tư tưởng trước những ảnh hưởng "xa lạ". Sự thống trị của một đảng trong đối thoại chính trị của xã hội ngày càng bị tiến công trong nhiều nước cộng sản. Chỉ còn độc quyền của cộng sản về quyền lực chính trị ở các cấp là chủ yếu vẫn không thay đổi.

Hơn nữa, hệ tư tưởng cộng sản bị mất tín nhiệm không những vì kinh nghiệm thực tiễn, mà còn vì bản thân những nhà lãnh đạo cộng sản. Giấu mình vào một hình thức của điệu múa từng bước thoát ly lịch sử, họ dần dần trút bỏ hết lớp này đến lớp khác quá khứ giáo lý của họ. Những tín đồ thật sự của giáo lý đó bắt đầu kinh ngạc về cái gì còn lại của di sản khi họ nghe hai mươi năm của Brezhnev được xem là thời đại của tri trệ và tham nhũng, khi họ biết rằng Khrushov trước đó đã bị phê phán là đã vạch ra "những kế hoạch liều lĩnh" mà trên thực tế lại là những việc làm báo hiệu *perestroika*; khi họ được chứng kiến cái nhãn hiệu của chủ nghĩa Stalin trong một phần tư thế kỷ là tội phạm ghê gớm; và như một số người trong họ xì xào là chủ nghĩa xét lại của Gorbachov bao hàm sự bắt đầu bác bỏ trên thực tế chủ nghĩa Lênin. Cũng giống

như vậy, ở Trung Quốc, chủ nghĩa Mao một thời thần thánh được đánh giá lại, trong khi đó thì ở Đông Âu, phần lớn các nhà lãnh đạo cộng sản trước đây sau khi chỉ bị phê phán là những phần tử stalinít. Tất cả những cái đó vạch chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Stalin đến tận xương của chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Mác ở thế kỷ XIX khó mà có thể cung cấp sự hướng dẫn cần thiết để đối phó với những vấn đề của thế giới khi bước vào thế kỷ XXI.

Như vậy là chủ nghĩa cộng sản đang rút lui về mặt lịch sử. Liệu rút lui đó có thể mang lại hiệu quả về mặt kinh tế và đa nguyên về mặt chính trị hay không? Ở đây, câu trả lời là điều đó tùy thuộc vào tình hình từng nước. Đối với Liên Xô, thì đó là điều đáng nghi ngờ. Do những nguyên nhân đã trình bày ở trong hai chương đầu, có rất ít khả năng là những chính sách của Gorbachov sẽ đưa đến một nền kinh tế có thể ganh đua trên thế giới và một hệ thống chính trị trong đó nhân dân thực hiện tự quản dưới sự hướng dẫn ôn hòa của một đảng cộng sản có phần nào thoát khỏi sự ràng buộc. Di sản chống dân chủ của Lênin, tinh chất nhiều dân tộc của nhà nước, những truyền thống tập trung sâu sắc, tất cả những cái đó gộp lại để phá bỏ tính nhạy cảm xã hội để sự chuyển giao những trách nhiệm chính trị và quản lý, và do đó, ngăn chặn một sự phát triển tích cực.

Sự đa nguyên hóa có kết quả ở Liên Xô ít chắc chắn hơn bốn khả năng có thể xảy ra sau đây. Khả năng thứ nhất là cuộc khủng hoảng về hệ thống kéo dài và kết quả cuối cùng không rõ ràng, cuộc khủng hoảng đó triển miên, không có quyết định nào dứt khoát trong hơn một thập kỷ và từng thời gian được đánh dấu bằng những cuộc bùng nổ xã hội của những đám đông quần chúng các thành thị không được thỏa mãn về mặt kinh tế và đặc biệt là của những dân tộc không phải Nga hiểu động về mặt chính trị. Khả năng thứ hai là tình trạng trì trệ sống trở lại khi cuộc rối loạn lắng xuống và khi những truyền thống tập trung vốn có trong quá khứ nước Nga lại tự xác nhận lại. Ở một

mức độ nào đó, điều đó có thể dẫn đến khả năng thứ ba là đảo chính do phái quân sự và an ninh KGB tiến hành (có thể là kết hợp với cái chết sớm của Gorbachov), cuộc đảo chính được biện minh một cách công khai bởi những lời kêu gọi tình cảm đối với chủ nghĩa dân tộc đại Nga. Khả năng thứ tư, ở giai đoạn này thì đó là khả năng xa xôi, bao gồm sự biến đổi từ một cuộc khủng hoảng kéo dài thành một cuộc lật đổ dứt khoát và toàn bộ chế độ cộng sản, thúc nhanh cái kịch bản tương tự đã nêu ra ở đầu đoạn này. Hậu quả cuối cùng có thể sẽ bao gồm cả việc nhà nước Liên Xô thống nhất tán thành từng mảng với bạo lực trên quy mô lớn trong phạm vi lớn giữa các dân tộc và quốc gia ở Liên Xô không tránh khỏi.

Khả năng nhiều nhất có thể diễn ra một cuộc khủng hoảng hệ thống kéo dài và không rõ ràng rồi lắng xuống thành một tình trạng trì trệ trở lại - sẽ làm sâu sắc thêm cuộc khủng hoảng toàn diện của chủ nghĩa cộng sản, góp phần làm tăng thêm sự khác biệt giữa các nước cộng sản, và đẩy nhanh quá trình tan biến của hệ tư tưởng. Nó cũng không tránh khỏi làm tăng thêm những căng thẳng dân tộc ở Liên Xô, đồng thời làm cho những khát vọng ly khai mạnh hơn. Dù sao đi nữa, bằng việc buông lỏng những xúc cảm xã hội mạnh mẽ trong bối cảnh có một chỗ trống về hệ tư tưởng do sự mất tin nhiệm của học thuyết chính thức, Gorbachov đã mở cửa không những cho sự sống lại của chủ nghĩa dân tộc đại Nga mà đặc biệt còn là sự tự xác định của chủ nghĩa dân tộc không phải Nga. Kết quả là Gorbachov tuy không có ý định nhưng đã đặt vào chương trình nghị sự của lịch sử khả năng làm tan vỡ Liên Xô hiện nay.

Perestroika càng kéo dài thì khát vọng dân tộc của những người không phải Nga càng lên cao. Chỉ còn là vấn đề thời gian - và có lẽ sẽ là một thời gian tương đối ngắn - trước khi chất men dân tộc nhân danh sự trao quyền lực lớn hơn từ Moskva cho thủ đô các nước cộng hòa sẽ biến đổi thành yêu cầu rõ rệt về chủ quyền dân tộc. Điều đó đã bắt đầu xảy ra gần đây ở Estonia, Latvia, Lithuania và cũng bắt

đầu xảy ra ở các nước cộng hòa khác về tôn giáo và văn hóa như Armenia, Azerbaidjan và Georgia. Không lâu nữa, điều đó chắc chắn cũng sẽ xảy ra không những ở những nước cộng hòa Hồi giáo chủ yếu như Tadjikistan, Turkmenistan, Ouzbekistan và Kazakstan, mà điều nguy hiểm nhất theo quan điểm của Moskva là cả ở nước cộng hòa Slavơ Ukraina và có thể ở cả Byelorussia nữa (mặc dầu đây là nước cộng hòa Nga hóa phát triển hơn cả). Trong tất cả các nước cộng hòa nói trên thì Ukraina với dân số lớn và giàu tài nguyên thiên nhiên là nguy cơ tiềm tàng nghiêm trọng hơn cả đối với sự tồn tại thật sự của Liên Xô. Như vậy là điều rất có thể xảy ra là vào những thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, đất nước lớn nhất trên thế giới bị bao vây bởi những cuộc xung đột dân tộc dữ dội sẽ là Liên Xô, một sự phát triển nói lên rằng sự hấp dẫn của chủ nghĩa dân tộc đã giành được thắng lợi cuối cùng đối với chủ nghĩa cộng sản.

Giải pháp xây dựng duy nhất đối với sự không thống nhất ngày càng tăng ở Liên Xô phù hợp với những mục tiêu đã được *perestroika* đề ra (phi tập trung hóa về kinh tế, đa nguyên về chính trị) không phải là một sự quay trở lại sự cưỡng bức gia nhập một Liên Xô có tính đế quốc mà là một cuộc vận động theo hướng một liên bang Xô viết chính cống. Tuy nhiên về lâu dài, một liên bang thật sự tự nguyện có thể không phải là một cách giải quyết thực tế, do những xúc cảm dân tộc của những người không phải Nga đang nổi lên. Hơn thế nữa, trong bất cứ trường hợp nào, sự giao lại quyền kiểm soát đích thực từ Moskva về cả kinh tế và chính trị sẽ có nghĩa là sự kết thúc trên thực tế đế quốc Moskva và đế quốc Nga với tư cách một cường quốc thế giới, một triển vọng chắc chắn chẳng thú vị gì đối với những người đại Nga.

Một cuộc đảo chính cánh sát quân sự nhằm chấm dứt cuộc khủng hoảng kéo dài và khôi phục sự thống trị từ trung ương cũng sẽ góp phần vào và có thể còn đẩy nhanh hơn, sự suy tàn toàn diện của chủ nghĩa cộng sản. Trong những điều kiện hiện nay, khi mà nghi thức

về hệ tư tưởng được thực hiện rộng rãi và những chủ nghĩa dân tộc không phải Nga tự xác định lại mình đang tăng lên, thì một cuộc đảo chính nhằm khôi phục sự kiểm soát hữu hiệu hơn từ trung ương, dù cho có được biện minh chính thức bằng những lý lẽ của học thuyết cũng sẽ dẫn đến những tình cảm dân tộc của những người đại Nga về sự chính thống chính trị của họ. Điều đó có thể làm trung tâm có cơ sở đại chúng cần thiết để đàn áp những dân tộc không phải Nga. Nhưng không có gì đáng nghi ngờ là, trừ phi người ta trở lại những phương pháp của Stalin, còn thì những chủ nghĩa dân tộc đó về lâu dài không thể hoàn toàn xóa bỏ được. Những xúc cảm dân tộc đã được thoát khỏi cái hộp của Pandora⁽¹⁾. Trong thời đại của chủ nghĩa dân tộc, không thể đóng kín mãi cái nắp được.

Đồng thời, *glasnost* cũng đã giúp vào việc khuyến khích có những biểu hiện hết sức công khai về chủ nghĩa dân tộc đại Nga. Một số biểu hiện đã nghiêng nhanh chóng về chủ nghĩa sô vanh. *Pamyat* (tưởng niệm), một hội công khai của người Nga có tính tích cực đáng ngạc nhiên và có ảnh hưởng đã lợi dụng thực tế sự mất dần tín nhiệm của hệ tư tưởng chính thống, đã để lại một chỗ trống mà chủ nghĩa dân tộc có thể dễ dàng thay thế. Kết quả là, *Pamyat* đã đánh đúng vào tình cảm những người đại Nga phần ưất về những tổn thất gây cho di sản dân tộc của họ bởi 70 năm của chủ nghĩa cộng sản (mà họ đổ tội cho ảnh hưởng của chủ nghĩa zion⁽²⁾ và của hội tam điểm) và tăng mối lo sợ một cuộc khủng hoảng kéo dài có thể nhanh chóng thúc đẩy sự tan vỡ đế quốc của họ.

Trong khi ở một đồn biên giới trên đường sắt Helsinki - Leningrad người ta nêu lên khẩu hiệu với lời lẽ hoa mỹ: "Chúng ta, sống trong một

(1). Theo thần thoại Hy Lạp, Pandora là người phụ nữ đầu tiên được trời cho nhân loại để phạt về tội Prometheus ăn trộm lửa. Được giao cho một cái hộp đựng tất cả những cái xấu có thể gây tai họa cho loài người, Pandora đã mở tung cái hộp đó ra. (ND chú thích).

(2) Chủ nghĩa phục quốc của người Do Thái. (ND chú thích)

thời đại mà mọi con đường đều dẫn tới chủ nghĩa cộng sản" thì mọi biến thể tương lai của Liên Xô đều báo hiệu sự rút lui của chủ nghĩa cộng sản. Thành công của *perestroika* sẽ đưa đến làm phai nhạt thực tiễn cộng sản. Sự rối loạn kéo dài sẽ báo hiệu sự bất lực của hệ thống chính trị nhằm mục đích chuyển giao quyền lực một cách ổn định cho một xã hội tự quản và năng động hơn. Sự trì trệ trở lại có nghĩa là chủ nghĩa cộng sản không thể phát triển một cách sáng tạo. Một cuộc đảo chính đàn áp dựa trên chủ nghĩa dân tộc và hệ tư tưởng sẽ làm cho Liên Xô mất tín nhiệm về mặt quốc tế, trong khi đó, sự tan rã từng mảng sẽ là một thất bại lịch sử. Như vậy là sự năng động về chính trị và xã hội vốn tiềm ẩn trong tương lai không chắc chắn của Liên Xô sẽ có hại đến uy tín của chủ nghĩa cộng sản và những triển vọng toàn cầu.

Những thay đổi về chính trị và xã hội ở Đông Âu cũng chắc chắn làm tăng thêm cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản. Những thay đổi đó khác nhau tùy theo từng nước và chúng đã diễn ra do những xung lực dân tộc chủ nghĩa và do cả một nhận thức mới về tính tập thể liên dân tộc. Những xung lực dân tộc có thể làm cho những xung đột truyền thống mạnh thêm lên như trường hợp cuộc tranh cãi giữa Hungary và Rumania về vấn đề Transylvania, trong khi đó thì nhận thức mới về tính tập thể liên dân tộc sẽ dẫn đến thay thế tàn dư của chủ nghĩa quốc tế cộng sản bằng sự hấp dẫn tăng lên của một châu Âu thống nhất. Khi mà Tây Âu ngày càng tiến tới một sự thống nhất hữu cơ căn bản hơn về kinh tế, và khi sự thống nhất về chính trị của nó nổi lên đi theo liền sự thống nhất về kinh tế, thì sự hấp dẫn của châu Âu về lịch sử và văn hóa đối với các nước Đông Âu sẽ tăng lên mạnh mẽ. Điều đó sẽ được tăng cường do lợi ích kinh tế của bản thân các nước Đông Âu ngày càng đồng nhất chặt chẽ với châu Âu. Một châu Âu ngày càng thống nhất, năng động về kinh tế, hấp dẫn về văn hóa sẽ trái ngược một cách đầy kịch tính và hấp dẫn với một Liên Xô rối loạn hoặc trì trệ.

Với tư cách một quan niệm thống nhất và là mẫu mực của sự phát triển xã hội, chủ nghĩa cộng sản như vậy là không còn thích hợp với Đông Âu. Về mặt khái niệm, nó không còn sức hấp dẫn về trí tuệ. Về mặt mô hình, nó đã mất tín nhiệm, ngay cả trong giới thượng lưu cầm quyền. Hai vấn đề thích hợp được đặt ra. Thứ nhất, quá trình tan rã các thể chế hiện nay của cộng sản sẽ diễn ra như thế nào? Thứ hai, nó sẽ dẫn đến những hệ thống na ná với các chế độ dân chủ phương Tây hay là những chế độ độc tài dân tộc chủ nghĩa?

Hình ảnh diễn ra chắc chắn là cái gì đó có tính chất lẫn lộn. Hầu hết các nước Đông Âu sẽ có những mối quan hệ chặt chẽ hơn với Tây Âu, với vai trò dẫn đầu chắc chắn là Hungary và Ba Lan. Hai nước đó cũng chắc chắn là những người đi đầu trong việc phá bỏ những thể chế do Liên Xô áp đặt. Ở cả hai nước, sự nổi lên một xã hội công dân tự trị sẽ tiếp tục thu hẹp quy mô của một quyền lực chính trị độc đoán và thúc đẩy sự hồi phục một đời sống chính trị đích thực. Di đầu trong các nước Đông Âu, hai nước đó chắc chắn sẽ đạt tới một đường trục ranh giới giữa một bên là chế độ cộng sản tuy rằng vẫn còn độc quyền xét về mặt quyền lực chính trị nhưng đã ở vào thế phòng ngự, rút lui, ngày càng nhần nhục hơn, với sự xuất hiện một nền dân chủ đa nguyên đích thực với sự lựa chọn chính trị tự do thật sự.

Vượt qua đường ranh giới đó sẽ khó khăn. Chưa có chế độ cộng sản nào đã vượt qua đường ranh giới vô hình đó một cách hòa bình. Hungary là nước có điều kiện tốt hơn hết để có được một sự quá độ hòa bình. Nước Hungary nhỏ hơn và về mặt địa lý - chính trị ít gây chấn động tinh thần cho Liên Xô, điều đó có nghĩa là chắc chắn Moskva ít tham gia gây trở ngại trong sự tiến triển nội bộ của đất nước này. Giới thượng lưu chính trị của Hungary khôn khéo hơn và cảm thấy vững vàng hơn của Ba Lan. Tất cả những điều đó có thể cho phép sự thay đổi dần dần xã hội công dân Hungary đang nổi lên thành một xã hội chính trị với những đặc trưng thật sự đa nguyên.

Ở Ba Lan mặc dầu thực tiễn chính trị mạnh mẽ hơn ở Hungary, triển vọng về một sự quá độ hoàn toàn hòa bình có thể là không thật tốt. Sức mạnh thật sự của những tình cảm dân tộc Ba Lan và sự hoàn toàn yếu kém của những người cầm quyền cộng sản gợi lên rằng một giai đoạn rối loạn có thể là không tránh khỏi cái chết của chủ nghĩa cộng sản, điều này phụ thuộc tất nhiên một phần lớn vào mức độ mà Liên Xô chấp nhận quá trình đó.

Ở một nơi khác, kiểu mẫu chắc chắn là có tính pha trộn hơn. Đông Đức có thể trở thành một nước Phổ cộng sản với những đặc tính kỷ luật, có động cơ tích cực thúc đẩy, có năng suất. Nó có thể duy trì được như thế trong một thời gian, đặc biệt là do có sự đóng góp rộng rãi của Tây Đức vào nền kinh tế của nó. Tuy nhiên, thành quả của nó chắc chắn gắn bó với những truyền thống dân tộc và văn hóa khác biệt hơn là với chủ nghĩa cộng sản. Tiệp Khắc chắc chắn là theo mô hình Hungary và Ba Lan trong việc dần dần phá vỡ những thể chế cồng kềnh của Liên Xô và trong việc tìm những mối quan hệ chặt chẽ hơn với châu Âu. Bất cứ một sự rối loạn nội bộ nào kéo dài ở Liên Xô sẽ giúp làm sống lại những tình cảm đã dẫn đến mùa xuân Praha, do đó đẩy nhanh một thời kỳ mới của chất men chính trị. Rumani và Bulgari chắc chắn sẽ là những kẻ chậm chân trong quá trình, nhưng cả hai đều sẽ dựa trên những lực thúc đẩy dân tộc chủ nghĩa mà xác định chính sách trong nước của họ.

Bản chất phản ứng của Liên Xô đối với sự thay đổi ở Đông Âu sẽ ảnh hưởng một cách có ý nghĩa đến nhịp điệu và mức độ thay đổi trong bản thân Liên Xô. Một Liên Xô cho phép thay đổi ở Đông Âu chắc chắn sẽ là một Liên Xô dẫn mình vào sự tìm kiếm một *perestroika* cho bản thân, một *perestroika* kéo dài, khó nắm bắt và gần như chắc chắn là rối loạn. Một Liên Xô định dẹp bỏ những thay đổi ở Đông Âu chắc chắn cũng là làm tiêu tan những cải cách của chính bản thân mình. Thật vậy, sự kết thúc thành công công cuộc *perestroika* của Gorbachov có thể là cái giá phải trả để duy trì lấy đế

quốc ở bên ngoài. Trong trường hợp khác, hoặc là tìm cách gia nhập một châu Âu rộng lớn hơn, hoặc là lại bị đặt dưới sự thống trị được Liên Xô ủng hộ, đảng nào thì cũng chắc chắn rằng Đông Âu trở thành điều có hại cho vị trí của chủ nghĩa cộng sản trên thế giới.

Chỉ có ở Trung Quốc, sự phát triển hiện nay cho thấy hình như có một sự đổi mới sức sống của chủ nghĩa cộng sản. Nhưng ngay cả ở đây nữa, có thể là kết quả cuối cùng cũng không đáng tin cậy. Như đã vạch rõ, chế độ Trung Quốc chắc là thành công hơn là thất bại trong những cố gắng hiện nay để thúc đẩy Trung Quốc nhanh chóng gia nhập khu vực thịnh vượng ven Thái Bình Dương. Tuy nhiên, Trung Quốc đạt được điều đó bằng những chính sách ngày càng ít gắn với học thuyết Mác - Lênin và ngày càng gắn với những chính sách kinh tế đã tỏ ra thành công ở một số nước láng giềng không phải cộng sản, bao gồm cả việc nhấn mạnh đến ngoại thương xem đó như là cái nguồn kích thích sự phát triển của trong nước. Chủ nghĩa cộng sản thương mại, và cũng một phần bị hủ hóa, vẫn có thể đạt được những tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao, nhưng với mức độ thấp hơn về tính chính thống hệ tư tưởng. Bất cứ một thành tựu kinh tế nào ở Trung Quốc đều biện minh cho việc tiếp tục từ bỏ học thuyết và là một tấm gương cho những quốc gia cộng sản khác, như Việt Nam và Bắc Triều Tiên. Sự chính thống về hệ tư tưởng do đó sẽ bị xói mòn hơn nữa.

Những thất bại trong các chương trình kinh tế của Trung Quốc sẽ không kéo theo việc hồi phục sức sống hoặc tính hợp pháp theo một cách nào đó của hệ tư tưởng. Trái lại, một sự thất bại như thế sẽ được nhiều người Trung Quốc xem như bằng chứng là thành tựu kinh tế không thể có được ở một chế độ tưởng như là cộng sản, và chỉ có thể thực hiện được bằng cách rời bỏ toàn diện mọi sự hạn chế truyền thống của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với tự do chính trị. Do đó, theo thời gian khía cạnh chính trị của sự thay đổi chắc chắn ngày càng trở nên quan trọng. Trung Quốc hầu như chắc chắn không tránh khỏi số phận phải trải qua những căng thẳng chính trị ngày càng tăng.

Thật vậy, không thể dự kiến có một quá trình tăng cường chủ nghĩa đa nguyên kinh tế về lâu dài mà lại không xuất hiện một xã hội công dân ở Trung Quốc, một xã hội có thể bắt đầu nêu lên những nguyện vọng về chính trị. Điều đó chắc chắn là làm sinh ra một sự đối đầu khó khăn, tiềm tàng, thậm chí dữ dội. Như vậy là, đến một lúc nào đó, thành tựu kinh tế ở Trung Quốc có thể là chất xúc tác của một cuộc khủng hoảng chính trị, cuộc khủng hoảng này đến lượt nó lại có thể làm nguy hại đến thành tựu kinh tế đó. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc không thể mãi mãi tránh được việc phải đương đầu với thực tế là cuối cùng, không thể có tình trạng nửa vời giữa chủ nghĩa cộng sản tập trung và một xã hội tự quản phi tập trung hóa.

Ngoài những chế độ cộng sản hiện đang tồn tại, khả năng phát triển của chủ nghĩa cộng sản, hoặc bằng cách mạng, hoặc bằng cách bỏ phiếu đều tỏ ra rất hạn chế. Với sự tan vỡ của hệ tư tưởng Mác - Lênin, chắc chắn là những hoạt động cách mạng, đặc biệt là ở thế giới thứ ba, được tiến hành chủ yếu bởi những nguyên nhân môi sinh và được thúc đẩy bởi những học thuyết lai ghép trong đó có vài yếu tố của chủ nghĩa Mác với cội nguồn tư tưởng được địa phương hóa hơn của sức hấp dẫn mang tính trí thức và cảm xúc "Con đường sáng" ở Peru hoặc thần học giải phóng ở Mỹ Latinh là những ví dụ của những sự vận dụng đó. Những hình thức hỗ trợ khác, đặc biệt là thẩm nhuần một nội dung tôn giáo nào đó, chắc chắn là tự biểu hiện trên thế giới ở những nơi mà sự thất vọng và mất mát dẫn đến bạo lực chính trị.

Một số yếu tố nào đó của chủ nghĩa Mác chắc chắn là một phần của những học thuyết về cách mạng bạo lực còn lại và về việc xây dựng lại xã hội một cách nhanh chóng và cưỡng bức. Quan điểm mácxít về lịch sử là một bộ phận của di sản trí thức thế giới và bất cứ một nhà lãnh đạo cấp tiến nào cũng đều phải thẩm nhuần một cách tự giác hay không tự giác đưa những khái niệm mácxít đó vào tuyên ngôn cách mạng của họ. Nhưng những yếu tố đó không thể được trình

hay như một tổng thể có thể được chấp nhận toàn bộ nữa. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã mất đi tính chính thống lịch sử của nó với tư cách một học thuyết hoàn chỉnh.

Hơn thế nữa, ngay trong những hàng ngũ cộng sản, một khuynh hướng rộng rãi đã nổi lên thành một phong trào có tính chất triết học làm nhớ đến điều đã biểu hiện những năm gần đây trong tôn giáo có tổ chức. Một bằng chứng rõ rệt của cách tư duy "tương đối" đó là khuynh hướng ngày càng tăng những nhà bình luận Xô viết thừa nhận rằng việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô có những sự méo mó giáo điều làm cho kinh nghiệm của Liên Xô không có bất cứ một giá trị phổ biến nào. Tính thực dụng và sự hỗn hợp về mặt trí tuệ có thể là những chỉ báo của một tinh thần độ lượng cao, nhưng chúng cũng có thể là một chủ nghĩa bàng quan ngày càng tăng về mặt học thuyết hay tôn giáo. Chủ nghĩa bàng quan đó là giai đoạn đầu tiên của việc dần dần mất đi những lòng tin chủ yếu. Nó bao hàm sự quá độ vốn có từ chủ nghĩa tuyệt đối đến chủ nghĩa tương đối, từ giáo điều đến đơn thuần chỉ là những ý kiến. Sự quá độ đó là cơn hấp hối của chủ nghĩa cộng sản.

Chương 24

HẬU CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Một hiện tượng mới đang xuất hiện: hậu chủ nghĩa cộng sản (post-communism). Trong khi thế kỷ XX không trở thành thế kỷ thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản, nhưng nó là thế kỷ thách thức của chủ nghĩa cộng sản. Sự thách thức đó ngày càng nhanh chóng suy giảm một khi bản thân chủ nghĩa cộng sản ngày một mờ nhạt. Nghịch lý của tương lai là "thắng lợi" của chủ nghĩa cộng sản ngày càng được đo bằng khả năng của nó vận động theo hướng kinh doanh tự do hơn và phá tan sự kiểm soát trực tiếp của đảng đối với đời sống chính trị của xã hội.

Theo đó, một hệ thống hậu-chủ nghĩa cộng sản sẽ là một hệ thống trong đó sự tiêu vong của chủ nghĩa cộng sản đã đi đến chỗ không phải lý thuyết mácxít hoặc thực tiễn cộng sản trước đây quyết định phần lớn, hay tất cả, mọi chính sách hiện hành. Hậu chủ nghĩa cộng sản, một cách rất đơn giản, sẽ là một hệ thống trong đó những người tự cho là "cộng sản" không xem một cách nghiêm túc học thuyết cộng sản như là sự chỉ dẫn cho chính sách xã hội: không phải chỉ những người chủ trương xem học thuyết đó là nguồn gốc tính hợp pháp quyền lực của họ trong khi hệ thống của họ trị trị dưới sự lãnh đạo của quyền lực đó, mà cả những người chủ trương thực hiện quyền lực đó trong khi trên thực tế, họ đã pha loãng được tính chất của nó, và cả những người bác bỏ quyền lực đó một cách công khai mà không một mảy may lo sợ. Có thể nói rằng ở những mức độ khác nhau, Liên

Xô, Trung Quốc và Đông Âu đã tiến đến gần giai đoạn hậu-chủ nghĩa cộng sản.

Quá trình lịch sử xuất hiện thời kỳ hậu-chủ nghĩa cộng sản đặt ra hai câu hỏi cơ bản:

- 1- Sự quá độ từ những chế độ độc tài mácxít - léninít có dần dần dẫn tới một nền dân chủ đa nguyên hay một hình thức nào của một chế độ quyền lực dân tộc chủ nghĩa?
- 2- Di sản chính trị và trí tuệ của chủ nghĩa cộng sản ở thế kỷ XX là gì?

Thật vậy, vấn đề quá độ của thời kỳ hậu-cộng sản chắc chắn trở thành vấn đề trung tâm về mặt chính trị và lý thú nhất về mặt trí tuệ gắn liền với cái ngày nay còn gọi là thế giới cộng sản. Đó chắc chắn là điều khó khăn chủ yếu mà thế giới đó phải đương đầu trong nhiều thập kỷ sắp đến, và nó cũng đặt ra những vấn đề cả về mặt phân tích và về mặt thực tiễn. Vượt qua những dự đoán thuần túy, nó đòi hỏi phương Tây phải có một chiến lược nhằm làm nổi bật những triển vọng của thời kỳ quá độ hậu-chủ nghĩa cộng sản tiến đến chế độ dân chủ.

Nhìn một cách khái quát, có hai khả năng căn bản lâu dài đối với các chế độ cộng sản khi gọi lên thất bại lớn của chủ nghĩa cộng sản. Khả năng thứ nhất là có thể phát triển thành những xã hội ngày càng đa nguyên. Điều đó đầu tiên có ý nghĩa là có những mức độ hỗn hợp khác nhau giữa các khu vực kinh tế của nhà nước và tư nhân, được hợp pháp hóa bằng những hình thức ngày càng mang tính dân chủ xã hội nhiều hơn điều này do đó trong một số trường hợp sẽ tạo nên bước khởi đầu dẫn đến bước ngoặt cho toàn dân quyết định để chuyển sang một hệ thống chủ yếu có tính chất tự do kinh doanh. Khả năng thứ hai là trì trệ dậm chân tại chỗ với những sự dàn xếp về mặt thể chế hiện đang tồn tại, với những người đang nắm quyền lực sửa chữa qua loa những điểm ngoài rìa, nhưng vẫn bảo vệ quyền lực độc đoán thông qua sự liên minh quân sự - cảnh sát ngày càng dựa trên sự hấp dẫn của chủ nghĩa dân

tộc hơn là của học thuyết, xem đó là nguồn gốc chủ yếu của sự hợp pháp về chính trị. Trong cả hai trường hợp, vấn đề phụ nhưng có liên quan đặt ra là theo hai hướng đó thì phong trào sẽ tiến hóa hay đưa đến những cuộc nổi dậy dữ dội?

Đến nay thực tế lịch sử không cho thấy có một kết quả như vậy đối với khả năng thứ nhất. Trường hợp ở đây khác với các chế độ phát xít ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, nơi cho phép có sự tồn tại của những nhóm tự trị hoạt động về kinh tế và xã hội, những nhóm này có thể biến đổi thành những nguồn hoạt động chính trị đa nguyên vào một tình thế khủng hoảng. Tuy nhiên, các chế độ kiểu Xô viết cũng tạo nên một cách tổ chức xã hội cực quyền, loại trừ khả năng chủ nghĩa đa nguyên chính trị như vậy. Ngay như ở Nam Tư là nước tương đối không theo chế độ cực quyền, thì truyền thống độc quyền của cộng sản - bắt nguồn từ chủ nghĩa Lenin - cũng hành động chống lại sự nổi lên của những nguồn lãnh đạo chính trị khác nhau và đã ngăn chặn việc dần dần biến đổi đất nước thành một cái gì đó gần với một nền xã hội dân chủ.

Hơn thế nữa, như đã nêu, với sự mờ nhạt dần về hệ tư tưởng, những giới chóp bu cộng sản ở khắp nơi mưu toan tăng cường và hợp pháp hóa quyền lực của họ bằng những lời kêu gọi dân tộc chủ nghĩa ngày càng cao giọng. Điều đó đã xảy ra ở nước Ba Lan cộng sản, nơi mà sự lãnh đạo quân sự đã được áp đặt lên trên sự lãnh đạo của Đảng. Điều đó đang diễn ra không rõ ràng như vậy ở Liên Xô, nhưng khuynh hướng đó chắc chắn được mở rộng với sự thất vọng về mặt hệ tư tưởng không ngừng tăng lên. Chủ nghĩa dân tộc mạnh mẽ thể hiện rõ rệt ở những người lãnh đạo Trung Quốc. Trong khi điều đó có thể chống lại việc làm cho học thuyết cộng sản tiếp tục có sức sống, thì sự hấp dẫn của chủ nghĩa dân tộc lại có tác dụng tăng cường quyền lực. Nó tăng cường những thể chế quyền lực mà có thể biến những biểu trưng về dân tộc một cách có hiệu quả nhất thành sự lãnh đạo độc đoán và do đó, gạt bỏ được một sự tiến triển dân chủ.

Tuy nhiên, sẽ là sai lầm nếu loại trừ hoàn toàn khả năng quá độ thời kỳ hậu-cộng sản theo một hướng dân chủ hơn. Ở một số nước cộng sản, sự bị giải phóng về mặt xã hội với kết quả là sự ra đời của một xã hội công dân cùng chung sống nhưng không còn bị thống trị bởi hệ thống chính trị nữa đã báo hiệu khả năng có một sự thay đổi dần dần theo những hình thức đa nguyên hơn. Tác động của những phương tiện thông tin đại chúng mới đặc biệt quan trọng, bởi vì không những chúng đập tan độc quyền của cộng sản trong việc đối thoại chính trị của xã hội mà còn làm cho có thể thực hiện được các quan điểm khác nhau về chính trị.

Bản sơ đồ dưới đây không những chỉ vạch ra những giai đoạn rút lui có thể xảy ra của chủ nghĩa cộng sản mà còn ghi nhận những điều không chắc chắn trong sự thay đổi chính trị có thể diễn ra ở các chế độ cộng sản hiện đang tồn tại:

Những giai đoạn của sự rút lui khỏi chủ nghĩa cộng sản Các nước XHCN

Giai đoạn 1: Chế độ cực quyền (1) cộng sản Đảng cộng sản kiểm soát chế độ chính trị Anbani Bắc Triều Tiên

Chế độ chính trị kiểm soát cả xã hội và kinh tế Việt Nam

Quá độ sang giai đoạn 2: bằng những cuộc đấu tranh liên tiếp làm chia rẽ hàng ngũ Đảng cộng sản cầm quyền và làm tăng sức ép về mặt xã hội để có những nhượng bộ về kinh tế - xã hội. CHDC Đức Rumani Cuba Tiệp Khắc

Giai đoạn 2: Chế độ quyền uy (2) cộng sản

Đảng cộng sản kiểm soát chế độ chính trị, nhưng xã hội công dân đang xuất hiện không thừa nhận chế độ đó; quyền lực tối cao về chính trị trong kinh tế lâm vào thế phòng ngự. Liên Xô Trung Quốc

(1) Totalitarianism: chế độ cực quyền

(2) Authoritarianism: chế độ quyền uy. (Chú thích của ND)

Quá độ sang giai đoạn 3: phần lớn có thể xảy ra những cuộc lật đổ từ cấp cao nhằm đối phó với những lo sợ trước sức ép xã hội tăng lên; trong một số trường hợp có thể dẫn đến giai đoạn 4; hoặc là nếu sự thay đổi bị ngăn chặn thì sẽ xảy ra sự tan vỡ hệ thống thành từng mảnh, hoặc cố đàn áp để trở lại giai đoạn 1.

Giai đoạn 3: chế độ quyền uy sau cộng sản.

Chế độ quyền uy dựa trên cơ sở sự hấp dẫn của chủ nghĩa dân tộc; hệ tư tưởng được nghi thức hóa; xã hội công dân trở thành xã hội chính trị; quyền lực tối cao của chính trị đối với kinh tế rút lui khắp nơi

Quá độ sang giai đoạn 4: phần lớn có thể xảy ra rối loạn trong bước cuối cùng của giai đoạn 3; tuy vậy, trong một số trường hợp đặc biệt vẫn có thể xảy ra tiến triển hòa bình; hoặc là có khả năng tan vỡ hệ thống thành từng mảnh nếu sự thay đổi bị ngăn chặn.

Giai đoạn 4: Chủ nghĩa đa nguyên hậu-cộng sản. Các hệ thống chính trị và kinh tế - xã hội đều trở thành đa nguyên.

Như sự phân tích trên đây gợi ý, giai đoạn khủng hoảng và có lẽ là cần thiết trong sự rút lui của chủ nghĩa cộng sản là giai đoạn 2 - giai đoạn chế độ quyền uy cộng sản. Từ giai đoạn này, chế độ cộng sản có thể tiến triển theo bốn hướng khác nhau. Như đã vạch rõ, sự tiến triển có nhiều khả năng xảy ra nhất là ở giai đoạn 3 - giai đoạn quyền uy sau cộng sản - với những sự lựa chọn ít có khả năng hơn xảy ra là tan vỡ thành từng mảnh, một sự mưu toan trở lại giai đoạn cực quyền, hoặc một sự tiến triển trực tiếp đến dân chủ đa nguyên.

Trong bất cứ trường hợp nào, trong quá trình thay đổi đó, việc cộng sản mất độc quyền về thông tin đại chúng là cái chìa khóa để dẫn

Nicaragua
Hungary
Ba Lan

Nam Tư

tới sự sụp đổ của chế độ cực quyền cộng sản. Trong điều kiện của chủ nghĩa cộng sản và đặc biệt là với sự thiết lập độc quyền nhồi sọ hệ tư tưởng, những quá trình sau đây sẽ diễn ra. Một khối quần chúng tha hóa về mặt hệ tư tưởng được tạo ra, họ thiết tha muốn được biết các nguồn thông tin khác. Họ nắm bắt những kỹ thuật mới về thông tin đại chúng như đài của các nước ngoài, vô tuyến truyền hình, video - cát xet, báo chí bí mật nhằm xây dựng một quan điểm chính trị không đồng tình (với quan điểm chính thống), dù rằng còn mơ hồ. Những thất bại về kinh tế cho phép những nhà trí thức hoạt động tích cực về chính trị chuyển quan điểm chính trị nói trên thành những đòi hỏi phải có không những đa nguyên về kinh tế - xã hội mà cả về chính trị và phải cai trị bằng pháp luật. Những cải cách kinh tế của cộng sản bao gồm cả những sự nhân nhượng và phi tập trung hóa dù không muốn đã góp phần vào việc dần dần thể chế hóa những thay đổi về kinh tế và chính trị, đưa tới một sự tấn công về mặt xã hội vào sự độc đoán của chế độ cực quyền.

Những quá trình đó, có ảnh hưởng sâu sắc đến một số bộ phận của thế giới cộng sản có thể được khuyến khích bởi một chiến lược nhìn xa của phương Tây nhằm đẩy mạnh sự dân chủ hóa của thời kỳ hậu cộng sản. Trong chiến lược đó, giai đoạn quyền lực dân tộc chủ nghĩa của thời kỳ quá độ hậu cộng sản, trong phần lớn các trường hợp, có thể được xem như là một giai đoạn không tránh khỏi trong sự dần dần tan vỡ của các hệ thống mácxít - leninnít. Tuy nhiên, chắc chắn vì lợi ích của nền dân chủ, mà giai đoạn quyền lực đó nên ngắn, đặc biệt là trong bối cảnh của sự tước đoạt về kinh tế và sự phẫn nộ của nhân dân đối với chính quyền cộng sản, sự thiếu kiên nhẫn của nhân dân có thể dễ dàng bùng nổ thành sự nổi loạn trên quy mô lớn và dẫn đến một sự phản ứng kiên quyết hơn và đàn áp của cộng sản. Do đó, có một sự cấp bách lịch sử đẩy mạnh chiến lược dân chủ hóa thời kỳ hậu cộng sản.

Tác động mạnh mẽ của các quyền con người đầy hấp dẫn đặc biệt có ý nghĩa trong việc đẩy nhanh các quá trình làm lu mờ chủ nghĩa cộng sản. Những quyền con người là ý tưởng chính trị duy nhất có sức hút

mạnh nhất trong thời hiện đại. Nếu lên các vấn đề quyền con người, phương Tây đã dồn các chế độ cộng sản vào thế bị động. Sự hấp dẫn của nó đáp ứng sự nổi lên ý thức của các khối quần chúng ngày càng có học thức, giác ngộ chính trị và không thể chịu bị cô lập và nhồi sọ một cách dễ dàng mãi. Những chế độ quyền uy hậu cộng sản chắc chắn là đặc biệt dễ bị tan vỡ trước sự hấp dẫn của những quyền con người bởi vì chúng thiếu một hệ tư tưởng toàn diện, đáng tin cậy. Do đó, chúng bị sơ hở về mặt học thuyết và dễ vỡ về mặt chính trị.

Việc nêu lên quyền con người không những đặt các chế độ cộng sản hiện hành vào thế phòng ngự mà xét theo một nhận thức tổng thể, nó còn giúp vào việc tách chủ nghĩa cộng sản khỏi nền dân chủ. Bằng cách tập trung sự chú ý chung vào việc phủ nhận tự do lựa chọn, vào việc vi phạm những quyền của cá nhân, vào việc cai trị không theo pháp luật, và vào độc quyền chính trị về cả phương tiện thông tin đại chúng và đời sống kinh tế dưới chủ nghĩa cộng sản, mối quan hệ giữa một chế độ nhiều đảng, một nền kinh tế thị trường và nền dân chủ đích thực đã được xác lập một cách sâu sắc hơn. Chủ nghĩa đa nguyên hiện nay được xem rộng rãi như chất giải độc cho chủ nghĩa cực quyền. Kết quả là sự chấp nhận rộng rãi, hiện nay kể cả các nước cộng sản, rằng chủ nghĩa cộng sản dân chủ là một phép nghịch hợp.

Việc tích cực tuyên truyền những quyền con người cũng tạo sự hợp pháp thông minh cho một sự tham gia dân chủ trực tiếp nhằm nuôi dưỡng những xã hội công dân ngày càng độc lập và quyết đoán về chính trị dưới những chế độ cộng sản hiện hành. Sự xuất hiện một xã hội công dân tự trị là bước khởi đầu cho một xã hội tự giải phóng khỏi sự kiểm soát của cộng sản. Những nhóm độc lập đã ra đời một cách tự phát ở một số nước cộng sản, kể cả ở Liên Xô, những nhóm đó đã biết lợi dụng những phương tiện kỹ thuật mới để phổ cập thông tin trong quần chúng. Sự đối thoại chính trị tự lập nổi lên đã có thể góp phần làm nảy sinh một sự đồng lòng dân chủ đối với những thay đổi kinh tế - xã hội cần thiết, do đó, dẫn tới việc chuyển từ thái độ phản

nỗ sang chống về chính trị. Sự chống đối này có khả năng đến một mức nào đó thực hiện được việc chuyển giao chính quyền một cách hòa bình, hoặc là lợi dụng về mặt chính trị sự suy thoái của chế độ cực quyền quyết đoán của cộng sản để biến nó thành chế độ quyền uy hậu-cộng sản ở vào thế phòng ngự.

Thật vậy, một số chế độ cộng sản ở Đông Âu hiện đang tồn tại, sau khi trải qua giai đoạn hậu-cộng sản - có thể là với một sự bạo lực cuối cùng nào đó - chắc chắn là sẽ hội nhập hoàn toàn vào cộng đồng thế giới. Những sự trao đổi khoa học tăng lên, những sự tiếp xúc trí tuệ, và ngay cả những quan hệ kinh tế với các nước cộng sản do đó cũng có thể góp vào quá trình thay đổi theo hướng dân chủ, nhất là khi chúng trùng hợp với những cố gắng nhằm thúc đẩy sự ra đời của những xã hội công dân đích thực tự trị dưới các chế độ cộng sản hiện nay. Sự mỉa mai cay đắng mà cũng đầy hy vọng của lịch sử do đó có thể là một chủ nghĩa cộng sản nào đó cuối cùng được xem như một giai đoạn quá độ không có ý và phải trả giá đắt từ một xã hội tiền công nghiệp sang một nền dân chủ đa nguyên phát triển về mặt xã hội.

Sự thu nhận có thể xảy ra đối với một số nước cộng sản vào một cộng đồng thế giới rộng lớn hơn có thể được tăng nhanh do thực tế là trong thế kỷ này, những nền dân chủ đa nguyên sẽ tiếp thu vào hệ thống của chúng một số mặt tốt lành, thậm chí có tính xây dựng của chủ nghĩa Mác trong việc tìm cách hoàn thiện xã hội. Với nền dân chủ xã hội, thúc đẩy phương Tây có những chương trình công cộng nhằm tăng phúc lợi xã hội, những thập kỷ gần đây đã thấy ở những chế độ dân chủ đó có khuynh hướng yêu thích tự do kinh doanh một loạt những sáng kiến được nhà nước ủng hộ về phúc lợi, tạo cơ may như nhau cho việc thành đạt cá nhân, đánh thuế lũy tiến nhằm giảm bớt tình trạng không bình đẳng trong xã hội, những người ít được ưu đãi cũng có thể đến với hệ thống giáo dục, và cung cấp dịch vụ y tế tối thiểu cho quần chúng. Một nền dân chủ đa nguyên và tự do kinh doanh do đó cũng đạt được một ý thức xã hội phát triển hơn.

Việc đưa ý thức xã hội vào những quá trình của dân chủ chính trị đã giúp vào việc vạch ra một cách mạnh mẽ hơn nữa rằng chủ nghĩa cộng sản không còn sứ mệnh lịch sử nữa. Ý nghĩa cao cả về trách nhiệm xã hội của nền dân chủ kết hợp với sự lựa chọn tự do chính trị đích thực - một công thức trong đó nhà nước không phải được ca tụng mà là được sử dụng như một công cụ hạn chế nhằm đề cao việc tự biểu hiện của xã hội và của cá nhân - đã tạo nên một cơ chế ưu việt cho sự thỏa mãn những nhu cầu của con người cũng như cho sự bảo vệ những quyền của con người. Sự nhấn mạnh ngày càng tăng trên phạm vi toàn thế giới về sáng kiến cá nhân và về sự đoàn kết xã hội độc lập về chính trị đã phản ánh nhận thức rộng rãi là những giấc mơ tiêu biểu nhất của nhân loại có thể trở thành cơn ác mộng nếu nhà nước giáo điều và đầy quyền uy được tôn thờ như công cụ trung tâm của lịch sử.

Sự gặp gỡ đầy thảm họa của nhân loại với chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XX đã cho một bài học đau đớn nhưng cực kỳ quan trọng: đó là sự xây dựng xã hội một cách ảo tưởng về căn bản đã xung đột với tính phức tạp của điều kiện con người, và sự sáng tạo xã hội chỉ nảy nở tốt nhất khi quyền lực chính trị bị thu hẹp. Bài học cơ bản đó cho thấy chính là nền dân chủ, chứ không phải chủ nghĩa cộng sản sẽ thống trị trong thế kỷ XXI.

Phụ lục I

1

VỀ CÔNG CUỘC CÁI TỐ, VỀ THẾ GIỚI, VỀ BẢN THÂN *

Đã có thời chúng ta nói chuyện chủ yếu với các nhà hoạt động nước ngoài có quan điểm trùng hợp hoặc gần gũi với quan điểm của mình. Còn nếu trích dẫn những ai "ở bên kia trận tuyến" thì chỉ để đưa ra "những lời thú nhận cương bức". Người ta thường nói, thậm chí đến một kẻ tối phản động như vậy cũng... Và khi không tìm thấy vài mẫu tư tưởng thích hợp ở những người thuộc tín ngưỡng khác thì chúng ta nghiêm khắc lên án họ bằng những lời gay gắt nhất mà không làm rõ ý nghĩa của những lời tuyên bố làm chúng ta phải phẫn nộ.

Về thực chất, thời đó đã lùi vào dĩ vãng. Chúng ta không sợ tranh luận với nhau về những vấn đề sống động nhất trong đời sống của chúng ta. Tại khóa họp của Xô viết tối cao Liên Xô, trên báo chí tại các cuộc họp. Ta đang có cái gọi là văn hóa chính trị. Mà nếu đã như vậy thì tại

(*) Brzezinski nói chuyện với các phóng viên báo "Pravda" tại Moskva, do các phóng viên C.Vasiliev và A. Liutyi thực hiện. Báo "Pravda" ngày 9-XI-1989, tr.4.

sao chúng ta lại không bình tĩnh và chăm chú nghe một người nước ngoài vốn không chấp nhận quan điểm của chúng ta? Có thể và thậm chí cần phải lắng nghe. Bởi vì ý kiến của một người như thế nhiều khi phản ánh những tâm trạng chiếm ưu thế trong giới cầm quyền phương Tây và với chúng ta việc hiểu biết về chúng là có ích. Vì nghe, tranh luận không có nghĩa là tán thành.

Người nói chuyện với chúng tôi là Z. Brzezinski, một nhà chính trị học người Mỹ. Nguyên cố vấn của Tổng thống Mỹ về an ninh quốc gia, giáo sư, tác giả của nhiều cuốn sách. Cuốn sách gần đây nhất của ông là cuốn "Thất bại lớn: Sự ra đời và cái chết của Chủ nghĩa cộng sản thế kỷ XX". Trước nhận xét của chúng tôi - "nhiều khi ông được gọi là người chống cộng, chống Liên Xô". - Ông ta trả lời: "Và hoàn toàn đúng. Tôi đã tin chắc vào những gì tôi viết về chủ nghĩa Stalin và hệ thống Xô viết, và tôi tiếp tục quan điểm ấy".

Z. Brzezinski là ai ?

- Như có thể hiểu rõ qua họ của tôi, người đối thoại với chúng tôi nói, tôi là người Mỹ gốc Ba Lan. Tôi sinh ra ở Ba Lan và sống ở đây ba năm. Bố tôi là một nhà ngoại giao đã từng làm việc ở Pháp, Đức và Liên Xô. Hơn nữa, bố tôi đã là Tổng lãnh sự của Ba Lan tại Kharkov vào thời kỳ kìm kẹp. Ngay trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, ông được cử sang Canada. Và lúc chiến tranh nổ ra, chúng tôi đang ở đây. Sang Mỹ, tôi theo học trường Đại học Tổng hợp Harvard. Có nhiên, khi đó tôi không thể ngờ rằng những năm tháng ở Harvard sẽ trở thành bàn đạp cho một bước đường công danh một phần khoa học, một phần chính trị.

Hiện nay, Brzezinski làm việc tại trung Tâm nghiên cứu quốc tế và chiến lược ở Washington, đồng thời cũng là giáo sư của trường đại học Tổng hợp Hopkins. Ông tích cực tư vấn cho những tổ chức tài chính và kinh doanh của Mỹ. Ông là thành viên của nhiều hội đồng trực thuộc tổng thống chuyên nghiên cứu những vấn đề chiến lược và tình báo. Ông

nói rằng đây không phải lần đầu ông tới Liên Xô. Lần đầu tiên ông đến Liên Xô là ngay sau khi Stalin mất. Lần sau đó là khi Carter cầm quyền. Ông nói rằng bầu không khí cởi mở hiện giờ gây cho ông một ấn tượng mạnh mẽ. Ông kể về những cuộc gặp gỡ của mình với các nhân vật chính thức, các nhà hoạt động xã hội, các nhà khoa học Liên Xô, về bài phát biểu tại Học viện Ngoại giao. Chủ đề của bản tham luận là "Ngôi nhà chung châu Âu".

*

* *

P.V. - Ông có thái độ như thế nào đối với ý niệm ấy? Ông có cho rằng việc xây dựng ngôi nhà chung châu Âu là một công việc hiện thực hay không?

- Vâng, là một công việc hiện thực, nhưng hết sức khó khăn. Và nếu như không chỉ hạn chế ở chỗ trương khẩu hiệu, mà phải hiện thực hóa nó, thì cần tập trung một cách nghiêm túc vào những khó khăn ấy. Nếu không tạo ra được một hệ thống dựa trên cơ sở những giá trị chung, chúng ta sẽ không xây dựng được một ngôi nhà đích thực. Vì ngôi nhà đó có ngụ ý là sự đồng nhất quan điểm nào đấy. Ngoài ra, cần phải có cấu trúc, nghĩa là cần phải giải quyết những vấn đề an ninh, tạo lập những quan hệ kinh tế.

P.V. - Ông có cho rằng những biến chuyển ở Liên Xô và trên thế giới làm tăng khả năng xây dựng ngôi nhà chung châu Âu hay không?

- Lễ đương nhiên. Những chuyển biến ở Liên Xô làm cho ngay việc tranh luận ở đây với các ông đã trở thành hiện thực. Rất nhiều thứ lệ thuộc vào thành công của công cuộc cải tổ. Tôi lo lắng tới vấn đề khoảng cách ngày càng tăng trong sự phát triển công nghệ và kinh tế xã hội giữa Liên Xô và phương Tây. Khoảng cách này không chỉ lớn, nó

đang tăng lên. Và nếu nó còn sẽ tiếp tục tăng nữa thì Liên Xô sẽ không trở thành một bộ phận hữu cơ không thể tách rời của ngôi nhà chung châu Âu, mà sẽ trở thành ngoại vi của ngôi nhà ấy. Nói tới một ngôi nhà thống nhất nói chung là không hiện thực.

Nếu dựa trên cơ sở những gì tôi đã biết thì tôi khuyến nghị như thế này: có lẽ đường lối tốt nhất là đẩy nhanh quá trình cải cách chính trị, kinh tế và dân tộc. Ngoài ra, cần giải thích rạch ròi hơn nữa cho dân chúng biết công cuộc cải tổ nhằm mục đích gì. Giả như tôi là một công dân Liên Xô bình thường, tôi đã hỏi: "Cải tổ cái gì và dẫn tới đâu?".

P.V. - Trong cuốn sách gần đây nhất của mình, ông khẳng định rằng chủ nghĩa cộng sản với tính cách là hệ tư tưởng và là một hệ thống đã nằm trong trạng thái khủng hoảng.

- Một cuộc khủng hoảng không chữa trị nổi...

P.V. - Chúng ta đang nói tới trạng thái khủng hoảng của hệ thống mệnh lệnh hành chính trong chủ nghĩa xã hội, của mô hình xã hội chủ nghĩa Stalin - Brezhnev. Nhưng cải tổ chính là nhằm làm sao để đem lại cho chủ nghĩa xã hội một cuộc sống mới. Trong cuốn sách của ông có những lời như sau: "Tôi tiên đoán sự tiêu vong của chủ nghĩa cộng sản, ít nhất cũng của biến thể của nó mà ta đã biết trong thế kỷ này". Cho nên ông đề cập tới một mô hình cụ thể của chủ nghĩa xã hội, ông dùng từ "chủ nghĩa cộng sản" chính với nghĩa ấy. Song mô hình này hiện giờ đang trong quá trình cải cách cách mạng - về chính trị, kinh tế, xã hội. Chúng tôi cho rằng chúng tôi không từ bỏ chủ nghĩa xã hội mà đang trở về với cội nguồn của nó, tiến tới khám phá những khả năng to lớn nằm trong đó.

- Tôi hy vọng vào thành công của công cuộc cải tổ. Nhưng các ông không được cố gắng hình thành chính sách xã hội và những biến đổi xã hội trên cơ sở những tư tưởng đã ra đời ít nhất từ một trăm năm trước đây.

P.V. - Chúng tôi muốn trích dẫn thêm một đoạn nữa trong cuốn sách của ông: "Vấn đề đích thực là ở chỗ chủ nghĩa cộng sản Xô viết có tiến hóa thành một hệ thống khoan dung hơn về căn bản

những nỗ lực của người dân Xô viết là nhằm làm cho chủ nghĩa xã hội của chúng tôi trở nên dân chủ hơn, năng động hơn, có hiệu quả hơn về kinh tế. Mỗi hệ thống đều trải qua những giai đoạn phát triển khác nhau của mình. Chủ nghĩa tư bản đã trải qua thời kỳ khó khăn và chần chừ nghiêm trọng vào cuối những năm 20 - đầu những năm 30, vào những năm đại khủng hoảng. Và đã có thể cải cách một cách đáng kể cơ cấu của mình, đưa ra những yếu tố điều chỉnh Nhà nước và triển khai những chương trình xã hội. Đó là "công cuộc cải tổ" hết sức nghiêm túc được thực hiện ở Mỹ dưới thời Tổng thống Roosevelt.

- Thôi được, tôi chỉ có thể chúc các ông thành công. Tôi không muốn chứng minh rằng những nỗ lực của các ông phải chịu thất bại. Nhưng tôi có một nhận xét quan trọng: chủ nghĩa đa nguyên đang nảy sinh phải được thể hiện trong những thiết chế chính trị và kinh tế tương ứng. Còn về chính trị thì tôi đề cập trước hết tới hệ thống đa đảng.

P.V. - Nhưng lẽ nào đặt dấu bằng giữa số đảng phái và quy mô dân chủ là đúng? Hai Đảng chủ chốt về tư tưởng và chính trị của Mỹ - Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ - ít khác gì nhau. Những cuộc tranh luận diễn ra hiện nay ở Xô viết tối cao của chúng tôi thường sâu sắc hơn, gay gắt hơn và cấp bách hơn so với những cuộc bàn cãi ở Quốc hội Mỹ hoặc ở một số nghị viện Tây Âu.

- Đúng, các cuộc tranh luận ở Xô viết tối cao quả là sôi nổi và gay gắt, song vấn đề ở chỗ kết quả của toàn bộ những cái đó sẽ như thế nào. Vì những cuộc tranh luận ấy diễn ra trên nền những khó khăn kinh tế nghiêm trọng, mâu thuẫn đối kháng ngày càng tăng về mặt dân tộc. Dù sao tôi cũng cho rằng việc Liên Xô tiến tới một xã hội đa nguyên, dân chủ hơn để trở thành một xã hội bền vững phải được hiện thực hóa trong những thiết chế tương ứng.

P.V. - Ngài Brzezinski, chúng ta nói chuyện về cuốn sách mới đây nhất của ông. Trong đó ông nhìn một cách tương đối hoài nghi về khả năng thành công của công cuộc cải tổ. Trong cuốn sách có năm kịch bản đặc biệt cho sự phát triển của các sự kiện. Theo ý ông, kịch bản thứ hai là có thể xảy ra nhất - công cuộc cải tổ sẽ bị sa lầy vào nhiều vấn đề.

- Tôi muốn các ông phân biệt giữa những quan điểm của tôi với tư cách là nhà khoa học và là nhà hoạt động chính trị. Với tư cách là nhà khoa học, tôi sẽ không dùng những thuật ngữ "thành công" hay "thất bại", tôi sẽ nói tới "một cuộc khủng hoảng dai dẳng cũng như không giải quyết được". Còn với tư cách là một nhà hoạt động chính trị, tôi muốn cho công cuộc cải tổ thành công. Và tôi cho rằng đã đến lúc cần nghĩ tới những phương pháp giúp đỡ cải tổ.

P.V. - Điều quan trọng là trong một năm - một năm rưỡi tới phải cải thiện về căn bản tình hình kinh tế trong nước.

- Nhưng làm như thế nào? Nếu các ông không thay đổi bởi cảnh chính trị chung, khó khăn sẽ quá lớn. Một trong những khó khăn như vậy là sự công kích thường kỳ vào hoạt động của các hợp tác xã, vào sự phát triển tính chủ động tư nhân. Thêm một khó khăn nữa gắn chặt với truyền thống bền vững đã được khẳng định trong vòng bảy thập kỷ ở nước các ông. Truyền thống ấy đã tạo ra trong tâm lý con người cái mà tôi gọi là chủ nghĩa quân bình tiêu cực. Nói cách khác, xã hội nói chung không quan tâm và không muốn cho cá nhân nào đấy thành đạt và trở nên giàu có. Xã hội ưa thích sự nghèo khổ tập thể hơn là một sự phân định của một cá nhân riêng lẻ nào đấy. Ở Mỹ, khi chúng tôi biết được một nhà hoạt động nào đó trở thành triệu phú, chúng tôi tự hỏi mình: làm sao anh ta đạt được điều ấy? Tôi có thể cũng đạt tới như vậy hay không? Còn ở đây nếu con người trở nên giàu có, anh ta lại bị gọi là kẻ đầu cơ, buôn bán không trung thực.

P.V. - Cuốn sách trước cuốn sách mới đây nhất của ông có nhan đề "Kế hoạch trò chơi. Tiến hành cạnh tranh Xô - Mỹ như thế nào". Theo

Chúng tôi hiểu, ông cho rằng những quan hệ xung đột, thù địch giữa hai nước chúng ta là một cái gì đấy thường xuyên do những nhân tố địa chính trị tiên định. Ông có nghĩ rằng những nhân tố mới xuất hiện vào nửa sau và đặc biệt vào cuối thế kỷ XX chẳng hạn như hiểm họa hạt nhân hủy diệt loài người, những vấn đề sinh thái, kinh tế, năng lượng, lương thực, dân số đang làm thay đổi tình hình về căn bản, bắt chúng ta phải tìm đến thỏa thuận để phù hợp với tình hình hay không?

- Tôi đồng ý với điều đó. Nhưng như vậy không nhất thiết có nghĩa là cuộc ganh đua giữa chúng ta sẽ hoàn toàn chấm dứt. Tôi nghĩ rằng các nước vẫn tiếp tục ganh đua với nhau ngay cả khi giữa họ tồn tại những quan hệ thân thiện. Tôi cho rằng vẫn còn những yếu tố ganh đua nhất định, nhưng giờ đây có thể giảm nhẹ sự ganh đua ấy và trong một số lĩnh vực quan trọng, chuyển hóa ganh đua thành hợp tác.

P.V. - Ông nhận định như thế nào về những biến đổi diễn ra trong tình hình quốc tế vào những năm gần đây?

- Tôi cho rằng hiển nhiên tình trạng căng thẳng đang dịu bớt một cách nhất định. Cường độ "chiến tranh lạnh" đang giảm xuống, chúng ta đang tiến tới một giai đoạn có thể nghiên cứu những vấn đề vốn là hiệu quả của "chiến tranh lạnh" như chạy đua vũ trang, xung đột khu vực, v.v... Tôi nghĩ rằng hiện giờ chúng ta đang bước vào thời kỳ có thể quan tâm một cách nghiêm túc tới vấn đề Trung Âu, nhất là trong quá trình bản thân tình hình Trung Âu đang biến đổi.

P.V. - Chúng tôi nhận thấy rằng trong những bài phát biểu gần đây nhất của mình, ông ủng hộ việc Ba Lan vẫn là thành viên của Tổ chức Hiệp ước Warszawa, cho dù có những biến chuyển nào đi chăng nữa.

- Tôi cho rằng châu Âu cần có một cấu trúc ổn định. Và tôi nghĩ rằng cấu trúc ổn định tốt nhất là hệ thống an ninh châu Âu rộng lớn hơn dựa trên sự thỏa thuận giữa hai khối liên minh hiện đang tồn tại. Tôi nghĩ rằng cấu trúc như vậy sẽ có thể bảo đảm cho một châu Âu ổn

định, ngăn chặn nảy sinh các cuộc xung đột dân tộc, các cuộc tranh cãi về lãnh thổ. Và sẽ làm cho Liên Xô tin chắc rằng những biến đổi nội bộ tại các nước Trung Âu không biến thành những biến đổi đối ngoại mà Mỹ có thể lợi dụng được để chống lại các ông.

P.V. - Xin cho phép trở lại vấn đề quan hệ Xô - Mỹ, vấn đề cải tổ. Giá như Tổng thống Bush hỏi ý kiến của ông về việc cư xử như thế nào đối với Liên Xô, đối với công cuộc cải tổ, ông sẽ nói gì?

- Ôi, cố nhiên tôi cũng có một số ý niệm về việc này. Song chính vì vậy nên tôi nghĩ rằng nơi cuối cùng mà tôi muốn bộc lộ những ý niệm ấy là những trang báo "Pravda".

P.V. - Nhưng có thể ông sẽ nói một điều gì đấy chung chung chăng?

- Xin cho phép tôi được trả lời như sau:

Tôi nghĩ rằng lời khuyên của tôi sẽ như thế này: Phải tạo điều kiện cho quá trình mà tôi coi là tất yếu để công cuộc cải tổ thành công. Điều đó có nghĩa là những cuộc cải cách sâu sắc về căn bản trong lĩnh vực chính trị và kinh tế.

Tôi muốn nói tới một việc vô cùng quan trọng đối với riêng tôi. Chính phủ các ông đã tổ chức cho tôi tới thăm Katyn. Tôi đánh giá điều đó hết sức cao. Tôi có ý kiến vững chắc về việc ai chịu trách nhiệm đối với Katyn. Ở đây, tôi đã công khai nói tới điều đó trước vô tuyến truyền hình Liên Xô, trước những phương tiện thông tin đại chúng của Mỹ, trước các đại biểu báo chí Ba Lan. Trả lời phỏng vấn cho đài truyền hình và phát thanh Ba Lan, tôi đã nhấn mạnh: "Katyn là biểu tượng cho nỗi thống khổ đại chúng của những người dân Ba Lan và Liên Xô, mà nhiều người trong số ấy đã trở thành nạn nhân của chủ nghĩa Stalin, và điều này phải trở thành xuất phát điểm cho một sự thỏa hiệp."

P.V. - Trong một bài phát biểu của mình, ông đã nói rằng ông kính trọng Gorbachov.

- Tôi chưa được gặp Gorbachov trong quá trình viếng thăm lần này, nhưng tôi đã nhìn thấy ông ta tại Washington. Hiển nhiên đây là một cá nhân cương nghị, vô cùng hấp dẫn, một con người có trí tuệ đáng kể và tính năng động chính trị cao.

P.V. - Trong cuốn sách của mình, ông viết rằng việc Gorbachov lên cầm quyền là do những vấn đề đã chín muồi của nước chúng tôi tiền đình.

- Đúng. Nhưng nếu như vậy, tôi không muốn hạ thấp sự đóng góp cá nhân của ông ta, bởi vì không phải ai đứng vào vị trí của mình đều có thể chiếm đỉnh cao của tình hình như Gorbachov đã làm.

P.V. - Một thời, ca sĩ người Mỹ Bob Dylan đã từng hát "Thời thế biến đổi". Hiện giờ ở nước chúng tôi tình hình hoàn toàn mới. Cả trên thế giới cũng đang hình thành một tình thế mới. Thế liệu tiến sĩ Brzezinski có thay đổi hay không?

- Không, tôi không hề thay đổi. Tình thế đã biến đổi.

*
* * *

Ngài giáo sư sẽ hiểu rõ hơn. Nhưng dù sao chúng tôi cũng nghĩ rằng Brzezinski mà chúng tôi gặp khác với Brzezinski mà chúng tôi biết qua những cuốn sách và hoạt động chính trị của ông - một con người khát khe và giáo điều. Không phải ông đã mềm lòng, đã trở thành người cùng chí hướng với chúng ta. Không Zbigniew Brzezinski vẫn là một kẻ thù tư tưởng như trước. Nhưng thời gian đã hiệu chỉnh quan điểm của những ai có khả năng tư duy.

CHỌN HỖN LOẠN HƠN LÀ ĐÀN ÁP^(*)

Hai tháng trước đây, trong một cuộc trò chuyện ở Moskva, tôi gửi ý với Aleksander Yakovlev rằng Mikhail Gorbachov trong thực tế đang chuyển từ truyền thống bônsevich về chủ nghĩa cộng sản độc quyền sang truyền thống mensevich về xã hội dân chủ. Tôi kinh ngạc vì Yakovlev - hiện là ủy viên Bộ chính trị - tránh bàn luận về ý kiến này thay vì phản đối nó. Với việc từ bỏ điều 6 của Hiến pháp Xô viết trong tuần trước, tôi nghĩ rằng điều đó đã xảy ra. Dù có đánh giá sự thay đổi này bằng những cách nào đi nữa, thì người Xô viết không phải chỉ từ bỏ chủ nghĩa Stalin, mà còn từ bỏ cả chủ nghĩa Lenin nữa.

Những sự kiện tuần qua đánh dấu sự kết thúc thái độ khôn khéo của Gorbachov đang đưa ở phía giữa. Đất nước ông đang đối mặt với một sự phân cực của các lựa chọn. Điều này có nghĩa là đang bắt đầu nảy sinh chế độ dân chủ ở Liên Xô; nói cho đúng hơn, đó là những người cầm quyền lúc này thích sự hỗn loạn của dân chủ hóa hơn là bạo lực đàn áp.

Nhưng sự hỗn loạn sẽ kết thúc ở đâu? Chúng ta có thể chờ đợi một sự nảy nở của các phong trào - chính trị, dân tộc, tôn giáo. Chính quyền Xô viết càng suy yếu thì chủ nghĩa sô vanh càng tăng

(*) Zbigniew Brzezinski: A choice of Chaos Over Repression. "News-week", New York, February 19, 1990, p. 15.

ơn và sự khoan dung càng ít hơn. Tình trạng này sẽ dẽ ra sự xáo trộn và những yêu cầu không thể điều hòa ngày càng tăng, dẫn tới hai sự phát triển: thứ nhất, trong vòng hai năm nữa, có thể không còn Đảng Cộng sản Liên Xô ở Liên Xô nữa. Sẽ xảy ra sự tách ra, hoặc sự phân liệt, hoặc sự đổi tên đảng, hoặc tất cả những điều đó sẽ xảy ra đồng thời. Thứ hai, trong 5 năm hoặc 10 năm nữa, có thể không còn Liên Xô nữa.

Những người Xô viết hy vọng chắc chắn về một sự thay đổi tương đối điều khiển được, giống như ở nhiều nước Đông Âu. Nhưng sự khác biệt lớn giữa Liên Xô và Ba Lan, chẳng hạn, là ở Ba Lan sự thay đổi bắt đầu bằng sự ra đời và củng cố của một phong trào thật sự dân chủ. Walesa và công đoàn Đoàn kết chủ trương một sự thay thế nhất quán đối với giới cầm quyền - và điều này tạo ra một sự hấp dẫn mạnh mẽ đối với bất cứ ai bất mãn với nguyên trạng. Sống sót được qua những năm giới nghiêm, Đoàn kết đã giành được thế hợp pháp nó có thể nắm chính quyền và cai trị. Ngược lại, ở Liên Xô một nhóm nhỏ những lãnh tụ chính trị và trí thức đang chủ yếu tiến hành việc phi hợp thức hóa những thể chế chính quyền hiện có. Họ không tạo ra được một sự thỏa thuận dân chủ để thay thế. Những người bất mãn với nguyên trạng không tập hợp xung quanh nhóm nhỏ kia. Họ chỉ có thể lợi dụng sự suy yếu của chính phủ trung ương để đạt tới những mục tiêu rất khác nhau, thường là xung đột nhau của họ.

Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với phần còn lại của thế giới? Hiệu quả của nó sẽ hết sức tế nhị. Có thể sẽ xảy ra những bùng nổ bạo lực với những ảnh hưởng quốc tế tiềm tàng. Tình hình đang xảy ra ở Azerbaijan có thể lại lặp lại ở nơi khác của Liên Xô - ở Tadzhikistan, chẳng hạn, nơi những sự trung thành bộ lạc vượt khỏi biên giới để sang cả Afghanistan. Và trên cơ sở đó luôn luôn có nguy cơ là trong những biến động ấy, vũ khí hạt nhân của Liên Xô có thể rơi vào tay những kẻ bất cần. Nhưng ngoài những sự kiện không thể dự đoán

được ấy ra, thì tác động của tình hình nói trên cũng sẽ tế nhị vì điều đó có nghĩa là Liên Xô sẽ quan tâm hơn bao giờ hết tới việc giải quyết những lối thoát dần dần không thể kiểm soát được.

Sự kiểm soát của Liên Xô ở Đông Âu là một điều của quá khứ; sự tổn thất ấy có thể cũng không bị mất đi ngay cả khi xảy ra một cuộc phản cách mạng chống Gorbachov. Không còn mấy nghi ngờ về việc nước Đức đang tiến tới thống nhất trong năm nay. Đối với Moskva (và đối với phương Tây), vì thế, vấn đề là điều đó sẽ xảy ra với ảnh hưởng của Liên Xô và phương Tây, hay không có ảnh hưởng đó, hay bất chấp cả ảnh hưởng đó. Đồng thời, một vài bộ phận hiện nay thuộc Liên Xô có thể hướng về phương Tây - các nước Baltic là điều đã rõ ràng nhưng có thể còn là Ukraina và Moldavia nữa. Các nước cộng hòa khác như Georgia có thể cần tới một qui chế độc lập với một sự liên kết đặc biệt với Liên Xô. Tất cả những điều đó sẽ thu hút sự chú ý của ban lãnh đạo Liên Xô trong thời gian tới đây.

Ngoài ra, Liên Xô đã tiến hành một vài sự dàn xếp và kiểm soát vũ khí với Mỹ ở một mức cao hơn để giảm nhẹ những gánh nặng ngân sách và vũ trang. Và cuối cùng, Liên Xô sẽ hết sức tìm cách thu hút tư bản phương Tây và sẵn sàng có những nhượng bộ lớn để giành được điều đó. Chẳng hạn người Nhật có thể giành lại được những hòn đảo phía Bắc hiện do Liên Xô chiếm đóng bằng một sự trợ cấp tài chính quan trọng nào đó.

Bước đi quan trọng nhất mà phương Tây có thể làm lúc này là, hai điều, ngoài tầm quan trọng rõ ràng của sự kiểm soát vũ khí ra: thứ nhất, một thái độ thông cảm của phương Tây đối với việc thống nhất nước Đức, vì điều này sẽ củng cố một trật tự hòa bình hơn ở châu Âu; thứ hai, một nỗ lực mạnh mẽ hơn của phương Tây nhằm ủng hộ sự thay đổi về chính trị và kinh tế ở Đông - Trung Âu. Ba Lan, Hungary và Tiệp Khắc đều cần giúp đỡ và Ba Lan là trường hợp khẩn cấp nhất. Đó là nước đi đầu cải cách trong vùng. Đó là

... của bạn có bầu cử tự do một phần. Đó là nước hiện đang có một nỗ lực đầy tham vọng - chỉ trong vòng một năm - để đột phá từ nền kinh tế do nhà nước kiểm soát sang kinh tế thị trường. Nếu như người Ba Lan thất bại, thì ý đồ đầu tiên chuyển từ chủ nghĩa cộng sản sang chủ nghĩa đa nguyên sẽ thất bại. Nếu người Ba Lan thành công, thì điều này sẽ cổ vũ những người Đông Âu khác - và còn cung cấp một bài học khách quan cho người Xô viết rằng cuối cùng, họ cũng có thể thành công.

SỰ PHÁ SÀN LỚN(*)

Hiện nay, vào cuối thế kỷ XX người ta khó có thể tin rằng, một khi nào đó mọi người đã cho rằng mô hình Xô viết là xứng đáng để bắt chước. Do vậy, hoàn toàn hợp lý khi đưa ra câu hỏi: điều đó đã xảy ra như thế nào, tại sao? Khi suy nghĩ về câu hỏi đó, thì tốt nhất sẽ quay trở lại lịch sử của cuộc thử nghiệm chủ nghĩa Mác ở nước Nga. Về thực chất, chủ nghĩa Mác là một học thuyết phương Tây, do một nhà trí thức thảo ra, - một người Đức gốc Do Thái ngồi ở phòng đọc của Viện bảo tàng Anh. Loài thực vật xa lạ này đã được cấy vào đế quốc Á - Âu xa xôi, sống theo các truyền thống của chủ nghĩa quân phiệt bán phương Đông, do một nhà cách mạng Nga giữ, vai trò của nhà phẫu thuật lịch sử. Cái đã xảy ra ở nước Nga sau cách mạng bônsevích không đáng làm ngạc nhiên những ai đã đọc một cách kỹ lưỡng các cuốn sách của Vladimir Ilich Lênin. Trong các cuốn sách đó, vị lãnh tụ của phái cấp tiến nhất trong những nhà mácxít Nga đã đã kịch liệt liệt những kẻ đã chiến đấu vì quá trình dân chủ. Theo quan điểm của ông, nước Nga chưa chín muồi đối với nền dân chủ và chủ nghĩa xã hội sẽ được xây dựng ở Nga "từ bên trên", tức là thông qua chuyên chính vô sản. Đến lượt mình, nền chuyên chính này cần phải được thực hiện bởi giai cấp vô sản chỉ về danh nghĩa mà thôi. Theo ý Lênin, giai cấp cầm quyền mới được sinh ra về mặt

(*) Zbigniew Brzezinski. Bolchoj Proval. Tạp chí "Problemy mira i socializma". Praha, 1990, N.4(380), str. 7-12.

Chính trị cũng chưa được chuẩn bị để lãnh đạo thực sự đất nước ở chừng mực mà nước Nga về phương diện lịch sử vẫn chưa chín muồi đối với chủ nghĩa xã hội. Có nghĩa là, đã có thể đẩy nhanh lịch sử bằng một "đội tiên phong" những người cách mạng trung thành đã được quân sự hóa, hiểu chính xác thực chất sứ mệnh lịch sử của mình, và sẵn sàng hiến dâng toàn bộ cuộc sống của mình cho lịch sử. Học thuyết của Lênin về đảng như là về đội quân tiên phong của giai cấp công nhân là cách giải quyết sáng tạo vấn đề lý luận phức tạp về sự chưa chuẩn bị của nước Nga và giai cấp vô sản Nga đối với cuộc cách mạng mácxít.

Học thuyết này, cũng như thái độ dứt khoát và cương quyết của Lênin trong việc tạo ra một tổ chức có kỷ luật những nhà cách mạng chuyên nghiệp đã là những yếu tố quyết định đối với sự hình thành bộ mặt chính trị của nhà nước mà lần đầu tiên trong lịch sử có người cảm thấy là một phong trào tuân theo các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội. Thời đại Lênin rất xa lạ với nền dân chủ, dường như ngay từ đầu đã gắn liền với những cuộc đàn áp tàn khốc chống lại bất kỳ một phe đối lập nào, và vẫn còn kéo dài một vài năm nữa sau cái chết của Lênin - là giai đoạn của những thử nghiệm văn hóa và xã hội với một quy mô lớn. Trong nghệ thuật, trong kiến trúc học, trong văn học và nói chung trong lĩnh vực tinh thần đã luôn chế ngự tư tưởng: đã bắt đầu một kỷ nguyên mới mở ra những triển vọng mới cho văn học và khoa học. Sự hào hứng về tinh thần đã đến trong chốc lát, khi Lênin đã buộc phải coi trọng đến mệnh lệnh của hiện thực được sinh ra từ sự lạc hậu chung, cũng như sự lạc hậu về kinh tế của nước Nga. Chính sách kinh tế mới nổi tiếng, về thực chất là biện pháp mang tính sách lược, là sự khước từ việc xây dựng ngay lập tức chủ nghĩa xã hội thông qua chuyên chính vô sản, là sự chuyển đổi nhiệm vụ này vào một tương lai nào đó. Không lý tưởng hóa chính sách kinh tế mới - "giờ giải lao", có thể, dù sao cũng sẽ là đúng nếu coi giai đoạn này là thời kỳ sáng tạo nhất trong lịch sử nước Nga ở thế kỷ XX: Những thử nghiệm, thái độ mềm mỏng và ôn hòa. Thậm chí sau 30 năm trôi qua đối với nhiều người nó vẫn là những năm tháng tốt đẹp

nhất của cái kỷ nguyên do cách mạng năm 1917 mở ra. Dường nhiên, trong cách quan niệm như vậy về nước Nga vào những năm 20 đã có quá nhiều yếu tố lý tưởng hóa đối với quá khứ, điều đó đã quyết định đáng kể sự phản ứng đối với thời đại Stalin. Điều quan trọng hơn nhiều so với sinh mệnh của Moskva, Leningrat và một số thành phố lớn khác là việc củng cố trong toàn bộ quốc gia hệ thống chính quyền một đảng mới, là việc thể chế hóa sự khủng bố xã hội với quy mô lớn, và việc áp đặt hệ tư tưởng chính thống bằng mọi phương pháp.

Tính chất hủy hoại nguy hiểm của di sản Lênin là ở việc tập trung quyền lực chính trị chỉ vào tay vài người và ở việc dựa vào khủng bố. Điều thứ nhất thì dẫn đến sự quan liêu hóa ngày càng mạnh hơn đội tiên phong của đảng đang giám sát toàn bộ đời sống xã hội thông qua một mạng lưới dày đặc những cán bộ đảng. Còn bạo lực và tổ chức thì đầu tiên đã biến thành phương thức giải quyết chủ yếu các vấn đề chính trị, và sau đó là cả các vấn đề kinh tế, xã hội và văn hóa.

Trước cũng như sau khi giành được chính quyền, Lênin đã công khai đấu tranh cho việc sử dụng bạo lực và khủng bố để đạt được các mục đích của mình. Ngay ở năm 1901 ông đã tuyên bố rằng, về nguyên tắc các nhà cách mạng không bao giờ khước từ khủng bố và không thể khước từ nó. Trước cuộc cách mạng bôn-sê-vích ông đã viết trong "nhà nước và cách mạng" rằng, khi ông kêu gọi tiến tới nền dân chủ, thì ông hiểu điều đó có nghĩa là sự sử dụng cơ hệ thống bạo lực của một giai cấp này đối với một giai cấp khác.

Sau cách mạng, các cuộc khủng bố phổ biến đã trở thành phương tiện hành chính để giải quyết mọi vấn đề. Hệ thống chính trị của Lênin đã hướng vào sự đối đầu hoàn toàn với nhân dân. Những người cầm quyền mới lên đã biện minh cho các hành động của mình bằng cách chỉ ra tính thiết yếu lịch sử của sự cải tạo xã hội. Nhưng thực tiễn kiểu đó hoặc là sẽ xuyên tạc chính bản thân hệ thống chính trị, hoặc là làm nảy sinh ra mâu thuẫn giữa hệ thống chính trị và xã hội. Lênin đã phát hiện

ra một cách giải quyết độc đáo-ưu tiên cho đảng, còn thủ tiêu không phải là nhà nước, mà là xã hội với tư cách là một cơ thể độc lập. Lenin đã tạo ra cái hệ thống mà đã sinh ra Stalin, còn Stalin, đến lượt mình lại tạo ra cái hệ thống mà đã thực hiện biết bao nhiêu là tội ác. Lenin không những đã đảm bảo điều kiện để xuất hiện chủ nghĩa Stalin, ông đã làm được một cái gì đó lớn hơn: thái độ không khoan dung về tư tưởng và chính trị được khẳng định đã loại trừ đường như hết mọi cơ hội xuất hiện của bất kỳ một phương án đối lập khác nào. Về thực chất, chủ nghĩa Stalin là sự kế tục của chủ nghĩa Lenin. Đó chính là lời buộc tội nghiêm ngã nhất đối với vai trò của Lenin trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga. Thiên tài của Stalin chỉ là ở chỗ, ông ta đã nhận thức được một cách tuyệt vời cái ý nghĩa bên trong của "di sản" của Lenin.

Dưới thời Stalin việc sử dụng bạo lực nhà nước để kiến thiết xã hội đã đạt tới đỉnh cao của mình. Tất cả đều phải phục tùng cá nhân nhà độc tài và nhà nước do kẻ độc tài đó đứng đầu. Được các nhà thơ ca tụng, được các nhà soạn nhạc viết thành bài ca, được thần thánh hóa bằng hàng nghìn pho tượng, Stalin đã là chủ nhân chuyên quyền của đất nước, là một tên bạo chúa hiếm có trong lịch sử nhân loại. Hệ thống khủng bố đã ủng hộ người đứng đầu chính quyền, không một ai kể cả những người là chiến hữu thân cận của Stalin cũng không có gì đảm bảo để tránh khỏi sự khủng bố đó. Mặc dù con số chính xác những người bị khủng bố sẽ không bao giờ được công bố, nhưng có thể dùng cảm khẳng định rằng, con số đó không nhỏ hơn 20 triệu. Nhìn chung, Stalin có thể, đã là một tên đao phủ dã man nhất trong toàn bộ lịch sử loài người, thậm chí còn hơn cả Hitler. Những cuộc đàn áp rộng rãi là một bộ phận không thể tách rời được của hệ thống Xô viết chính thống.

Thật ra, một đặc điểm nổi bật của hệ thống đó là cảm giác đã xuất hiện ở giới thượng lưu và phần đông dân số rằng, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn. Do vậy, đối với nhiều công dân Xô viết thời đại Stalin là thời đại của tiến bộ xã hội, của một bước nhảy lịch sử vĩ đại, của những chiến công hiển hách đã sinh ra chủ nghĩa yêu nước chân

chính, niềm tự hào vì tổ quốc. Stalin cũng đã kịp phô trương những việc làm của mình ở nước ngoài. Trong suốt một thời gian dài, thời đại Stalin chủ yếu đã được xem như là những năm có các chuyển biến xã hội to lớn, có một sự vận động nhanh chóng, có bước chuyển biến từ nền kinh tế lạc hậu tới nền kinh tế công nghiệp hóa. Và với một nghĩa nào đó thì điều này là như vậy. Nhưng không thể biện minh cho cái giá mà xã hội đã phải trả trong thời đại Stalin bằng cái là, mô hình Xô viết đã đảm bảo được một tốc độ phát triển kinh tế chưa từng có. Hãy gạt sang một bên tính vô căn cứ về đạo đức của những tính toán kiểu đó, chỉ xin nhận xét rằng, kiểu biện minh như vậy không thể đứng vững trước những bằng chứng. Sẽ không phải là quá đáng nếu nói rằng, trước đây chưa bao giờ phải tốn nhiều mạng sống đến mức như vậy vì những thành tựu nhỏ nhặt trong lĩnh vực xã hội.

Thái độ hai mặt của nhiều công dân Xô viết đối với các mưu toan phi Stalin hóa giải thích cho chúng ta biết, tại sao thời đại Brezhnev, dù đã bị biến thái nhiều, vẫn kéo dài đến như vậy. Nó được bắt đầu bằng tham vọng hiện đại hóa cái chế độ mà đã cố gắng mang lại tính hợp lý cho những cuộc công kích vào cái cách đã giáng xuống đất nước thời Khrushov. Chẳng bao lâu đường lối cũng thay đổi, giống như là quá trình khôi phục lại chế độ Stalin. Đã duy trì lại những đặc điểm cơ bản của chế độ cũ, và trước hết là sự giám sát tập trung hóa, đảng cấp cán bộ có đặc quyền đặc lợi. Tất cả những điều đó đã diễn ra trên cơ sở có sự suy thoái kinh tế-xã hội ngày càng tăng lên. Và mặc dù hệ thống đã được bảo vệ tránh khỏi nguy cơ có các biến động-đời sống chính trị chỉ diễn ra ở đảng cấp cao nhất-sự đình trệ đã trở thành sự trừng phạt không thể tránh khỏi vì việc tự lưu danh muôn đời cưỡng ép.

Quan niệm về tính tất yếu của những biến đổi, của việc đổi mới sâu sắc đã đạt được khí thế chính trị cần thiết sau cái chết của Brezhnev. Nhưng đã phải mất hơn hai chục năm phí công vô ích. Sự nhất trí về vấn đề cần phải tiến hành các cải cách, dù có che đậy những sự bất đồng sâu sắc, đối với ngày hôm nay lại là một sự thỏa hiệp. Một mặt, sự thỏa

hiệp đó cho phép phê phán công khai thời đại Stalin. Mặt khác, nó duy trì vĩnh viễn hệ thống độc tài về thực chất bằng cách giữ lại không những đảng kiểu Lenin có tham vọng độc quyền đạt tới các quy luật lịch sử, mà còn cả những thể chế chủ yếu của nhà nước kiểu Stalin. Điều đó làm suy yếu hẳn sức mạnh của những cái cách tiềm tàng. Gorbachov không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc khẳng định rằng, cái tổ dựa trên chủ nghĩa Lenin, bắt nguồn từ nó và là sự tái sinh thực sự nó. Muốn hay không muốn, Gorbachov buộc phải lôi kéo tầng lớp cán bộ cao cấp quay trở lại với chủ nghĩa Mác, cùng với những tham vọng có trong đó của những người cộng sản muốn độc chiếm chân lý tuyệt đối và tham vọng có chính quyền của riêng mình. Tất cả những cái đó cho thấy rằng, những cản trở chính trị trên con đường cải tổ không những là hết sức lớn lao, mà, có thể, là không khác phục được. Đoạn tuyệt với di sản Lenin đòi hỏi phải đánh giá lại cơ bản bản chất của đảng cầm quyền, vai trò lịch sử của nó và v.v... Nói cách khác, trước ban lãnh đạo Xô viết đang có một nghịch lý lịch sử không thể giải quyết được: để khôi phục lại được thể diện quốc tế của chủ nghĩa cộng sản, Liên Xô cần phải từ bỏ hầu hết cái quá khứ cộng sản chủ nghĩa của mình - về phương diện lý luận cũng như về phương diện thực tiễn.

Vấn đề then chốt là ở chỗ: Liệu hệ thống Xô viết có thể phát triển thành công thành cơ thể đa nguyên được không, - cái có thể có khả năng đảm bảo cho Liên Xô cạnh tranh thực sự trên trường quốc tế? Không chỉ có vận mệnh của Liên Xô với tư cách là một cường quốc vĩ đại, mà cả triển vọng của chủ nghĩa cộng sản, đều phụ thuộc vào lời giải đáp cho câu hỏi đó. Có thể coi cái tổ là dấu hiệu về sự tìm tòi câu trả lời, nhưng nó cũng có thể trở thành giai đoạn đầu trong quá trình suy sụp nhanh chóng của bản thân hệ thống Xô viết. Trong suốt nhiều năm người ta đã gọi hệ thống đó là hệ thống độc tài, bởi vì xã hội buộc phải phục tùng nó, phải cải biến bằng bạo lực để phù hợp với sơ đồ tư tưởng. Sự khước từ dần dần hệ thống đó, như vậy, đòi hỏi phải hợp pháp hóa dần dần những hình thức muôn màu muôn vẻ của đời sống chính trị. Câu trả lời

cuối cùng cho vấn đề về khả năng tiến hóa như vậy còn phụ thuộc vào điều là, liệu có thể giải quyết được hai vấn đề không dung hợp với nhau, tồn tại trong hiện thực Xô viết: cùng đạt được việc làm lành mạnh nền kinh tế mà không cần xem xét lại vai trò của đảng trong việc quản lý xã hội, và việc phi tập trung hóa nền kinh tế, không cần gia tăng về cơ bản tính độc lập của các dân tộc Xô viết (việc phi tập trung hóa liệu có trở thành, rút cục, phá bỏ dần dần liên bang hay không)?

Hiện tượng chủ nghĩa cộng sản là một thảm kịch lịch sử. Được sinh ra từ chủ nghĩa duy tâm cố chấp, lên án sự bất công của chế độ xã hội hiện tồn, chủ nghĩa cộng sản đã có tham vọng tiến tới một xã hội tốt đẹp hơn và nhân đạo hơn, nhưng lại dẫn đến một sự đờ đẫn rộng rãi. Chủ nghĩa cộng sản đã phản ánh một cách lạc quan niềm tin vào sức mạnh của lý trí, vào khả năng của nó có thể tạo ra một xã hội hoàn thiện, chứ không phải phản ánh việc trí tuệ hóa xã hội có định hướng nhân đạo là huy động những tình cảm mạnh mẽ nhất - tình yêu nhân loại và lòng căm thù sự áp bức. Như vậy, chủ nghĩa cộng sản đã cuốn hút được những trí tuệ vĩ đại nhất và những tâm hồn trong sạch nhất, nhưng cũng đã đưa đến tội ác kinh tởm nhất của thế kỷ chúng ta, đúng hơn là không chỉ của thế kỷ chúng ta.

Chủ nghĩa cộng sản là một tham vọng giả tạo muốn gán ép cho đời sống xã hội một tính hợp lý độc đoán. Chủ nghĩa cộng sản đã xuất phát từ quan niệm cho rằng, một xã hội văn minh, tự giác về phương diện chính trị thì có thể giám sát được tiến trình phát triển lịch sử, hướng các biến đổi kinh tế - chính trị vào các mục đích đã đặt ra từ trước, để cho sự phát triển xã hội không còn đơn giản là một quá trình ngẫu nhiên, tự nó, mà trở thành công cụ của trí tuệ tập thể của nhân loại, phục vụ cho các mục đích nhân đạo. Như vậy, chủ nghĩa cộng sản đã muốn kết hợp tính hợp lý về chính trị với đạo đức thông qua các hành động tổ chức. Nhưng trên thực tiễn, niềm tin quá mức vào trí tuệ, lòng ham muốn chuyển các suy đoán chính trị sơ bộ thành những định kiến giáo điều, nỗi khát vọng đạo đức hóa biến thái thành lòng căm thù chính trị tự

mãn, và nét đặc thù của sự kết hợp chủ nghĩa Mác kiểu Lenin với các truyền thống chuyên chế của nước Nga - Tất cả những điều đó đã biến chủ nghĩa Mác thành một cái gì đó hoàn toàn không giống với những động cơ đạo đức của bản thân chủ nghĩa Mác.

Hiện nay chủ nghĩa cộng sản đang lâm vào tình trạng tổng khủng hoảng - về phương diện tư tưởng, cũng như về phương diện hệ thống. Những cội nguồn sâu xa của sự khủng hoảng đó là ở tính hạn chế của các thành tựu lịch sử: việc so sánh các nước có cùng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội ban đầu, như Đông Đức và Tiệp Khắc với Tây Đức, Ba Lan với Tây Ban Nha, Hungary và Nam Tư với Áo và Italy, Trung Quốc với Ấn Độ, có thể nhận thấy rằng, trên thực tế không một chế độ cộng sản chủ nghĩa nào đã đạt được một ưu thế lớn, dù là về tổng thu nhập quốc dân, khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, hay là về mức sống. Chỉ có Trung Quốc là vượt lên trên Ấn Độ, nhưng đó lại chính là thảm họa của hệ thống kinh tế quan liêu hóa quá độ, mà cũng chỉ sau khi Trung Quốc đã bắt đầu từ bỏ hệ tư tưởng mácxít-leninít. Liên Xô còn lạc hậu hơn nhiều so với Mỹ và Nhật Bản.

Như vậy, sự thất bại to lớn của chủ nghĩa cộng sản là đặc điểm chung. Nó được bắt đầu từ những sai lầm về triết học, được bắt nguồn từ chính bản thân của thực tiễn mácxít-leninít mà về thực chất, một quan điểm sai lầm về lịch sử và một quan điểm sai lầm mang tính chất tiền định về bản chất của con người, đã dựa vào. Tóm lại, thất bại của chủ nghĩa cộng sản là thất bại của trí tuệ. Chủ nghĩa Mác đã không biết tính đến một bộ phận quan trọng trong sự tồn tại của con người là tham vọng vươn tới tự do cá nhân, tới việc tự thể hiện về phương diện nghệ thuật và tinh thần, mà trong thế kỷ của sự phổ cập tri thức văn hóa và các phương tiện thông tin đại chúng là tham vọng vươn tới sự tự do rộng rãi hơn nữa trong cách lựa chọn chính trị. Chủ nghĩa Mác cũng bỏ qua cả sự phụ thuộc lẫn nhau một cách chặt chẽ giữa tính sáng tạo với tính hiệu quả kinh tế, mà tính hiệu quả này, đến lượt mình, lại gắn chặt với

khát vọng về phúc lợi cá nhân. Như vậy, khi tự coi mình là học thuyết tân tiến và sáng tạo nhất, trên thực tế, chủ nghĩa Mác đã tước mất của xã hội khởi nguyên sáng tạo và sự đổi mới.

Sự sai lầm về phương diện lý luận này đã làm phương hại đến chủ nghĩa cộng sản trên bình diện quốc tế. Chủ nghĩa Mác - Lenin đã không tiên đoán được và đã không tính đến những lực lượng chủ yếu có ảnh hưởng đến thế giới của thế kỷ XX. Nó đã không đánh giá hết vai trò của dân tộc và chủ nghĩa dân tộc. Rút cục, những xung đột dân tộc giữa các nước cộng sản đã làm cho nó choáng váng. Các nước này, đến lượt mình lại càng muốn coi chủ nghĩa Mác là một tà thuyết. Điều đó đã xảy ra trong quá trình diễn ra các cuộc xung đột Liên Xô - Nam Tư, Liên Xô - Trung Quốc. Cũng như vậy, chủ nghĩa cộng sản đã không hiểu nổi vị trí tôn giáo trong thế giới hiện đại. Và điều cuối cùng, nhưng cũng hết sức quan trọng là: cách mạng công nghệ đã cải biến nhiều cơ cấu xã hội, bản chất của chính quyền ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đã làm cho chủ nghĩa Mác - Lenin bị bất ngờ trong lúc nó vẫn cố bám vào những quan điểm lạc hậu, đã xuất hiện từ giai đoạn đầu của cách mạng công nghiệp.

Tương lai của chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô phụ thuộc vào câu trả lời cho câu hỏi: đường lối của Gorbachov là dấu hiệu về sự đổi mới chủ nghĩa cộng sản, hay là dấu hiệu về sự làm suy thoái nó? Ở nơi nào mà cải tổ đã đưa đến những biến đổi to lớn nào đó, thì chúng là sự khước từ những giáo điều của chủ nghĩa Mác - Lenin cả trong lý luận, cũng như trên thực tiễn. Ở Tây Âu và Trung Quốc, nơi mà các cải cách dễ nhận thấy hơn, và cũng táo bạo hơn, thực dụng hơn, thì xu hướng nêu trên bộc lộ ra rõ nét hơn. Nó đánh dấu sự khước từ cái mà một khi nào đó đã được coi là bản chất của chủ nghĩa cộng sản. Trong lĩnh vực kinh tế đang diễn ra quá trình tấn công vào chế độ sở hữu nhà nước, vào kế hoạch hóa và sự hình thành giá cả tập trung, đang nhận thấy, dù là trái với nguyện vọng, sự chuyển động về hướng cơ chế thị

trường. Trong lĩnh vực chính trị đang xóa bỏ hệ thống giám sát toàn quyền đối với các phương tiện thông tin. Sự gọt rũa tư tưởng đã nhường chỗ cho các ảnh hưởng "xa lạ". Ở một loạt nước sự thống trị của một đảng duy nhất đã bị sụp đổ.

Như vậy, chủ nghĩa xã hội đang rút lui. Liệu điều này có đưa đến hệ thống hữu hiệu hơn về phương diện kinh tế và đa nguyên hơn về phương diện chính trị không? Câu trả lời cho câu hỏi đó đối với các nước khác nhau là hoàn toàn không giống nhau. Đối với Liên Xô thái độ nghi ngờ là hợp lý. Di sản chống dân chủ của Lenin, tính chất nhiều dân tộc của nhà nước, những truyền thống tập trung hóa đã bám chặt tất cả những điều đó làm cho xã hội không muốn tiếp nhận lấy chính quyền chính trị và hành chính được chuyển cho nó, và cản trở sự phát triển theo hướng tích cực. Cách giải quyết đúng đắn duy nhất sự khủng hoảng ngày càng tăng lên ở Liên Xô (cách giải quyết phù hợp với những mục đích đã được tuyên bố của cải tổ, tức là phi tập trung hóa nền kinh tế và chế độ đa nguyên chính trị) là không quay trở lại một cách cưỡng bức với "liên bang" đế quốc Xô viết, mà chuyển sang hướng cộng hòa Xô viết thực sự. Những ham muốn dân tộc chủ nghĩa đã vượt ra khỏi "chiếc hộp của Pandora". Trong thế kỷ của chủ nghĩa dân tộc không thể giữ được cái nắp hộp bằng một cái cửa vững chắc. Tất cả mọi dự án về tương lai đều báo trước rằng, Liên Xô sẽ rút lui khỏi chủ nghĩa cộng sản. Thành công cải tổ sẽ kéo theo một sự suy sụp căn bản của thực tiễn cộng sản chủ nghĩa. Những cuộc biến động dai dẳng sẽ trở thành dấu hiệu báo rằng, trong điều kiện ổn định, hệ thống chính trị không có khả năng chuyển chính quyền cho xã hội biến động và tự quản. Đến lượt mình, việc quay trở lại tình trạng đình trệ cũng có nghĩa là chủ nghĩa cộng sản không có khả năng phát triển sáng tạo. Như vậy, sự thay đổi về chính trị và xã hội đang đe dọa uy tín của chủ nghĩa cộng sản và triển vọng toàn cầu của nó không phải là ở trong tính chưa rõ ràng của tương lai của Liên Xô.

Ồ ngoài các nước cộng sản, những khả năng để du nhập chủ nghĩa cộng sản bằng con đường cách mạng hay bằng con đường bầu cử đều rất hạn chế. Có lẽ đúng hơn là hoạt động cách mạng, đặc biệt là ở các nước "Thế giới thứ ba", sẽ đạt được chủ yếu là bằng những tác nhân kích thích tại chỗ và được viện cố bằng những lý luận khác nhau bao hàm trong nó những chủ yếu của chủ nghĩa Mác và những nguồn gốc địa phương sinh ra khí thế, tình cảm và trí tuệ. Sự hiểu biết mácxít về lịch sử là một bộ phận của di sản lý luận thế giới, và bất kỳ một thủ lĩnh cấp tiến nào hữu ý hay vô tình cũng sẽ đưa các khái niệm mácxít vào bản tuyên ngôn cách mạng của mình. Nhưng những yếu tố này đã không còn là một chỉnh thể có liên kết, cần phải tiếp thu toàn bộ. Chủ nghĩa Mác - Lenin đã mất đi ý nghĩa lịch sử của một học thuyết phổ biến.

Hơn nữa, thậm chí trong chính bản thân hàng ngũ cộng sản xu hướng tiến tới chủ nghĩa xét lại về triết học cũng tăng lên và được mở rộng. Minh họa cho "chủ nghĩa tương đối" như vậy của tư duy là thiên hướng tăng lên của các nhà bình luận Xô viết thừa nhận rằng, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô đã gắn liền với những xuyên tạc học thuyết về xây dựng chủ nghĩa cộng sản mà điều đó tước mất đi của kinh nghiệm Xô viết một ý nghĩa tổng quát nào đó. Chủ nghĩa thực dụng và thuyết hỗn hợp trí tuệ có thể là sự thừa nhận hân hoan đối với việc gia tăng thái độ khoan dung, nhưng cũng là bằng chứng của sự phân hóa về lý luận. Nó cũng là giai đoạn đầu của sự tan rã nhanh chóng cái cốt lõi của niềm tin. Sự chuyển tiếp từ chủ nghĩa chuyên chế đến chủ nghĩa tương đối, từ giáo điều đến ý kiến tự do là cơn hấp hối của chủ nghĩa cộng sản. Hiện nay người ta lại thấy xuất hiện một hiện tượng mới - hậu chủ nghĩa cộng sản. Mặc dù thế kỷ XX đã không trở thành thế kỷ thành công rực rỡ của chủ nghĩa cộng sản, song thời thách thức cộng sản đã treo trên đầu của thế kỷ này. Cùng với sự tàn lụi của bản thân chủ nghĩa cộng sản, lời thách thức đó cũng nhanh chóng mất đi sức mạnh của mình. Nghịch lý là

ở chỗ, thắng lợi tương lai của chủ nghĩa cộng sản sẽ được đo chủ yếu bằng khả năng của nó vận động về hướng tự do kinh doanh hơn nữa và sửa đổi các thể chế giám sát trực tiếp của đảng đối với đời sống chính trị của xã hội. Có nghĩa rằng, hệ thống hậu cộng sản chủ nghĩa sẽ trở thành một hệ thống mà trong đó sự tiêu vong của chủ nghĩa cộng sản sẽ đạt tới mức là cả lý luận mác xít, cả kinh nghiệm đã được đúc kết sẽ không thể xác định được gì thực tiễn xã hội đang diễn ra. Những người tự gọi mình là "những người cộng sản" đã không còn được chỉ đạo nghiêm túc bằng học thuyết của mình trong chính sách xã hội. Mặc dù ở những mức độ khác nhau, nhưng cả Liên Xô, Trung Quốc và Đông Âu đang tiến gần đến giai đoạn đó.

Sau sự thất bại to lớn của chủ nghĩa cộng sản, nói một cách tổng quát, có hai khả năng lâu dài. Khả năng thứ nhất - tiến hóa theo hướng các xã hội đa nguyên hơn, nghĩa là ở giai đoạn đầu sẽ áp dụng các hình thức khác nhau của một nền kinh tế hỗn hợp, cá thể - nhà nước, được hợp thức hóa bằng những lời lẽ dân chủ - xã hội mà trong một số trường hợp sẽ trở thành khởi điểm đối với sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân cho bước ngoặt kiên quyết đến một hệ thống mà kinh doanh tự do chiếm ưu thế. Thứ hai - nằm ở tình trạng đình trệ, sau khi đã duy trì hầu hết những thể chế chính quyền hiện tồn, khôi phục lại lý luận đã bị hư hỏng và dựa vào liên minh chính trị - quân sự, liên minh này sẽ càng ngày càng trồng cấy nhiều hơn nữa vào chủ nghĩa dân tộc, chứ không phải lý luận chính thống.

Trong cả hai trường hợp đều xuất hiện câu hỏi: liệu sự vận động theo hướng này hay hướng khác sẽ đi bằng con đường tiến hóa hay lại bằng con đường bạo lực? Hiện vẫn chưa có các căn cứ minh chứng có lợi cho phương án thứ nhất. Thậm chí ở Nam Tư tương đối ít độc quyền, truyền thống cộng sản độc tài chủ yếu được bắt nguồn từ chủ nghĩa Lênin cũng đang cản trở sự xuất hiện của các cội nguồn đối lập trong ban lãnh đạo chính trị và cho đến nay vẫn làm cho việc chuyển nhanh đất nước vào một cái gì đó giống như

chủ nghĩa xã hội - dân chủ trở nên bế tắc. Hơn nữa, như đã nhận xét, cùng với sự lụn bại của hệ tư tưởng, các tầng lớp thượng lưu cộng sản ở mọi nơi đều có thiên hướng tăng cường và hợp pháp hóa chính quyền của mình bằng cách sử dụng rộng rãi hơn nữa chủ nghĩa dân tộc và cản trở sự tiến hóa dân chủ. Tuy vậy, việc loại trừ hoàn toàn khả năng của phong trào hậu cộng sản chủ nghĩa theo chiều hướng khác sẽ là một sai lầm. Ở một số nước cộng sản, việc giải phóng xã hội và xã hội công dân được xuất hiện sau đó và cùng tồn tại với hệ thống chính trị, nhưng đã không chịu sự chi phối của nó, đã báo trước khả năng chuyển tiếp nhanh chóng đến các hình thức đa nguyên hơn.

Vai trò của vấn đề các quyền con người đặc biệt lớn trong việc đẩy nhanh quá trình tàn lụi của chủ nghĩa cộng sản. Các quyền đó là tư tưởng chính trị duy nhất và hấp dẫn nhất của thế giới hiện đại. Những gì mà phương Tây đã làm cho sự tồn tại của tư tưởng đó đã bắt buộc tất cả các chế độ cộng sản phải giữ lập trường phòng thủ. Tính hấp dẫn của tư tưởng đó là ở chỗ, nó đáp ứng được lợi ích của quần chúng có học thức cao hơn và tự giác hơn về phương diện chính trị, do vậy không thể dễ dàng như trước đây dùng tư tưởng để sửa đổi họ được nữa. Các chế độ độc tài hậu cộng sản chủ nghĩa, có thể sẽ bị tổn thương do tác động của tư tưởng các quyền con người vì chế độ đó không còn hệ tư tưởng toàn diện, đáng tin cậy và không có nhược điểm. Như vậy các chế độ đó sẽ yếu đuối về phương diện lý luận và dễ bị lật đổ về phương diện chính trị.

Nhờ có việc tập trung sự quan tâm của cả thế giới vào việc phủ định quyền tự do lựa chọn ở chủ nghĩa cộng sản, việc coi thường các quyền con người, việc thiếu cơ chế pháp lý và sự độc quyền chính trị trong các lĩnh vực thông tin và kinh tế, mà mối liên hệ giữa hệ thống đa đảng với nền kinh tế thị trường và nền dân chủ thực sự đã bộc lộ rõ nét hơn. Chủ nghĩa đa nguyên hiện nay được nhiều người xem như là một phương thuốc hữu hiệu nhằm chống lại chủ nghĩa độc tài.

Một số chế độ Đông Âu, có thể, đi qua giai đoạn hậu cộng sản chủ nghĩa với những vi phạm thường kỳ nào đó, rút cục, dường như đã hoàn toàn hòa hợp vào cộng đồng thế giới. Các cuộc trao đổi khoa học tăng lên, các giao tiếp lý luận, các mối quan hệ kinh tế với những nhà nước cộng sản cũng có thể góp phần vào quá trình biến đổi dân chủ, đặc biệt nếu như chúng trùng với những cố gắng nhằm thúc đẩy quá trình làm nảy sinh ra xã hội công dân độc lập thực sự trong khuôn khổ của các chế độ hiện tồn. Sự trở trêu cay đắng, nhưng có hy vọng của lịch sử, do vậy, có thể là ở chỗ, rút cục chủ nghĩa cộng sản được xem như là một giai đoạn quá độ lâu dài và không bắt buộc từ xã hội tiền công nghiệp đến nền dân chủ đa nguyên xã hội phát triển, bao hàm trong nó cả một số phương diện hữu ích nhất và thậm chí là có tính chất xây dựng của lòng mong muốn mácxít tiến tới xã hội hoàn thiện. Phái dân chủ - xã hội ở phương Tây đã mang lại động cơ thúc đẩy việc áp dụng các chương trình xã hội nhằm làm hoàn thiện phúc lợi xã hội. Rút cục, trong mấy chục năm gần đây, thậm chí cả những hệ thống dân chủ đã ca ngợi nhiều nhất sự kinh doanh tự do, cũng đã có những cải biến đa dạng: đã xuất hiện những khả năng như nhau đối với bước tiến cá nhân, chế độ thu thuế tiến bộ nhằm làm giảm sự bất bình đẳng xã hội, sử dụng học vấn và đảm bảo y tế tối thiểu ở tầng lớp ít có đặc quyền đặc lợi. Như vậy, nền dân chủ của chế độ kinh doanh tự do đã chuyển lên một trình độ phát triển cao hơn của ý thức xã hội.

Điều đó góp phần hiểu rõ hơn sự đúng đắn của ý kiến cho rằng: chủ nghĩa cộng sản đã mất đi sứ mệnh lịch sử của mình. Trách nhiệm xã hội cao, nền dân chủ, tự do lựa chọn chính trị - là công thức trong đó nhà nước đóng vai trò là phương tiện tăng cường sự tự thể hiện của xã hội và cá nhân, đáp ứng đầy đủ về mặt chất lượng các nhu cầu của con người và cũng bảo vệ các quyền con người. Trong toàn bộ thế giới việc dựa nhiều hơn nữa vào tính năng động cá thể và sự đoàn kết xã hội độc lập về phương diện chính trị, phản

ánh ý thức rộng rãi hơn nữa rằng, những ước mơ cao cả nhất của nhân loại có thể trở thành điều khủng khiếp, nếu như nhà nước được suy tôn như là một công cụ chủ yếu, vận năng của lịch sử. Cuộc gặp mặt phải trả giá bằng một thảm họa ở thế kỷ XX của loài người với chủ nghĩa cộng sản đã đem lại một bài học đau đớn, nhưng vô cùng quan trọng là: tư tưởng xã hội không tương mâu thuẫn sâu sắc với tính phức tạp của sự tồn tại loài người, còn sự sáng tạo xã hội phát triển tốt nhất, khi chính quyền chính trị bị hạn chế. Kết luận căn bản này càng làm đúng đắn hơn khả năng cho rằng thế kỷ XXI không phải là thế kỷ của chủ nghĩa cộng sản, mà là thế kỷ của nền dân chủ.

PHẢI XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH CỦA MỸ ĐỐI VỚI LIÊN XÔ NHƯ THẾ NÀO? (*)

Bài báo của nhà chính trị học khá nổi tiếng cả ở Liên Xô lẫn phương Tây mà chúng tôi đăng lại từ một tờ tạp chí ra hàng tháng số tháng Mười một đã được nhắc tới trong báo chí Xô viết. Và chúng tôi mong độc giả chúng ta khi đọc bài này sẽ tự rút ra được kết luận về căn cứ của lời tuyên án thẳng thừng mà Brzezinski đã gán cho Liên bang Xô viết với tính cách là một quốc gia nhiều dân tộc.

Chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng giữ quan điểm cực đoan như vậy không phải là tất cả các nhà phân tích phương Tây (và cũng không chỉ riêng phương Tây) chăm chú theo sát sự phát triển của các sự kiện ở nước ta và đưa ra những dự báo của mình. Lập trường của Brzezinski không phải mới mẻ gì. Cả những khuyến cáo của ông ta bằng cách này hay cách khác nhằm tác động tới sự suy sụp của Liên bang Xô viết cũng không phải là mới.

Tuy nhiên các chính khách phương Tây đang gánh vác một trách nhiệm hiện thực không vơi vàng lợi dụng những đơn thuốc của ông ta. Bởi lẽ họ hiểu rất rõ rằng gây mất ổn định

(*) Z. Brzezinski. "Kak stroit politiku SSHA v otnoshenii SSSR?" Tuần báo "Za rubezhom". M., No 49(1586), 6-XII-1990.

một nước lớn như Liên Xô trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội sẽ là cái kéo theo nhiều diễn biến phức tạp cho toàn thế giới nói chung.

Hiện nay ở nước ngoài đang chăm chú nghiên cứu bản dự thảo Hiệp ước Liên bang mới đã được công bố mới đây, cái có thể trở thành chìa khóa giải quyết nhiều vấn đề hết sức phức tạp mà nước ta đang vấp phải.

Lời Ban biên tập báo Za rubezhom

*

* *

Chính sách của Mỹ trong quan hệ với Liên Xô (trước đây) cần phải được xây dựng có xét đến một thực tế quan trọng có tính nguyên tắc: Liên Xô đang chấm dứt sự tồn tại của mình.

Ngày Mikhail Gorbachov cũng đã thừa nhận điều này. Như ông ta đã tuyên bố khi phát biểu trước các sĩ quan quân đội Xô viết ở Odessa vào giữa tháng Tám, "Tất cả chúng ta đều lo lắng trước tình trạng hết sức căng thẳng trong quan hệ giữa các dân tộc, trước vận mệnh của Liên bang chúng ta không kém gì vấn đề nền kinh tế. Đúng là dưới hình thức mà Liên bang Xô viết đã từng tồn tại cho đến nay, nó đã cạn kiệt những khả năng của mình..."

Do đó, điểm xuất phát đối với chính sách của Mỹ, một chính sách có trách nhiệm phải tác động tới những cái cách dân chủ ở nước này, hôm nay vẫn còn là Liên bang Xô viết không phải là người Nga mà là đại diện của các dân tộc khác. Chân lý đơn giản là ở chỗ vấn đề dân tộc là vấn đề phức tạp nhất và mang tiềm năng bùng nổ nhất trong số tất cả những điều mà giờ đây Liên Xô đang vấp phải.

TÍNH CHẤT KHỦNG HOẢNG CỦA VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Nhưng có một điều đã rõ: Liên bang Xô viết ngày nay đã ở tình trạng tuyệt vọng. Ngoài ra, nó sẽ không được thay thế bằng công thức mà Gorbachov rất thích: Liên bang các nước xã hội chủ nghĩa có chủ quyền. Công thức này có khuynh hướng làm nhòa đi bằng cách giải thích lại chữ "có chủ quyền" những ước nguyện dân tộc của những người không phải dân tộc Nga và đồng thời vẫn bảo toàn được "Liên bang". Do vậy, công thức này ngày càng khiến những người dân chủ, cả những người Nga lẫn không phải Nga - bất bình hơn. Theo ý kiến của những người Nga thì nó, dù thế nào, cũng buộc họ phải đóng vai một đế quốc, cái mà những người dân chủ Nga ngày càng nhìn nhận như là một trở ngại chủ yếu cho tự do của bản thân họ, còn theo ý kiến của loại sau, không phải là người Nga, thì đó là phương án lừa dối, của một quá khứ nhục nhã.

Việc vấn đề dân tộc phát triển đến mức khủng hoảng đang trở nên ngày một rõ ràng hơn ngay dù chỉ cần nhìn qua báo chí Xô viết. Chẳng hạn khi xét những thông báo về việc kêu gọi thanh niên tòng quân làm nghĩa vụ quân sự hàng năm được công bố ở Latvia chỉ có 64% số tân binh nghĩa vụ có mặt ở điểm nhập ngũ, ở Estonia - 40%, ở Litva - 33%, ở Gruzia - 27% và ở Armenia - chỉ có 7%. Những người không phải người Nga coi làm nghĩa vụ quân sự trong Quân đội Xô viết là một thứ nghĩa vụ thực dân, phải tránh không thực hiện.

Những thông báo khác gần đây trên báo chí phản ánh qui mô ngày càng lớn của bạo lực trên mảnh đất dân tộc tại nhiều vùng khác nhau của Liên Xô. Về thực chất, trong mấy tháng đã xảy ra những trận đánh tiêu du kích ở Kavkaz và Trung Á. Trong nhiều bức điện tín có nói tới việc sử dụng vũ khí mới nhất trong những cuộc tập kích du kích và trong những vụ đụng độ giữa các cộng đồng lớn. Trong các trận đánh thậm chí người ta đã sử dụng cả xe tăng, xe bọc thép, trực thăng vũ trang, súng liên thanh (hoặc mua hoặc cướp được).

Không có gì đáng ngạc nhiên khi trong một vài trường hợp có nhiều nạn nhân. Giữa năm 1990, do phạm vi lan tỏa rộng những vụ đổ máu, đã có khoảng vài ngàn người chết. Chỉ riêng ở Oshe, một thành phố của Kirgizia, chẳng hạn, trong tháng Sáu, các vụ xô xát giữa các dân tộc đã làm vài trăm người chết. Trước đó, cũng trong mùa hè đó, thủ đô Dushanbe của Tadzhikistan đã có lúc thoát khỏi sự giám sát của các Xô viết nhờ phong trào dân tộc nổi dậy, sau đó là quân đội Xô viết đàn áp. Tại nhiều vùng của Liên Xô đã phải áp dụng tình trạng thời chiến. Và báo chí Xô viết cho biết là do tình trạng mất trật tự do xung đột dân tộc, trong cả nước đã có trên 600 ngàn người tản cư không nhà cửa.

Trong một vài trường hợp các cuộc xung đột dân tộc đã mang tính chất hết sức khốc liệt.

Xét về mặt tiềm năng, nguy hiểm hơn cho Liên bang Xô viết tương lai là tình cảm tự ý thức dân tộc ngày càng cao ở các nước cộng hòa Slavơ Belorussia và Ukraina, những nơi mà thoát đầu tương lai vùng đã được Nga hóa khá ớn. Xô viết tối cao Ukraina hồi mùa hè đã thông qua một tuyên bố về chủ quyền, gồm cả những lời lẽ nói tới sự quyết tâm của người Ukraina thành lập lực lượng vũ trang độc lập riêng của mình và trở thành một quốc gia trung lập sẽ không tham gia bất kỳ khối quân sự nào và chủ trương ba nguyên tắc: không sản xuất, không tiếp nhận, và không tàng trữ vũ khí hạt nhân. Xô viết tối cao Belorussia cũng đã thông qua một nghị quyết tương tự và ngoài ra, họ còn kêu gọi những người Bạch Nga đang phục vụ trong lực lượng vũ trang Xô viết ở Trung Á và ở Kavkaz từ chối không tham gia vào bất kỳ chiến dịch quân sự nào chống các phong trào dân tộc của những người không phải Nga và bỏ về nhà.

Vì vậy rất khó tin rằng công thức của Aleksandr Solzhenicin về một quốc gia Slavơ vĩ đại, thống nhất Nga, Ukraina và Belorussia trở thành hiện thực. Chủ nghĩa dân tộc đã trở thành rất dễ lây lan

và đặc biệt đã bao trùm lên số dân 50 triệu người của Ukraina như thể một đám cháy rừng. Những phần phía Tây của nước này từ Lvov đến Kiev thực tế đang nằm trong tay của những người theo chủ nghĩa dân tộc và khắp nơi đều thấy trương lên những lá quốc kỳ truyền thống, các tượng đài Lenin bị phá dỡ. Phần phía đông đã bị Nga hóa ở mức độ cao hơn, nhưng một thủ lĩnh người Ukraina đã đúng khi mới đây nói với tôi: "Ông ở phương Tây nên thật khó hiểu hết sự tự ý thức dân tộc đã được thức tỉnh mạnh như thế nào. Việc ở phía đông Ukraina người ta nói tiếng Nga không có ý nghĩa gì cả. Những thành viên IRA chống Anh nói tiếng gì?!"

Việc Litva, Estonia, Gruzia và Armenia tuyên bố độc lập mới chỉ là sự khởi đầu. Chỉ vài tháng nữa thôi, các nước cộng hòa khác trong Liên bang Xô viết sẽ lặp lại quá trình đó, đồng thời phủ nhận cả quyền lực trung ương của Moskva và di sản Lenin của nó. Ở Trung Á, 50 triệu người theo đạo Hồi ngày càng tin tưởng vào tín ngưỡng của mình và mong muốn tiến tới thành lập một xứ "Turkestan" độc lập. Những ý định muộn màng của Gorbachov muốn đề nghị một khuôn khổ hiến pháp mới về thực chất càng đẩy nhanh quá trình đó.

Điều gì sẽ xảy ra tới đây và phương Tây phải phản ứng thế nào là một vấn đề hết sức phức tạp. Trước hết cần phải thừa nhận rằng: đế quốc đang sụp đổ bao gồm một mảng nhiều dân tộc với hơn 290 triệu người (trong đó có 145 triệu không phải là người Nga), bản thân họ nằm ở nhiều trình độ khác nhau về phát triển lịch sử và tự ý thức dân tộc. Ngoài ra, có 65 triệu trong tổng số dân hiện đang sống ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia. Thật khó mà đánh giá hết những khả năng tiềm tàng của bạo lực quần chúng và mất trật tự trên qui mô lớn.

Chỉ ít thì điều đó cũng có nghĩa là Hoa Kỳ không nên chỉ giới hạn một công thức nào đó khi xác định những hy vọng của mình về tương lai của Liên Xô. Cũng đừng cố định ra những giải pháp tác động từ bên ngoài để giải quyết những vấn đề nan giải về quan hệ dân tộc của Liên Xô. Cần

phải thừa nhận rằng đó là vấn đề mà những người đang sống ở Liên Xô hiện nay sẽ còn phải đụng chạm trong nhiều năm nữa. Giải pháp cho vấn đề phải được xác định từ bên trong, mà trước hết là do chính bản thân họ.

Tuy nhiên giờ đây đã thấy rõ một điều: nước Nga đế quốc, tức là nước Nga với số dân 145 triệu người Nga gốc, không thể là một nước Nga dân chủ, mà một nước Nga dân chủ thì sẽ không phải là một nước Nga đế quốc. Ngoài ra, nước Nga đế quốc có lẽ là một nước Nga nghèo do phải dành nhiều khoản chi phí để gìn giữ một đế quốc tập quyền. Vì thế, đối với người Nga chỉ có thể có cách lựa chọn giữa một bên chế độ chuyên chế và đói nghèo và bên kia là dân chủ và một sự phồn vinh có thể có. Những người Nga đã bị chính trị hóa đã không thể nhắm mắt làm ngơ trước một thực tế là nước Nga đế quốc sẽ buộc phải dùng đến vũ lực để cai trị những kẻ nổi dậy, theo nghĩa chính trị, và ngày nay là cả 145 triệu người không phải dân Nga đã có ý thức dân tộc. Sự cưỡng bức có cái giá về đạo đức, chính trị và kinh tế và người Nga ngày càng ý thức được rõ hơn rằng họ buộc phải trả một giá vô cùng đắt cho việc họ đã từng là một nước đế quốc.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi ngày càng có nhiều người Nga đứng đầu là chủ tịch nước cộng hòa Nga Boris Elcin bắt đầu tuyên bố rằng sự cáo chung của đế quốc Nga là bước đầu sự giải phóng của chính bản thân họ. Điều này phản ánh sự thay đổi thế giới quan của người Nga trên qui mô lịch sử thực sự và nó cũng có những hậu quả sâu xa đối với thế giới bên ngoài.

Về thực chất, phương Tây phải thừa nhận rằng các quá trình dân chủ hóa của nước Nga và quyền tự quyết của Liên bang Xô viết đang sụp đổ gắn liền với nhau. Điều này có nghĩa là nếu phương Tây sẽ làm chệch hướng mục tiêu quyền tự quyết của những dân tộc không phải Nga chỉ vì nhằm duy trì quan hệ với Moskva và điều này khiến phương Tây sẽ mâu thuẫn ngay với chính mục tiêu dân chủ hóa của nước Nga. Từ đó, rút cuộc, là phải đi đến kết luận: nguyên tắc chung trong chính sách của Mỹ đối với Liên Xô phải là ủng hộ cho quyền tự quyết dân chủ.

Hai chữ "dân chủ" và "tự quyết" gắn kết liền với nhau hoàn toàn có ý thức. Không đơn giản là thứ tự quyết bằng bất kỳ giá nào của bất kỳ nhóm dân tộc người nào có được, mà là quyền tự quyết dân chủ. Ở Liên Xô có những phong trào đòi quyền tự quyết hoặc mang tính chất cực đoan, đứng trên lập trường cố chấp, hoặc là chống xê - mít, chống dân chủ. Họ không đáng được chúng ta đồng tình. Nhưng nói chung và trên toàn cục thì đó là hiện tượng cực đoan và tương đối cá biệt, và khía cạnh quan trọng nhất là phong trào tự quyết ở nước này có khuynh hướng đi tới xác lập liên hệ với phong trào đòi hỏi dân chủ hóa Liên bang Xô viết.

Dù thế nào đi nữa thì phong trào đòi chọn duy nhất của quyền tự quyết dân chủ ở Liên Xô cũng chỉ có thể là một hình thức nào đó có duy trì cơ cấu đế quốc hiện nay. Trong bối cảnh hệ tư tưởng cộng sản đã bị thất bại, cội nguồn tình cảm của những ý đồ muốn bảo tồn đế quốc dựa trên cơ sở áp đặt nhất định sẽ là chủ nghĩa sô vanh đại Nga. Điều đó sẽ đồng nghĩa với việc làm cho các xung đột dân tộc với những người không phải Nga, nghiêm trọng hơn và sẽ dẫn đến sự xuất hiện một nước Nga không có dân chủ và không thể chấp nhận được theo lập trường sô vanh chủ nghĩa thay cho một nước Nga cộng sản. Về thực chất, điều đó đồng thời đưa đến hai hậu quả tiêu cực: Tăng thêm các xung đột dân tộc và thống lợi của chủ nghĩa dân tộc Nga phi dân chủ.

TRAI CẤP ĐỘ

Đó là lý do tại sao chính sách của Mỹ đối với Liên Xô phải được xây dựng trên hai cấp độ. Hoa Kỳ cần tiếp tục duy trì Gorbachov ở chừng mực hợp lý và có thể thực hiện được. Nhưng Hoa Kỳ không nên dành toàn bộ sự chú ý của mình chỉ riêng cho Gorbachov. Bên cạnh việc duy trì cho việc dân chủ hóa đất nước một cách hời hợt mà Gorbachov đang làm từ bên trên xuống, Mỹ cần có sự ủng hộ thực sự và rõ ràng cả quá trình dân chủ hóa tự phát trong nhiều trường hợp là do những động cơ dân tộc chủ nghĩa chỉ phối từ dưới lên.

Việc ủng hộ quyền tự quyết dân chủ là rất cần thiết ngay cho cả việc giúp đỡ chính Gorbachov. Mục tiêu mà Gorbachov tuyên bố là dân chủ hóa Liên Xô. Nếu như ông ta tuyên bố mục tiêu đó một cách nghiêm túc và chân thành, thì điều đó có ý nghĩa là phải đa nguyên hóa hệ thống Xô viết. Đa nguyên đích thực, đến lượt mình, phải kéo theo nó ý kiến tự nói lên một cách chính thức của những người đạt được quyền tự quyết trên cơ sở dân tộc. Do đó không có gì mâu thuẫn giữa việc thông cảm với Gorbachov với việc ủng hộ những người nói lên nguyện vọng đòi quyền tự quyết dân chủ.

Nói tóm lại, Hoa Kỳ không nên chỉ chọn lập trường ủng hộ ý đồ của Gorbachov thực hiện ý tưởng một nền dân chủ quản lý, ngược lại, cần ủng hộ dân chủ đích thực. Một thứ "dân chủ được quản lý" đó là dân chủ hóa từ trên xuống trong những điều kiện bị kiểm soát. Những thí dụ trước đây trong việc xác lập một nền dân chủ bị điều khiển như ở Indonesia dưới thời Sukarno không dân chủ gì cho lắm. Dân chủ hóa thực sự đòi hỏi những sáng kiến từ bên trên xuống, đồng thời cả những ước vọng dân chủ tự phát từ dưới lên. Trong đó hệ thống "nhiều dân tộc" như Liên Xô, đó phải là ủng hộ quyền tự quyết của các phong trào dân tộc dân chủ.

Vậy một chính sách ủng hộ quyền tự quyết dân chủ trên thực tế phải như thế nào?

Thứ nhất, điều đó phải có ý nghĩa không chỉ là những quan hệ trực tiếp với Gorbachov và ủng hộ ông ta. Gorbachov đáng được ủng hộ vì ông ta đã đóng một vai trò lịch sử quan trọng, mở cửa cho Liên Xô thay đổi, nhưng lại cũng phải giúp đỡ bằng nhiều cách khác nhau cho những vị thị trưởng đứng đầu đa số dân chủ mới tại một số thành phố then chốt ở Liên Xô. Chúng ta nghĩ ngay đến Moskva, Leningrat, Lvov, Tallin, Viksjus, Tbilisi, Erevan và những thành phố khác nữa. Người Mỹ có khả năng để xác lập và gắn kết các thành phố này với nhau. Đồng thời cũng có những khả

năng để thiết lập quan hệ làm ăn ở cấp các thành phố. Điều đó chắc sẽ giúp ích cho các lực lượng ủng hộ đa nguyên từ dưới lên hình thành về mặt thiết chế.

Thứ hai, điều đó có nghĩa là phải mở rộng quan hệ ở mức hợp lý, với những nước cộng hòa Xô viết tự tiến hành dân chủ hóa từ bên trong nước cộng hòa của mình.

Chẳng hạn, Boris Elcin đã lên tiếng chống những ý đồ của Gorbachov muốn dẹp yên những người Litva bằng cách bao vây kinh tế. Ngoài ra, ông ta còn bắt đầu một chương trình dân chủ hóa cấp bách và có nhiều triển vọng hơn là cái mà Gorbachov dám mạnh dạn ủng hộ. Dưới sự chỉ đạo của Elcin, nhân dân Nga, một dân tộc rất có thiên chất và tài năng, đã từng gánh chịu nhiều đau khổ dưới thời Stalin, đã bắt đầu ý thức được rằng có thể, lần đầu tiên trong suốt quá trình lịch sử lâu dài và gian nan của mình, làm một đế quốc không phải là vinh hạnh, mà là một điều nhục nhã.

Do đó, ở một chừng mực hợp lý, Mỹ cần phải quan hệ với Elcin, Hoa Kỳ nên thử tìm cách giúp đỡ việc thực hiện chương trình cải cách của ông ta và thu xếp những quan hệ trực tiếp tích cực hơn để hợp tác với chính phủ của ông ta. Trên diễn đàn công khai nên xử sự với ông ta sao cho điều đó có thể củng cố những vị trí và uy tín chính trị của ông ta.

Thứ ba, Hoa Kỳ cũng nên mở rộng hơn với các nước cộng hòa Xô viết đang lạng lế khẳng định quyền độc lập của mình. Điều đó có thể làm được nhờ các cuộc đi thăm có tính chất tư vấn của các cá nhân hay các đoàn đại biểu quốc hội và thông qua con đường khuyến khích các công ty tư nhân Mỹ đầu tư trực tiếp vào các nước cộng hòa này.

Trong chừng mực có thể, do đó Hoa Kỳ nên viện trợ kinh tế và tư vấn về kỹ thuật cho các nước cộng hòa theo quan điểm dân tộc, đặc biệt là những nước sẵn sàng chuyển nhanh sang nền kinh tế thị trường. Điều quan trọng là phải lưu ý rằng việc chối bỏ quyền kiểm soát của Moskva có liên quan mật thiết với những nỗ lực nhằm xây

dựng nền kinh tế ở cấp địa phương và rõ ràng là việc khuyến khích quá trình này là điều phù hợp với mục tiêu đa nguyên dân chủ. Và thực chất, nếu xét tình trạng hỗn loạn đang ngự trị hiện nay ở Moskva thì có thể phát triển quan hệ kinh tế ổn định ở cấp nước cộng hòa sẽ nhanh hơn là qua con đường đàm phán với bộ máy quan liêu trung ương đang sụp đổ. Với các công ty của Mỹ, điều đặc biệt quan trọng là phải nhận thức được thực tế là nền kinh tế thị trường có nhiều khả năng phát triển thịnh vượng chính là ở cấp quốc gia nước cộng hòa, chứ không phải cấp trung ương vì do những truyền thống văn hóa của mình, người Nga vốn mang tâm lý chống kinh doanh tự do.

Thứ tư, Washington cần có sự ủng hộ mạnh hơn và khuyến khích các phong trào chính trị ở Liên bang Xô viết đang sụp đổ rõ ràng là dân chủ xét về tính chất và đang giành được quyền tự quyết. Hoa Kỳ cần đầu tư phương tiện kiểu như các đài phát thanh "Châu Âu tự do" và "Tự do" và Quỹ quốc gia bảo vệ dân chủ, tức là những hình thức đã thực hiện rất tốt chức trách của mình để giúp đỡ cho các phong trào dân chủ ở Đông Âu. Do đó cần mở rộng tài trợ hào phóng hơn cho hoạt động nhằm củng cố vững mạnh hơn các phong trào dân chủ đòi quyền tự quyết ở Liên Xô. Trên diễn đàn báo chí công khai, Hoa Kỳ nên mạnh dạn tuyên bố về lập trường ủng hộ của mình đối với phong trào đòi quyền tự quyết như là một bộ phận không tách rời của lập trường ủng hộ các quyền con người và cho thấy rằng mình sẵn sàng thiết lập quan hệ thực tế với các nước cộng hòa tự quyết.

Cần nhấn mạnh rằng một chính sách như thế của Mỹ sẽ không phải là một chính sách chống Nga, mà chống đế quốc. Lập trường của Hoa Kỳ phải thể hiện rằng Mỹ ủng hộ quyền tự quyết dân chủ của tất cả các dân tộc Liên Xô. Vấn đề là chính các dân tộc sẽ quyết định xem trong tương lai họ muốn có quan hệ như thế nào với nhau và với Moskva.

Trong một số trường hợp điều đó có thể có nghĩa là phải tách ra. Nhưng ngay dù có tách ra được đi nữa thì điều đó tuyệt nhiên không nhất thiết đều sẽ kéo theo, trong mỗi trường hợp, việc xóa bỏ

sắc quan hệ cũ. Có thể thấy trước việc tách ra của một vài nước cộng hòa Xôviết hiện nay, xong ngay cả sau khi đã tách ra, họ vẫn có thể phát triển quan hệ trong lĩnh vực an ninh và kinh tế với phần còn lại của Liên bang Xôviết hiện nay.

Thậm chí Hoa Kỳ còn nên khuyến khích một sự hợp tác như vậy bởi như thế sẽ góp phần làm dịu tình trạng xung đột giữa các dân tộc. Thay cho Liên bang Xôviết hôm nay, có thể sẽ ra đời một cộng đồng kinh tế với những mối liên hệ tự do hoặc giả, cũng có thể là một liên minh tư vấn bao gồm một số nước trước đây là nước cộng hòa trong Liên bang Xôviết.

Dù thế nào thì giờ đây chúng ta cũng chưa thể dự đoán được kết cục sự sụp đổ đã bắt đầu và tất yếu không thể tránh khỏi của Liên Xô, cũng sẽ không thích hợp nếu Washington định đưa ra những quyết định cụ thể dù đó là những quyết định thế nào. Nhưng Hoa Kỳ phải ủng hộ quyền tự quyết dân chủ ở Liên Xô như là một phương tiện tác động chính để biến Liên Xô thành một xã hội đa nguyên và dân chủ.

Phụ lục II

5

PHÊ PHÁN CUỐN SÁCH "THẤT BẠI LỚN : SỰ RA ĐỜI VÀ CÁI CHẾT CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN TRONG THẾ KỶ XX"

OHARA KOICHI

Năm 1988, trong khi Liên Xô đang tiến hành cuộc cải tổ với rất nhiều khó khăn và ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bắt đầu có những biến động lớn, thì Brzezinski, nguyên cố vấn đặc biệt về an ninh quốc gia của cựu tổng thống Mỹ Carter, cho ra đời cuốn sách "Thất bại lớn: sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XX". Cuốn sách, dĩ nhiên được giới chính trị và lý luận của chủ nghĩa tư bản phương Tây đón chào nhiệt liệt, và ra sức đề cao, phổ biến, coi như một vũ khí lợi hại tấn công rất đúng thời cơ vào chủ nghĩa xã hội đang cơn khủng hoảng. Tuy nhiên, cuốn sách của Brzezinski đã gặp sự phản công của nhiều nhà lý luận mác-xít, đặc biệt là những người sống ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản. Đó là một sự phản công quyết liệt không

phải chỉ dựa trên nhiệt tình cách mạng, mà dựa trên những lý lẽ sắc bén, xuất phát từ sự phân tích khoa học.

Chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bài viết của Ohara Koichi ở Viện nghiên cứu khoa học xã hội trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Nhật Bản, vừa đăng trên tạp chí "Tiền vệ" đầu năm 1990 với đầu đề nói trên.

Theo Ohara Koichi, nội dung cơ bản trong cuốn sách của Brzezinski nổi lên mấy điểm sau đây :

- Ở tầm lý luận cơ bản, chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội đã bị phá sản. Đó là một tư tưởng sai lầm từ bản chất và không có sức sống.

- Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa khác rập khuôn theo Liên Xô là một quá trình đầy rẫy những sai lầm và thất bại, một bước lầm lịch sử lớn, kể từ Lenin cho đến bây giờ.

- Công cuộc cải tổ đang diễn ra ở Liên Xô và ở các nước Đông Âu, để làm cho chủ nghĩa xã hội tốt đẹp hơn, thật ra chẳng có triển vọng gì. Xu thế là ngược lại: tính chất cơ bản của thời đại là "bước vào ngưỡng cửa của giai đoạn thoát khỏi chủ nghĩa cộng sản trong lịch sử chính trị của nhân loại".

- Cuối cùng chính chủ nghĩa tư bản và các nước tư bản chủ nghĩa mới mở ra con đường đi lên cho nhân loại. Sự tồn tại và hoạt động của các Đảng Cộng sản trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả Nhật Bản, sẽ mất hết ý nghĩa.

Với nội dung như trên, cuốn sách không ngừng lại ở mục đích lý luận và học thuật, mà mang một ý đồ chính trị rõ rệt: Theo Ohara Koichi, đó là thông qua đánh giá của Brzezinski đối với cuộc khủng hoảng của phe Liên Xô, tập hợp các nước tư bản chủ nghĩa lại, thống nhất hành động phản kích chiến lược nhằm vào, tình hình hỗn loạn tại các nước xã hội chủ nghĩa.

Phần quan trọng của bài viết này dành để phản bác những lập luận của Brzezinski. Sau khi nắm bắt được những điểm chủ yếu trong tư tưởng cuốn sách như trên, và nhất là mục đích chính trị của cuốn sách, Ohara Koichi lần lượt nêu những quan điểm và lập luận của mình. Trong bài viết của Koichi có chia ra từng đoạn với những tiêu đề riêng, ở đây, trong phạm vi một bài lược thuật cố cho được ngắn gọn, bằng theo sự lĩnh hội của mình, chúng tôi sắp xếp lại nội dung của bài viết qua một số luận điểm chủ yếu sau đây:

1. Lập luận nghèo nàn và lệch lạc của Brzezinski trong khi mưu toan biến sai lầm của "mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Liên Xô" thành bản chất của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thật vậy, ngày nay mọi người đều biết sơ dĩ Liên Xô lâm vào tình trạng khủng hoảng, Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên Xô, trong khi bước vào công cuộc cải tổ đã công khai nói lên những sai lầm, những thất bại và cả những tấn bi kịch của xã hội Xô viết trong suốt một thời gian lịch sử dài, điều đó hoàn toàn do "Chủ nghĩa xã hội kiểu Liên Xô" mang một nội dung bá quyền, thiếu dân chủ xã hội chủ nghĩa, quan liêu, áp đặt. Và nếu có phá sản thì những cái lỗi thời, trái quy luật đó đang phá sản chứ không phải chủ nghĩa cộng sản đang phá sản như Brzezinski nhận định. Với các nước Đông Âu cũng vậy. Cuộc khủng hoảng ở đây là do sự tiếp thu và áp đặt một cách máy móc mô hình của Liên Xô. Vậy mà từ những hiện tượng sôi động biểu hiện ý chí loại trừ những gì xa lạ với chủ nghĩa cộng sản, Brzezinski lại đòi nâng lên đến tầm "tính chất thời đại" của chủ nghĩa cộng sản đang suy sụp! Theo Koichi "Cố lẽ không có mô hình phổ biến của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, nhưng cũng sẽ là sai lầm nếu như lại tuyệt đối hóa "mô hình thất bại" trong

CNCS và CNXH "Brzezinski đi đến kết luận về sự cáo chung của CNXH và CNCS chỉ bằng cách dựa vào những mặt phủ định: hạn chế lịch sử khách quan, sai lầm của người lãnh đạo thì quả là một cách nhìn nhận lịch sử cực kỳ nông cạn!

2. Muốn xuyên tạc vấn đề từ gốc, Brzezinski đưa ra một hình ảnh bóp méo về Lênin cùng với những tư tưởng của Người.

Có lẽ Brzezinski cũng thấy rằng từ trước tới nay, người ta phê phán Stalin rất nhiều, coi Stalin như kẻ chịu trách nhiệm chính về những bước sai lầm của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, nói một cách khác Stalin đã đi chệch khỏi con đường của Lênin. Vì vậy, trong cuốn sách của mình, Brzezinski ra sức chứng minh rằng: chủ nghĩa xã hội đã sai lầm từ ngay Lênin; Stalin là kẻ đi tiếp con đường của Lênin, thực hiện chiến lược của Lênin, bảo vệ thể chế do Lênin dựng lên và điều đó không ngoài ý muốn của Lênin.

Tác giả bài viết nêu lên một số dữ kiện cụ thể để bác lập luận trên. "Bức lệnh về hòa bình", "Tuyên ngôn về quyền lợi của các tầng lớp nhân dân lao động" là những văn kiện quán triệt những quan điểm cơ nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học. Về mặt đối ngoại, Lênin tôn trọng triệt để quyền tự quyết dân tộc, đưa ra những chính sách gắn liền với tình đoàn kết thực sự giữa phong trào cách mạng và giữa nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa. Về mặt đối nội, chính phủ cách mạng Nga, dưới sự lãnh đạo của Lênin đã thực hiện được những tiến bộ xã hội lớn lao, trong đó có một nội dung cơ bản nhất về nhân quyền: quyền sinh tồn. Cần phải nhắc lại tư tưởng của Lênin về việc động viên quần chúng nhân dân tham gia vào sự nghiệp cách mạng và chống chủ nghĩa quan liêu, mệnh lệnh. Điều đáng kinh ngạc là Brzezinski coi việc Lênin kiên quyết trừng trị bọn phản cách mạng, và chống trả kẻ thù trong nội chiến là chính sách khủng bố.

Cũng phải nói thêm: về con người Stalin, Lênin đã hiểu khá đúng, và trước khi qua đời, đã yêu cầu Đảng không nên giao chức Tổng bí thư cho Stalin.

3. Về công cuộc cải tổ và những biến động chính trị đang diễn ra ở các nước Đông Âu mà Brzezinski coi là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội.

Như đã nói, trước đây ban lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu hầu như đã bê nguyên xi mô hình của Liên Xô áp đặt cho đất nước mình. Nguồn gốc đòi hỏi của quần chúng nhân dân là từ sự phụ họa và theo đuôi đó. Quần chúng nhân dân phê phán việc lãnh đạo kinh tế theo kiểu tập trung quan liêu, kém hiệu quả, phê phán sự xâm phạm chủ quyền các dân tộc khác. Nhìn chung người ta có thể thấy ở đó một quá trình mờ mờ tìm kiếm một hướng đi tự chủ, tự nhận thức về "lẽ phải và khoa học đòi hỏi được thoát ra khỏi những trói buộc của "chủ nghĩa xã hội của Liên Xô". Có thể nói nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu hiện nay đang đứng trước bước ngoặt lớn về tự do và dân chủ, tôn trọng và bảo vệ quyền tự quyết dân tộc, cải cách kinh tế và chính trị... Điều tác giả muốn nhấn mạnh là: phong trào ở các nước Đông Âu biểu hiện sự phá sản của "chủ nghĩa xã hội kiểu Liên Xô" tại các nước đó, thì sự phá sản đó không phải sinh ra từ nguyên lý, lý luận của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, ngược lại, từ sự xa rời nghiêm trọng các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Một mặt khác, Ohara Koichi cho rằng phải nhìn công cuộc cải tổ ở các nước xã hội chủ nghĩa một cách có phê phán. Chính phủ và nhân dân mỗi nước giải quyết vấn đề theo những cách là phức tạp và khác nhau, nhưng không thể coi tất cả cách giải quyết đó đều phù hợp với lý tưởng và lý luận của chủ nghĩa cộng sản. Nhìn chung, các nước này có chịu ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau của "tư duy mới" - mà tư duy mới lại là quan điểm tô hồng chủ nghĩa tư bản, hoặc chịu ảnh hưởng khuynh hướng xã hội - dân chủ của Đảng cộng sản Italia. Ngoài ra, trong quan hệ giữa các Đảng, chưa phải đã hết những biểu hiện của chủ nghĩa bá quyền. Vì vậy việc khắc phục nó trong phong trào cộng sản quốc tế vẫn là vấn đề quan trọng.

4. Muốn nêu một ví dụ để chứng minh cho sự "thất bại" của phong trào cộng sản quốc tế ở thế giới tư bản chủ nghĩa, Brzezinski đã đi đến xuyên tạc phong trào cộng sản Nhật Bản.

Tác giả lần lượt nêu lại và bác bỏ một số luận điểm mà Brzezinski nêu lên trong vấn đề này.

- Brzezinski nói: chủ nghĩa cộng sản Nhật Bản không vững mạnh nên đã không biết tranh thủ điều kiện thuận lợi sau Đại chiến II. Thực ra, Brzezinski đã cố tình quên đi cả một chiến dịch bao vây phong tỏa chủ nghĩa cộng sản do Mỹ chủ trương, gây cho Đảng Cộng sản Nhật Bản biết bao tổn thất khó khăn, và Đảng phải đấu tranh như thế nào để xây dựng được trận địa vững vàng như ngày nay.

- Brzezinski tự cho mình là người ngăn chặn chiến tranh hạt nhân còn Đảng Cộng sản Nhật đã không có khả năng lợi dụng cơ hội bất lò xo mà "dị ứng" đối với vũ khí hạt nhân của người Nhật Bản tạo ra để động viên tinh cảm dân tộc. Rõ ràng sự thực là ngược lại: Đảng Cộng sản đã có phần đóng góp như thế nào trong phong trào đấu tranh chống vũ khí hạt nhân bảo vệ hòa bình, và chính điều đó đã ngăn chặn các lực lượng thống trị Mỹ - Nhật, những kẻ chủ trương dùng vũ khí hạt nhân làm phương tiện răn đe.

- Brzezinski nói rằng Đảng Cộng sản Nhật Bản tự coi mình là "theo đường lối xã hội dân chủ kiểu Tây Âu" chứng tỏ ông ta không biết gì về Đảng Cộng sản Nhật Bản cả, vì: Đảng Cộng sản Nhật đã từng phê phán mạnh mẽ Đảng Cộng sản Italia mập mờ trong ranh giới giữa xã hội - dân chủ với chủ nghĩa xã hội khoa học, phê phán khuynh hướng xã hội - dân chủ hóa đang xuất hiện ở Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa.

- Brzezinski mô tả Đảng Cộng sản Nhật "hy sinh mục tiêu đoàn kết của chủ nghĩa cộng sản" qua việc phê phán chủ nghĩa bá quyền Liên Xô, Trung Quốc. Thực ra chính chủ nghĩa bá quyền đó đã đi

ngược lại lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, và sự phê phán của Đảng Cộng sản Nhật chính là theo những nguyên lý và nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Qua một số điểm trên, có thể thấy rằng những điều mà Brzezinski đem ra phê phán Đảng Cộng sản Nhật chỉ càng chứng tỏ tính kiên định cách mạng và tầm nhìn xa trông rộng của Đảng. Có thể nhận định: "Phong trào của những người cộng sản, những người theo chủ nghĩa khoa học ở Nhật Bản là phong trào không có ý định đi tìm một mô hình xã hội lý tưởng và bệ nguyên mô hình đó vào xã hội Nhật Bản, mà là phong trào phấn đấu nhằm giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong xã hội Nhật Bản, một nước tư bản chủ nghĩa phát triển phụ thuộc Mỹ, bằng các biện pháp phù hợp với qui luật phát triển của lịch sử và phục vụ lợi ích của nhân dân (...)" không giao động bởi những nguyên nhân từ bên ngoài như tác động của sự thất bại của "chủ nghĩa xã hội kiểu Liên Xô".

5. Thực chất của chủ nghĩa tư bản thế giới - Con đẻ của nó là chủ nghĩa đế quốc đã đem đến những gì cho nhân loại?

Dĩ nhiên, trong khi tấn công vào chủ nghĩa cộng sản, Brzezinski, gián tiếp hay trực tiếp đêu ca ngợi chủ nghĩa tư bản, kể cả chủ nghĩa tư bản Nhật, và coi đó là con đường phồn vinh duy nhất của nhân loại. Đáng tiếc là, như đã nói, hiện nay ở các nước xã hội chủ nghĩa, lại đang có xu hướng tôn thờ chủ nghĩa tư bản, xóa nhòa đi vấn đề nghiêm trọng không thể giải quyết được của nó. Đảng Cộng sản Nhật cực lực phê phán khuynh hướng đó.

Chúng ta không thể nhắc lại đây những ý kiến cụ thể của tác giả dành để phân tích thực chất của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, chỉ cần ghi lại một số điểm nêu lên:

- Tội ác của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản trong 90 năm qua với những cuộc chiến tranh đẫm máu.

- Thuyết răn đe hạt nhân hiện nay - nguồn gốc gây ra sự hủy diệt nhân loại, cùng với chính sách thực dân mới, sự bần cùng hóa và tàn phá môi trường thế giới thứ ba.

- Đừng quên những vấn đề của bản thân chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn và hạn chế về chính trị, kinh tế, và xã hội không giải quyết được: sự phân hóa ngày càng tăng giữa kẻ giàu và người nghèo, sinh thái ở các thành phố lớn bị đe dọa, các tệ nạn xã hội tràn lan, nạn thất nghiệp trầm trọng... Hãy nhìn vào những cuộc chao đảo gần đây của chủ nghĩa tư bản. Nước Mỹ từ chủ nợ thành con nợ lớn nhất thế giới. Tư bản lũng đoạn Nhật Bản hy sinh lợi ích của nhân dân, theo đuổi các khoản lợi nhuận lũng đoạn siêu ngạch trên cơ sở duy trì và tăng cường các mối quan hệ phụ thuộc vào Mỹ; mâu thuẫn giữa tư bản lũng đoạn Nhật Bản và đồng đảo các tầng lớp nhân dân Nhật Bản là không gì che đậy được.

6. Nhìn nhận của Đảng Cộng sản Nhật Bản về chủ nghĩa xã hội và tương lai của chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Từ những sự phân tích trên đây, có thể đi đến kết luận đã được diễn tả cô đúc trong cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nhật:

"Các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân trên thế giới và các lực lượng đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc chống vũ khí hạt nhân, bảo vệ hòa bình và những cái cách xã hội mang tính chất xã hội chủ nghĩa tuy có những khó khăn nội tại, nhưng sẽ là động lực quyết định nội dung, phương hướng đặc điểm phát triển của lịch sử thế giới trong thời đại ngày nay thông qua những hoạt động phù hợp với tiến trình phát triển của lịch sử xã hội. Điều quan trọng là các lực lượng này phải vạch ra được tiến trình và chính sách đoàn kết đúng đắn cho sự nghiệp hòa bình, thực hiện quyền tự quyết dân tộc và tiến bộ xã hội".

Ohara Koichi viết, chúng ta hy vọng qua "thời kỳ đầy biến động dữ dội xác", phong trào cộng sản trên thế giới hiện nay sẽ cụ thể hóa

những vấn đề của thời đại theo những quy luật tất yếu khách quan của chủ nghĩa duy vật lịch sử để phát huy thực sự sức sống của chủ nghĩa xã hội.

HOÀNG NGÂN

lược thuật

(Tập chí Thông tin KHXH,

1990, số 1, tr. 22-25)

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐANG KHỦNG HOẢNG, NHƯNG KHÔNG SỤP ĐỔ

SHAKHNAZAROV G. (*)

Suy xét về đề tài tư tưởng xã hội chủ nghĩa giữa lúc này, khi thế giới xã hội chủ nghĩa đang trải qua một thời điểm bước ngoặt, là điều không giản đơn, bởi rất dễ ngộ nhận một vết xé ngẫu nhiên của các sự kiện là rãnh gieo hạt, một đặc điểm nhất thời nào đó là tính quy luật lâu dài. Nhưng có một điều đáng ngạc nhiên: đúng vào thời điểm này, khi chủ nghĩa xã hội trải qua một cuộc khủng hoảng sâu sắc thì khắp nơi trên thế giới, các nhà khoa học, các nhà chính trị và dư luận rộng rãi vẫn cố gắng đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi vậy thì xã hội là cái gì, những nguyên tắc và tương lai của nó ra sao?

Có thể tìm hiểu điều đó trong cuộc luận chiến với một nhà lý luận kiệt xuất tầm cỡ Z. Brzezinski. Công trình mới nhất của ông ta, cuốn "Thất bại lớn. Sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XX" được khắp nơi coi như là bài kinh cầu hồn cho hệ thống của chúng ta, như một thứ phản đề của "Tuyên ngôn cộng sản".

Z. Brzezinski định chứng minh rằng chủ nghĩa xã hội Xôviết ngay từ đầu đã là một sự nghiệp sa sút, một sự lừa mị và tự dối mình. Theo

(*) SHAKHNAZAROV G.: Obnovlenie ideologie i ideologija obnovlenija (Đổi mới hệ tư tưởng và hệ tư tưởng của công cuộc đổi mới). Kommunist. M., 1990, No 4, str. 52 - 55. Đầu đề này là của chúng tôi.

lời ông ta, nhiều trí thức đã bị chinh phục bởi sự hấp dẫn của tư tưởng xã hội chủ nghĩa dường như đã được thể hiện ở Liên Xô, đã không hiểu nổi cái nội dung đẫm máu của chế độ chuyên chế Stalin. Feihtvanger và Show, Rollan và Tagor đều đã ca ngợi hệ thống của chúng ta là một thành quả cao nhất của nền văn minh.

Nhiều điều ở đây đúng là sự thực. Con người ta vốn thường lầm lẫn cùng với những trào lưu tinh thần thống trị của thời đại và các thiên tài hiểu theo nghĩa này cũng không phải là biệt lệ. Nhưng đồng ý với Brzezinski khi ông ta chỉ ra tên tuổi của những kẻ bị lừa và tự lừa mình thì ta chợt nghĩ: vậy nghĩa là đã từng có những chứng cứ giả mạo buộc người ta tin vào tư tưởng của chủ nghĩa xã hội. Nghĩa là đây không phải là một huyền thoại, mà là một tình trạng hết sức phức tạp, đầy mâu thuẫn của xã hội, khi nó dường như bị phân đôi, tồn tại dưới hai dạng thức ngày một xa lìa nhau hơn.

Brzezinski chỉ quan tâm tới một chủ định duy nhất, chứng minh cho sự thất bại hoàn toàn của cuộc thí nghiệm cộng sản chủ nghĩa. Và vì vậy ông ta đã bóp méo cuộc sống đích thực, chân chính của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, dồn hết sự chú ý vào một sự tồn tại khác, ở dạng bị xuyên tạc, mặc dù, có thể là cũng hợp quy luật như thế. Điều đó đã gây cản trở cho việc đánh giá đúng quá khứ, đặc biệt là để hiểu: tại sao hệ thống ấy cho đến nay vẫn có những người ủng hộ, hơn thế lại rất đông? Nhưng còn gì tồi tệ hơn, một cách tiếp cận như thế đã cản trở cho việc đánh giá đúng triển vọng, bởi vì nó đã chôn vùi, cùng với thứ chủ nghĩa cộng sản cổ truyền, giáo điều, cả tư tưởng xã hội chủ nghĩa, và nếu thế thì cả cải tổ, một công cuộc dựa trên ý muốn đổi mới chủ nghĩa xã hội, cũng sẽ đi đến thất bại.

Không khó khăn gì mà nhận thấy rằng Brzezinski đã thổi phồng vai trò của Stalin không khác gì khi xưa Hugo, dù thực tâm không muốn, đã đề cao Louis Napoleon. Thực tế thì một tên đại bịp phải thế nào để có thể lừa gạt toàn bộ tinh hoa trí thức cả thời đại mình. Tất nhiên điều đó thật ngớ ngẩn. Những con người đó đâu đến mức cả tin để bập vào cái lưới câu của một tên độc tài cộng sản chủ nghĩa. Rõ ràng là họ nhìn thấy rất rõ những khó khăn và khủng

cảnh đói nghèo của cuộc sống ở các vùng nông thôn, cảnh thâm đạm của các thành phố, thiếu thốn đủ thứ tiện nghi thông thường mà đối với các nước Tây Âu có lẽ đã có từ thời Trung cổ. Cứ lấy những con đường do những người La Mã đã làm ở châu Âu thì ở nước ta vào những năm 30 mới bắt đầu được làm thí điểm. Mà ngay đến tận bây giờ vấn đề này vẫn chưa giải quyết xong.

Vậy vấn đề là gì? Tại sao trong tất cả những điều kiện như thế họ không chỉ biểu dương các Xô viết về những thành tựu "riêng lẻ" này hay khác, mà chân thành tán phục những điều mất thấy tai nghe. Hơn thế thậm chí họ còn nhận ra trong cuộc sống của chúng ta lúc đó, rõ ràng là chẳng phong lưu gì, về nhiều mặt thật chẳng ra gì, sự khởi đầu của một nền văn minh xã hội chủ nghĩa mới.

Câu trả lời thật rõ ràng. Thứ nhất, cần nhớ rằng chủ nghĩa tư bản vào thời điểm lịch sử đó đang trải qua một cuộc khủng hoảng sâu sắc. Những vị khách trí thức có tên tuổi đến thăm ta từ nước Đức nơi chủ nghĩa phát xít đang hò hét; từ Ấn Độ - vẫn còn phải sống quỳ mà mơ ước vút bỏ được xiềng xích của chủ nghĩa thực dân giống như các dân tộc ở vùng ngoại vi Đế quốc Nga-la-tu trước đây mãi đến sau cuộc Cách mạng tháng Mười mới được tự do; từ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nước vừa chịu một cuộc khủng hoảng ngoài sức chịu đựng còn chưa thể hình dung được "đường lối mới" của F. Roosevelt sẽ dẫn đến đâu v.v... Và hơn nữa là châu Âu đang khiếp sợ cái vòi rồng chiến tranh đang ập tới mà tiếng rền của nó dễ chấn động toàn bộ bầu không khí sinh hoạt quốc tế. Trong bối cảnh đó nhiều người biết suy nghĩ thời ấy đã nhìn thấy ở Hồng quân sức mạnh đủ để bảo vệ nền văn minh khỏi nạn phát xít và nói cho cùng, họ đã không nhầm.

Sự khâm phục lúc đó trước kinh nghiệm của Liên Xô không chỉ giải thích đơn thuần là do mối quan tâm tới hòa bình và an ninh. Với những người ủng hộ những khuynh hướng khác nhau của tư tưởng xã hội chủ nghĩa (Show, Wells) đó là một cuộc thí nghiệm đặc biệt. Những

vườn trẻ, nhà nghỉ dành cho công nhân, bệnh viện không phải trả tiền, chế độ bảo hiểm xã hội dành cho tất cả những ai đang làm việc... Để hiểu là khi quan sát những chồi non ấy của chủ nghĩa xã hội, bạn bè ta đã cho phép mình nhắm mắt lại trước những cái khiến họ xúc động hoặc còn chưa vừa ý. Đúng hơn là họ đã coi những mặt tiêu cực của thực tế Xô viết là những yếu tố song hành không tránh khỏi của một cuộc thực nghiệm xã hội vĩ đại ở một nước tương đối lạc hậu. Tất nhiên, có thể nói rằng họ không đủ khả năng thấu suốt để nhìn ra trong các quá trình của những năm 30, đừng nói gì đến những sai sót trước đó nữa của luật pháp, những dấu hiệu khủng khiếp của sự sinh thành nội dung dân chủ ngay từ đầu đã được đưa vào hệ thống Xô viết. Nhưng điều quan trọng hơn rất nhiều là - và cả trong trường hợp này họ cũng có lý, những hình thức xã hội chủ nghĩa được thử thách trong cuộc thí nghiệm của chúng ta, đã được cấy sang miếng đất phương Tây nhờ những cố gắng của phong trào công nhân và cái cách tự do và trên nhiều phương diện đã giúp ích cho việc xây dựng nên một mô hình có sức sống mà bây giờ đây Brzezinski tự hào.

Nói tóm lại, chúng ta phải nhận quan điểm cho rằng cần xóa sạch mọi nội dung tích cực trong sự phát triển của Liên Xô thời kỳ sau Cách mạng tháng Mười. Sự đóng góp của nước ta vào nền văn minh thế giới, liên quan đến việc nó bước vào con đường chủ nghĩa xã hội, là hết sức to lớn, không thể lấy gì khác so sánh được. Chúng ta là những người đi đầu tiên, và điều đó không ai có thể phủ nhận được.

Từ đó rút ra một kết luận khác, có tầm quan trọng hơn nhiều tính chất vô căn cứ của việc khẳng định về sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội. Không có sai lầm nào lớn hơn khi coi một trạng thái thoáng qua, nhất thời nào đó là cái vĩnh cửu. Sự khủng hoảng là thuộc tính vốn có của bất kỳ hiện tượng nào, chỉ có những xác chết mới không thể khủng hoảng mà thôi. Bất kỳ một cơ thể sống nào cũng định kỳ mắc bệnh. Chính cái đó giờ đây đang xảy ra với tư tưởng chủ nghĩa xã hội, điều mà chúng ta buộc phải thừa nhận là đang trải qua một thời kỳ gian nan.

Bây giờ có lẽ chúng ta đã tiến tới gần điều quan trọng nhất - đó là sự đánh tráo khái niệm, cái được lấy làm cơ sở cho toàn bộ quan niệm của Brzezinski. Ông ta tuyên bố rằng cả thế kỷ XX là thế kỷ dựng lên và sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản. Hơn thế chủ nghĩa cộng sản đã không còn tồn tại nữa, kể cả trong trí nhớ. Với toàn bộ thực tế là mục tiêu xây dựng chủ nghĩa cộng sản đã được nêu ra. Thậm chí cả những kẻ giáo điều thiện cận nhất cũng không có gan khẳng định rằng ở nước ta đã xây dựng xong xã hội đó - thì chỉ ít người ta cũng nói tới những mầm non của chủ nghĩa cộng sản mà nói như thế thì không có gì khác hơn là một uyển ngữ (euphémisme).

Brzezinski đã hoàn toàn đúng giá như ông ta chỉ giới hạn ở việc khẳng định rằng kinh nghiệm của thế kỷ XX chưa đưa lại đủ bằng chứng cho khả năng tồn tại của chủ nghĩa cộng sản. Hoặc giả thế này: ông ta chỉ ra rằng nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế trên thực tế phức tạp hơn nhiều so với người ta tưởng. Hoặc thậm chí: ông đã vạch trần tính chất hoang tưởng của học thuyết cộng sản chủ nghĩa. Nói một cách khác, nếu như có căn cứ để nói rằng chủ nghĩa cộng sản đã và vẫn đang là một giả thuyết chưa được chứng minh. Nhưng điều đó không có nghĩa là phải gắn liền với nó chủ nghĩa xã hội và buộc dây giồng xuống đáy biển như một cuộc phiêu lưu chính trị lớn nào đó. Song cũng phải nói rằng bất lối nhà chính trị học người Mỹ ở điểm này là sai: bởi lẽ bản thân những người mácxít đã tạo cái có cho một cách giải thích như vậy, đem nhập cục chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa cộng sản và tuyên bố rằng xã hội xã hội chủ nghĩa là giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Tạm thời vẫn chưa có bằng chứng nói lên rằng nguyên tắc của nền sản xuất và tiêu dùng cộng sản chủ nghĩa bắt nguồn từ điều kiện phát triển của xã hội hiện nay. Trong khi đó lại có hết sức nhiều bằng cứ cho thấy rằng những điều kiện đó là một điểm phát sinh của tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Những sự kiện bảo tố của những năm 80 cả ở Liên Xô lẫn các nước Đông Âu đã chứng minh cho sự thất bại không phải là của bản

thân tư tưởng ấy, mà là của những ý đồ muốn "xây dựng xong" chủ nghĩa xã hội mà không cần dân chủ, không cần thị trường v.v...

Có lẽ bạn đọc sẽ tò mò muốn hỏi là sau cuộc nói chuyện riêng với Brzezinski (ông ta sang Moskva năm ngoái) tôi đã trình bày cho ông ta nghe những chứng lý đó và ông ta về cơ bản đã đồng ý với những chứng lý ấy, sau khi nhấn mạnh rằng ông ta đã đồng nhất tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản với tư tưởng của chủ nghĩa xã hội "không phải do ác ý" mà chỉ giản đơn vì trước nay đó là truyền thống của tư tưởng chính trị ở phương Tây, và dù thế nào cũng vẫn dẫn ra "hai giai đoạn" của xã hội cộng sản chủ nghĩa thống nhất.

Trở lại đề tài cơ bản, giờ đây, trong việc đổi mới hệ tư tưởng, chúng ta phải chuyển trọng tâm cơ bản sang tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Thứ nhất, nó đủ phong phú và rộng để bao gồm toàn bộ phức thể những nhu cầu và nguyện vọng hiện nay - của mỗi cá nhân riêng lẻ cũng như các cộng đồng xã hội của tất cả các nước, của toàn thế loài người nói chung.

Hơn bất kỳ tư tưởng nào khác, chính tư tưởng này mới đáp ứng được sự thách thức cơ bản của thời đại ngày nay: Quốc tế hóa hay toàn cầu hóa toàn bộ đời sống xã hội. Việc giữ gìn nguyên vẹn bản sắc độc đáo riêng và quyền tự quản của các cộng đồng hoặc quốc gia riêng lẻ trong quá trình tích hợp và thống nhất đồng thời mọi lực lượng để giải quyết những vấn đề toàn cầu - đó là công thức của tư duy chính trị mới mà nếu thiếu nó thì nhân loại sẽ không đủ khả năng vượt qua được vạch cản nguy hiểm của thế kỷ hạt nhân.

Điều đặc biệt quan trọng là chủ nghĩa xã hội vẫn là tư tưởng chỉ đạo của phong trào công nhân. Công nhân, nhân dân lao động không bao giờ từ bỏ đòi hỏi phải có những bảo đảm xã hội về công ăn việc làm, được học hành, được đảm bảo đầy đủ về vật chất, bảo hiểm xã hội, tham gia vào việc thông qua những quyết định... Điều không kém phần quan trọng là trên thực tế, mọi giai cấp và tầng lớp xã hội đều

có thể tìm được chỗ cho mình trong hệ thống một chủ nghĩa xã hội dân chủ, nhân đạo, chấp nhận một dạng hoạt động sống, trừ việc bóc lột sức lao động của người khác, đồng thời không theo cách hiểu cổ hủ, mà theo quan niệm hiện nay. (Có lẽ trong lý luận của chúng ta đã bắt đầu thừa nhận rằng sẽ không đúng nếu gọi mọi dạng lao động làm thuê trong xí nghiệp tư nhân là bóc lột).

Để kết luận, chúng ta cần nhắc lại rằng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội, như hiện nay kinh nghiệm của thế giới đã xác nhận rõ ràng, là môi trường hoàn toàn hiện thực của cuộc sống hôm nay. Còn việc tìm những mô hình tối ưu cho trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa và cơ cấu thế giới còn là việc tiếp tục phải làm và sẽ còn tiếp tục rất lâu dài nữa, đó lại là một vấn đề khác.

Trở lại với tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản, chúng ta tạm nói thế này: việc nó là một tư tưởng chưa được hiện thực hóa trong giai đoạn phát triển xã hội hiện nay, tạm thời mới chỉ là một giả thuyết thì như thế tuyệt nhiên không có nghĩa là điều không tưởng đó vĩnh viễn bị xóa bỏ, loại ra khỏi kho tàng trí tuệ của nhân loại. Hơn nữa, đó là điều không thể làm được bởi vì tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản không phải là cái gì khác hơn là mức hình dung cao nhất về sự công bằng xã hội. Với tư cách đó, nó mãi mãi nằm trong ý thức xã hội, đã và có lẽ sẽ còn lâu nữa đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển văn hóa tinh thần và đạo đức của nhân loại.

Chủ nghĩa cộng sản - đó là một ước nguyện chưa thành. Thế nhưng có nhiều ước nguyện, đến như ước mơ hoang tưởng của Ikar bay được lên trời, thường vẫn đạt được nhờ hoạt động kiến tạo của con người.

BÌNH THUẬT CUỐN "THẤT BẠI LỚN..." CỦA Z. BRZEZINSKI

V. M. MUNTIAN (*)

Chúng ta là những người chứng kiến và tham gia các sự kiện lịch sử ở Liên Xô (trước đây) và các quốc gia Đông Âu đang diễn ra những cuộc cách mạng xã hội mới, trong đó những cải cách chính trị và kinh tế diễn ra song song những quá trình có tính chất cách mạng không kém trong các lĩnh vực tinh thần và thế giới quan. Đồng thời cũng thấy rất rõ ràng là cuộc cách mạng thế giới quan đang lạc hậu hơn nhiều so với sự nghiệp sáng tạo về chính trị - xã hội mà trong một vài trường hợp riêng lẻ là cái có tính tự phát của quần chúng. Trong ý thức xã hội trước nay vẫn chưa có một quan niệm đầy đủ về những nguyên nhân khủng hoảng của một trong những hệ thống xã hội và thế giới quan vĩ đại nhất trong thế kỷ XX - hệ tư tưởng và thực tiễn của "chủ nghĩa xã hội hiện thực", - về những ranh giới cơ bản và tính định hướng của quá trình lịch sử tự nhiên đang diễn ra một cách khách quan. Những người Xô viết trước hết muốn biết tại sao sau khi đã hoàn tất cuộc Cách mạng tháng Mười dưới những khẩu hiệu phấn đấu để thực hiện những lý tưởng nền tảng của chủ nghĩa xã hội và những giá trị chung toàn nhân loại (dân chủ, tự do, công bằng xã hội, bình đẳng

(*) V. MUNTIAN là phó tiến sĩ các khoa học pháp lý. Bài bình thuật này đăng trong "Novye Knigi za rubezhom po obshchestvennym naukam". Moskva, Progress, 1990, Số 5, str. 33 - 40.

.v.v...) xã hội ta lại bị đẩy lùi trở lại so với những mục tiêu ban đầu đó của cách mạng, cũng như bị lạc hậu hàng mấy chục năm trong sự phát triển của mình so với các nước tiên tiến là những nước đã thể hiện được ở mức độ cao một vài trong số những mục tiêu và giá trị đó. Các dân tộc Liên Xô và Đông Âu rõ ràng đang rất quan tâm đến vấn đề những xã hội và quốc gia đã cải cách và xây dựng lại sẽ như thế nào xét về bản chất của nó, sẽ còn lại cái gì trên lá cờ xã hội chủ nghĩa của họ, công cuộc phát triển, đổi mới tiếp đây - sau cách mạng - về chính trị - xã hội và kinh tế sẽ được thực hiện theo những mô hình và phương án mới nào.

Xung quanh tất cả những vấn đề đó đang có một cuộc tranh luận sôi nổi trong giới nghiên cứu khoa học xã hội Liên Xô và các nước Đông Âu. Song chúng ta cũng không thể không quan tâm tới cả những quan điểm nhìn nhận những sự kiện đang diễn ra của giới chính trị học và xã hội học phương Tây. Xét trên bình diện này đáng chú ý là công trình của Z. Brzezinski, nguyên cố vấn an ninh của tổng thống Mỹ, hiện nay là cố vấn của Trung tâm nghiên cứu chiến lược và quốc tế của trường Đại học tổng hợp Georgetown.

Trong cuốn sách cũng đã phân tích tổng hợp toàn diện và làm sáng tỏ thêm về mặt thông tin cả những khía cạnh của vấn đề như những nguyên nhân và điều kiện phát sinh, phát triển năng động và phổ biến lý luận và thực tiễn cộng sản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trên thế giới; lý luận mácxít và những đặc điểm của các mô hình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước khác; cơ chế quyền lực và sự vận hành xã hội dưới chủ nghĩa xã hội; tổng hợp các nhân tố quy định cuộc tổng khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản; bản chất và nội dung của các quá trình cải tổ và đổi mới ở Liên Xô và các quốc gia Đông Âu; những triển vọng tồn tại của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XXI và những vấn đề khác ...

Đặc điểm của cuốn sách này là trong đó chỉ ra bối cảnh hai mặt thống nhất của hiện tượng hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, phản ánh hệ thống giá trị chung toàn nhân loại và cơ chế xây dựng lại xã hội về mặt xã hội. Những giá trị chung toàn nhân loại nói trên, ở một mức độ nhất định, cũng nằm trong hệ thống thế giới quan của nhiều nước khác ngoài Liên Xô. Vì vậy việc các nước xã hội chủ nghĩa từ bỏ mô hình độc tài, tuyệt đối, không có triển vọng và đã mất uy tín trong việc kiến tạo một xã hội xã hội chủ nghĩa và chối bỏ những tư tưởng biện hộ, bảo vệ và luận chứng cho nó, chính là cơ sở khách quan để giúp các dân tộc xích lại gần nhau hơn về mặt tinh thần và khắc phục mặt biểu hiện chủ yếu của cuộc khủng hoảng trong những thập niên gần đây - sự đối đầu thù địch về hệ tư tưởng.

Giải thích những nguyên nhân và điều kiện phát sinh, phát triển và "khúc khải hoàn" của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, Brzezinski nhấn mạnh rằng một trong những nguyên nhân chủ yếu để những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội xuất hiện và nhanh chóng được truyền bá rộng rãi trong đầu óc của mọi người là sự giản lược hóa đến mức tối đa những cơ chế xã hội của sự phát triển xã hội loài người thể hiện qua công thức: "Nguồn gốc của mọi cái xấu là sự thiết lập quyền tư hữu tài sản và nếu xóa bỏ cái đó sẽ đạt tới công bằng thực sự và hoàn thiện bản chất con người" (p. 1-2; tr. 11)^(*). Cũng y như trong trường hợp các tôn giáo lớn, tính hấp dẫn của tư tưởng cộng sản chủ nghĩa là ở ý đồ muốn lý giải một cách toàn diện ý nghĩa của cuộc sống, cách lý giải dưới dạng đơn giản những điều phổ thông ai cũng hiểu được, cũng như những quan niệm triết học phức tạp về thực tế hiện thực, về quá khứ và tương lai. Nó đã đem lại cho một bộ phận những người có trình độ phát triển trí tuệ khác nhau lòng tin sâu sắc rằng mình đúng, đem lại "tiếng thơm lịch sử" và là kim chỉ nam, là lời kêu gọi tiến tới hành động chính trị để làm "một

(*) Để tiện cho bạn đọc theo dõi, chúng tôi ghi số trang bản tiếng Anh (p.) và bản tiếng Việt ở phần trên (tr.)

cuộc cách mạng cứu thế", tiến tới xác lập "một sự kiểm soát của nhà nước đối với toàn bộ xã hội, nhằm hoàn thành một xã hội công bằng được kế hoạch hóa triệt để, điều đó đặc biệt hấp dẫn đối với sự khao khát của trí thức, muốn được hành động dựa trên lý trí. Như vậy là chủ nghĩa công sản hấp dẫn cả những người gốc lẫn những người khôn: đối với mỗi người, nó cho một ý thức về sự lãnh đạo, một sự giải thích làm vừa ý và một sự chứng minh về đạo đức" (p. 2; tr. 12).

Theo tác giả, hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa - đó chính là phản ứng đối với những khiếm khuyết của thế kỷ phát triển công nghiệp tư sản, cũng như đối với những mâu thuẫn xã hội sâu sắc, những mâu thuẫn công trở nên gay gắt hơn sau đại chiến thế giới thứ nhất. Nó đã ném ra lời thách thức tư tưởng trước hệ thống tinh thần - tư tưởng của phương Tây, cái mà những cơ sở triết học của hệ tư tưởng này vẫn được coi là bền vững và bất biến.

Chiến thắng của Liên Xô đối với Đức phát xít trong đại chiến thế giới thứ hai, tính chất hấp dẫn của mô hình xây dựng một xã hội mới ở Liên bang Xô viết cũng như những cuộc cải cách đã dẫn tới quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng trong nước và tăng nhịp độ tăng trưởng của nền công nghiệp, mở rộng hơn những triển vọng cho nhiều tầng lớp dân cư ở các quốc gia Đông Âu trong việc khẳng định vai trò, khả năng của mình - tất cả những cái đó xét về mặt khách quan đã giúp cho việc truyền bá nhanh chóng những ý tưởng và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội, xác lập các chế độ quyền lực tương ứng ở các nước khác nhau. Ngay đối với một bộ phận công nhân công nghiệp, cũng như những bản cố nông ở nông thôn, chế độ cộng sản mở cửa cho họ tiến nhanh nhờ khả năng được giáo dục rộng lớn hơn, cũng như có thể vào các thể chế quyền lực mới như cảnh sát và quân đội.

Một bộ phận đáng kể thanh niên và tầng lớp trí thức bị cuốn hút bởi tư tưởng công nghệ xã hội tổ chức nhà nước, những đề án đô thị hóa và những kế hoạch đồ sộ, những mục tiêu nhân văn của các cuộc cải cách

xã hội". Còn nói chung, như tác giả viết "sau đại chiến thế giới thứ hai, tư tưởng xây dựng một trật tự xã hội mới trên hoang tàn của quá khứ là thực sự hấp dẫn" (p. 108; tr. 143)

Đáng chú ý không kém là ý đồ của tác giả muốn chỉ ra những đặc điểm đặc thù và nguyên nhân phổ biến một số tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và những yếu tố xác định của mô hình phát triển xã hội Xô viết tại hàng loạt quốc gia "thế giới thứ ba". Đặc biệt, ông lưu ý rằng giới lãnh đạo mới của các nước mới được giải phóng khỏi chủ nghĩa thực dân đều cho sự giúp đỡ của Liên Xô là có ích; họ có khuynh hướng muốn hợp tác với Liên Xô và sử dụng một số học thuyết mà nước này tuyên truyền. Đặc biệt có sức hấp dẫn đối với họ là các phương pháp giành và giữ chính quyền, quan niệm xây dựng đảng cầm quyền theo nhiều cấp và những sáng kiến mà họ sử dụng để củng cố hơn nữa quyền lực của cá nhân mình. Khi áp dụng mô hình phát triển kinh tế Xô viết, một số nước rất muốn "nhảy vọt vội vàng tới thời hiện đại" "khuynh hướng đó còn thể hiện rõ nét hơn tại các quốc gia chưa có được những truyền thống trí tuệ và văn hóa mạnh mẽ đủ để hình thành được một quan điểm lịch sử của riêng mình" (p. 212; tr. 275).

Một phần đáng kể tư liệu trong sách đề cập đến mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa đang vận hành, về cơ chế của quyền lực ở "các nước thuộc phe xã hội chủ nghĩa". Tác giả cũng đưa ra một cách phân định kiểu hình các mô hình qua thí dụ Liên Xô và các nước khác định sao chép y nguyên khâu chủ yếu của chế độ xã hội và nhà nước Xô viết - hệ thống hành chính - mệnh lệnh của nó. Đồng thời với việc chỉ ra tính chất đa phương án, ở một chừng mực nhất định, của các mô hình có tính đến những điều kiện cụ thể, tác giả đã minh họa kỹ khía cạnh có lẽ là quan trọng nhất khi hình thành và vận hành toàn bộ cơ chế phát triển của xã hội XHCN - mâu thuẫn giữa những định đề cơ sở của việc xây dựng các mô hình (các sơ đồ, khuôn mẫu, giáo điều) được rút ra từ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin với những quá trình phát triển hiện thực của đời sống

xã hội là cái không thể hoàn toàn quy thành các khuôn mẫu hệ tư tưởng được. Và từ đó, đặc biệt là qua thí dụ tình hình hiện nay ở Trung Quốc, tác giả rút ra kết luận là khả năng định hướng tiếp tục đi theo CNXH, dù chỉ là hình thức, được quyết định tùy theo mức độ từ bỏ các khuôn mẫu truyền thống của hệ tư tưởng mácxít.

Vậy đâu là những đặc trưng cơ bản của các mô hình xây dựng xã hội XHCN đã tồn tại từ trước đến nay? Trước hết, đó là việc tuyệt đối hóa vai trò của nhà nước. "Nhà nước, - trong cuốn sách nhận định, - bằng cách khai thác quyền lực chính trị và bằng cách sử dụng những công cụ mới của công nghệ xã hội, sự phục tùng của xã hội và sự trung thành tận tụy của cá nhân, đã thấm tẩm trong tay mình toàn bộ đời sống xã hội" (p. 6; tr. 17).

Trong lĩnh vực chính trị, điều đó có nghĩa là dùng bạo lực bất buộc phải khuất phục hệ thống chính trị "và thay đổi nó một cách toàn bộ cho phù hợp với một ý đồ tư tưởng xác định". "Đời sống chính trị đích thực đã thôi không tồn tại nữa và một sự thỏa thuận ngầm có vẻ phản ánh sự thống nhất của toàn bộ xã hội. Chính trị trở thành việc bảo vệ đặc quyền chỉ của riêng các nhà lãnh đạo cao nhất". Thế giới đã bước sang thời đại mà hành vi xã hội ngày càng bị chế định bằng các phương tiện chính trị, còn hoạt động kinh tế thì đi theo phương hướng đã định của chính trị.

Một trong những phương thức để củng cố những cơ chế và các chế độ quyền lực không đủ hiệu quả là áp dụng bạo lực. Chẳng hạn khi sử dụng nguyên tắc quan điểm giai cấp và quan niệm đấu tranh giai cấp, được củng cố thêm bằng lý luận "biện chứng" của Stalin về tính chất ngày càng gay gắt hơn của cuộc đấu tranh trong quá trình xây dựng CNXH, Brzezinski nhận định, những người đại diện cho quyền lực mới này rất quan tâm đến việc xóa bỏ mọi khả năng đối chọn chính trị trong nước. Không phải ngẫu nhiên mà thời kỳ 1948 - 1953 với các nước Đông Âu là thời kỳ áp dụng bạo lực và "Xô viết hóa" tích cực.

"Các chế độ mới đã thủ tiêu hàng vạn và bắt giam hàng chục vạn người. Trấn áp quần chúng đã trở thành một thực tiễn bình thường. Do đó khắp nơi đều thiết lập các hệ thống tổng tài, xã hội công dân bị phá bỏ và tiêu diệt, một trật tự xã hội mới được hình thành... Khủng bố mạnh đã trở thành phương tiện cải tạo xã hội và cũng là phương thức cơ bản để duy trì sự tồn tại của hệ thống"

Cơ chế kinh tế - xã hội đã tạo nên được đặc trưng bởi sự quốc hữu hóa hoàn toàn sở hữu, toàn bộ đời sống kinh tế, bởi chế độ quan liêu tốt độ trong lĩnh vực các quan hệ kinh tế. Trên cơ sở làm rõ những mặt giống nhau riêng lẻ trong cơ chế tổng tài khác nhau để quản lý xã hội, tác giả định thực hiện một sự phân tích so sánh hai mô hình chế độ nhà nước kiểu Hitle và Stalin, cho rằng hệ tư tưởng và thực tiễn chính trị phát xít ở một mức độ nhất định rất giống mô hình CNXH của Stalin. Để xác nhận luận điểm đó, ông ta nêu lên những dẫn chứng: cả hai chế độ đều đã biến nhà nước thành một thứ cơ quan hành động tập thể tối cao và đều sử dụng khủng bố như một phương tiện để bắt xã hội phục tùng; đều áp dụng bạo lực trên quy mô chưa từng có trong lịch sử; đều sử dụng những phương tiện truyền thông như nhau để kiểm soát xã hội (kiểm duyệt, mạng lưới cung cấp thông tin) và lợi dụng quần chúng bị kích động về mặt chính trị, đều tuyên bố về "sự mạng lịch sử" của mình. Chỉ có điều là một bên tuyệt đối hóa quan điểm giai cấp, còn một bên thì dựa trên quan điểm chủng tộc. Và cuối cùng, cả hai chế độ đều xác nhận rằng, họ đang tham dự vào công cuộc xây dựng "những quốc gia hùng mạnh vô địch". Từ đó, tác giả đưa ra định nghĩa của mình về tính chất của cuộc chiến tranh giữa Liên Xô và nước Đức phát xít như "một cuộc chiến huynh đệ tương tàn giữa hai thành phần của cùng một niềm tin", (p. 6; tr. 18).

Liệu có thể hoàn toàn chấp nhận một cách so sánh như vậy giữa hai hệ thống độc tài không, và chẳng phải chỉ vì cơ sở kinh tế của hai mô hình xã hội đó là hoàn toàn khác nhau. Vì tất phải đặt câu

Mãi tại sao các quốc gia dân chủ như Hoa Kỳ, Anh và Pháp đã tạo ra được trong thời kỳ thứ hai một liên minh không phải để chống Stalin, mà là chống Hitler. Bởi vì các chính phủ này đều đã rõ tình hình cả ở Đức lẫn ở Liên Xô. Nghĩa là đã có một cái gì đó ngăn cản một cách có lý khiến họ không xếp Liên Xô và nước Đức phát xít vào cùng một hàng. Rõ ràng là hiện tượng này còn đòi hỏi các nhà xã hội học của cả Liên Xô lẫn phương Tây lý giải.

Brzezinski dành sự chú ý đặc biệt cho việc phân tích tổng thể các nguyên nhân có ý nghĩa mấu chốt tạo nên cuộc khủng hoảng hệ tư tưởng và thực tiễn của CNXH. Một trong số những nguyên nhân đó là tính chất phức tạp và khó lý giải thật thỏa đáng của cuộc cải cách hệ thống hiện hành. Tác giả cho rằng để hiện đại hóa được xã hội Xô viết cần phải khác phục triệt để ba lớp cơ bản trong cơ chế của hệ thống XHCN đã được dựng nên trong suốt nhiều thập niên sau cách mạng: những hậu quả của ý định của đảng "cực quyền" muốn xây dựng lại xã hội ngay từ khi Lenin còn sống; sự khuất phục hoàn toàn của xã hội trước nhà nước "cực quyền" của Stalin; sự lãnh đạo xã hội thối nát độc tài tham nhũng dưới thời Brezhnev (p. 41; tr. 61).

"Bất kỳ cuộc cải cách nào, muốn thành công, đều phải đi từng bước, phải lay chuyển từ tầng lớp này đến tầng lớp khác, củng cố bước tiến đã đạt được, cẩn thận để không làm cho các lợi ích chủ quan và khách quan đang tồn tại đối lập lại mình. Tấn công vào di sản Brezhnev là dễ hơn và vì nó cho thấy rõ tình trạng đồi bại cá nhân, trì trệ xã hội, lạc hậu rõ rệt về kinh tế ngày càng tăng. Tấn công vào di sản Stalin khó hơn, do những lợi ích quan liêu đã được ban cấp và do tâm lý trung thành với những người dân Xô viết nhiều tuổi. Khó hơn cả là di sản của Lenin, di sản này được kết hợp kỷ niệm yêu quý về mối liên hệ với sự khẳng định vai trò lịch sử duy nhất của một đảng tiên phong ưu tú, đảng đó tạo ra một giới cầm quyền ưu tú với tính chính đáng về lịch sử của nó" (p. 41; tr. 62).

Cuộc đấu tranh với những hậu quả của thời kỳ Brezhnev được tiến hành có kết quả nhưng chỉ trong một thời gian ngắn, từ thời Ju.V. Andropov. Sở dĩ cần phải tiến hành cải cách, theo tác giả, là vì sự xuất hiện của một vị thủ lĩnh mới - M.S. Gorbachov vào giữa những năm 80. Coi những ý định của M.S. Gorbachov là chân thành và có nhiều triển vọng, Brezhnev đồng thời cũng tỏ ý nghi ngờ kết quả của việc thực hiện nó. Ông ta cho rằng tất cả đều dựa trên không chỉ "di sản Lenin-Stalin", mà cả một vài đặc điểm của lịch sử nước Nga nữa; thêm nữa, tác giả đặc biệt còn chỉ ra rằng "vai trò truyền thống của bộ máy nhà nước quan liêu đã thấm vào máu với tính chất tinh vi và bí mật, cái đã khiến cho chính thể chuyên chế Sa hoàng cũng đã thịnh vượng".

Trong sách cũng nêu lên những nhân tố nhân quả gây nên cuộc khủng hoảng của CNXH: tính mất dân chủ của chế độ quyền lực; sự mất cân đối giữa những kết quả đạt được trong sự phát triển của xã hội với những thiệt hại về người mà nó phải gánh chịu; cách quản lý đất nước kiểu hành chính - mệnh lệnh cứng nhắc; quan điểm khống luận, phản khoa học và phản nhân đạo trong việc đánh giá các xu thế và tính quy luật phát triển của xã hội; không đánh giá đúng vai trò của các nhân tố sắc tộc và tôn giáo trong quá trình hình thành tính ổn định của một quốc gia nhiều sắc tộc; sai lầm của những đánh giá lý luận sự thay đổi các cơ cấu của xã hội phương Tây và đặc trưng của quyền lực trong điều kiện cách mạng kỹ thuật là bá chủ (technotronnaja revoljucija). Đó là lý do vì sao chế độ cộng sản, bất chấp tất cả những gì nó đã làm để chống "những khổ đau và bất công do sự phát triển công nghiệp của chủ nghĩa tư bản đẻ ra ở giai đoạn đầu của nó" và đã dựa trên cơ sở đó để động viên quần chúng. "Tuy nhiên cũng có một thực tế khác là không một chế độ cộng sản nào giành chính quyền do kết quả của sự bày tỏ tự do ý nguyện của nhân dân. Không có một giới lãnh đạo cộng sản cấp cao nào, ngay cả sau hàng thập kỷ nắm quyền lực lại có ý muốn tiến

kiểm quyền lực chính trị chính đáng bằng cách cho phép nhân dân nước họ thực hiện một sự tự do lựa chọn có nên tiếp tục chủ nghĩa cộng sản hay không" (p. 236; tr. 303).

Do đó đã có một sự bất cân xứng hết sức lớn giữa những tổn thất về người, những khổ đau phải gánh chịu và mức độ của một vài "quyền lợi và phúc lợi vật chất hiển nhiên mà hệ thống xã hội chủ nghĩa đem lại cho mọi người", cũng như giữa sự vận động đi lên, đặc biệt là trong giai đoạn đầu, trong việc phát triển công nghiệp bảo hiểm xã hội, giáo dục với tình trạng hết sức hoang phí, không kinh tế, những thiệt hại nghiêm trọng về tinh thần và tâm lý, cuộc khủng hoảng sinh thái ngày càng trầm trọng; lối quản lý theo kiểu hành chính - mệnh lệnh "tác chiến kịp thời" đối với xã hội và cách xây dựng hệ thống chính trị-xã hội thông qua các thiết chế tương ứng đã dẫn đến tình trạng là trong nước thực tế không có "những van an toàn, hoặc những cơ chế báo động sớm".

Tất cả những cái đó đã cản trở sự chuyển tải nhanh chóng thông tin khách quan lên phía trên và phủ bác sự phê phán công khai. Thiếu một cơ chế thay thế kịp thời người lãnh đạo đã nắm giữ quyền lực quá lâu. Quan điểm hành chính - mệnh lệnh trong việc thông qua quyết định cũng tiếp tay cho việc tạo nên trong nước "một bầu không khí bí hiểm kiểu thầy tu, trong đó mọi điều bàn luận phải được che đậy để chống lại một thế giới thù địch" (p. 241; tr. 310)

Quan điểm duy học thuyết và phản con người khi đánh giá những tính quy luật trong sự phát triển của xã hội đã dẫn đến những sai lầm trong cách hiểu về lịch sử và một quan niệm giả tạo theo kiểu định mệnh về bản chất con người. Đặc biệt, các nhà tư tưởng của hệ thống, theo Brzezinski, "đã không coi trọng nguyện vọng cơ bản của con người là tự do cá nhân, để tự biểu hiện về mặt nghệ thuật và trí tuệ, và trong thời đại của tri thức và thông tin đại chúng, con người ngày càng muốn có tự do lựa chọn về chính trị. Nó cũng

coi nhẹ mối quan hệ hữu cơ giữa một bên là hiệu quả kinh tế với sáng kiến đổi mới và một bên khác là sự khao khát của cá nhân về phúc lợi vật chất" (p. 242; tr. 311).

Liên Xô, tác giả nói tiếp, tỏ ra chưa sẵn sàng đón nhận "những xung đột dân tộc và tôn giáo, điều tiết chúng mà không cần dùng đến cưỡng bức". Z. Brzezinski nhận xét rằng "chủ nghĩa cộng sản cũng không thấy được sự hấp dẫn của tôn giáo nên đã bị bất ngờ về sự chống đối ở Ba Lan dựa trên đạo Thiên chúa và sự hồi sinh của Hồi giáo ở ngay chính Liên Xô" (p. 242; tr. 312).

Việc sử dụng một cách rập khuôn và giáo điều quan niệm mácxít, cái phản ánh giai đoạn phát triển đầu tiên của chủ nghĩa tư bản, áp dụng cho xã hội tư bản thời kỳ cách mạng kỹ thuật là bá chủ đã không cho phép nhận thấy sự chuyển hóa tính chất đặc trưng của sự phân bố quyền lực và cơ cấu xã hội ở các nước phương Tây hiện nay. "Còn tư duy mới dựa trên một sự nhất trí toàn cầu cũng mang trong nó những hậu quả hủy diệt đối với hệ thống CNXH". Xét trong toàn bộ, tất cả những nhân tố đó, theo ý tác giả, đã tiên quyết "cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản".

Chiếm một vị trí đáng kể trong công trình là bức tranh tương lai của "xã hội hậu-chủ nghĩa cộng sản" do Brzezinski đưa ra, cũng như những mô hình và phương án phát triển của các quá trình tại các quốc gia xã hội chủ nghĩa mà ông ta trình bày. Tác giả ghi nhận hàng loạt xu thế là cơ sở của những chuyển biến đang diễn ra ở các nước Đông Âu (chẳng hạn như việc chối bỏ một số luận điểm và nguyên tắc tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, sự phủ định mô hình xã hội XHCN đã từng tồn tại trước đây). Việc xa rời hàng loạt yếu tố cụ thể của hệ tư tưởng được minh họa trong cuốn sách như sau: "địa vị độc tôn của đảng trong xã hội bị phê phán, tư tưởng đa nguyên và đa đảng được phổ biến"; những hình thức và quy mô đấu tranh chống ảnh hưởng "xa lạ" thu hẹp lại; chế độ độc quyền của nhà nước và sở hữu đã mất uy tín và chế độ sở hữu đa hình thức và đa thành phần, quan

thị trường đang được tuyên truyền; có những biểu hiện của tư duy "tương đối chủ nghĩa" v.v... Sự chuyển hóa của cơ chế cũ của xã hội XHCN đã được phân bày qua thí dụ "phá bỏ ... sự kiểm soát tổng tài trong lĩnh vực chính trị, đối với các phương tiện thông tin đại chúng", xem xét lại một cách có phê phán việc kế hoạch hóa và định vật giá tập trung, áp dụng dưới một hình thức nào đó của các "quan hệ thị trường". Nhân đây tác giả cũng nêu ra hai phương án đối chọi khả dĩ phát triển xã hội "sau khi đã lắp ráp lại các yếu tố thiết chế của mô hình CNXH": hoặc "dẫn đến những hệ thống an ná với các chế độ dân chủ phương Tây", hoặc "theo con đường hình thành những chế độ độc tài dân tộc chủ nghĩa".

Brzezinski tỏ ý nghi ngờ việc "chính sách của Gorbachov sẽ tạo ra một nền kinh tế có khả năng cạnh tranh trên quy mô toàn cầu và một hệ thống chính trị mà trong đó nhân dân có thể thực hiện được quyền tự quản ... Di sản phi dân chủ của Lênin, - ông ta khẳng định, - tính chất độc dân tộc của Liên Xô và những truyền thống hướng tâm đã bám rễ sâu khi cùng tác động sẽ phá vỡ thể sẵn sàng của xã hội trong việc chấp nhận những biện pháp phân bố một cách hiện thực các chức năng chính trị và quản lý". Brzezinski dự đoán "bốn kết cục" của cuộc cải tổ: "khủng hoảng về hệ thống kéo dài và kết quả cuối cùng không rõ ràng, cuộc khủng hoảng đó triển miên không có quyết định nào dứt khoát trong hơn một thập kỷ và từng thời gian được đánh dấu bằng những cuộc bùng nổ xã hội"; "Tình trạng trì trệ sống trở lại khi cuộc rối loạn lắng xuống và khi những truyền thống tập trung vốn có trong quá khứ nước Nga lại tự xác nhận lại"; "Đào chính do phái quân sự và an ninh KGB tiến hành, được biện minh một cách công khai bởi những lời kêu gọi tình cảm đối với chủ nghĩa dân tộc đại Nga"; "Khả năng xa xôi, bao gồm sự biến đổi từ một cuộc khủng hoảng kéo dài thành một cuộc lật đổ dứt khoát và toàn bộ chế độ cộng sản" (p. 245; tr. 315 - 316).

Giải pháp xây dựng duy nhất đối với "sự không thống nhất ngày càng tăng ở Liên Xô phù hợp với những mục tiêu đã được perestroika đề ra (phê tập trung hóa về kinh tế, đa nguyên về chính trị) không phải

là một sự quay trở lại sự cưỡng bức gia nhập một Liên Xô có tình thế quốc, mà là một cuộc vận động theo hướng một liên bang Xô viết đích thực. Tuy nhiên về lâu dài, một liên bang thực sự tự nguyện có thể không phải là một cách giải quyết thực tế, do những xúc cảm dân tộc của những người không phải Nga đang nổi lên. Hơn thế nữa, trong bất cứ trường hợp nào, sự giao lại quyền kiểm soát đích thực từ Moskva về cả kinh tế và chính trị sẽ có nghĩa là sự kết thúc trên thực tế đế quốc Moskva và đế quốc Nga với tư cách một cường quốc thế giới, một triển vọng chắc chắn chẳng thú vị gì đối với những người đại Nga" (p. 246; tr. 317).

Những quan điểm trình bày trong cuốn sách này đối với việc nghiên cứu các quá trình phát sinh, phát triển và khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội không thể không gây ra những ý kiến tranh cãi và suy đoán. Điều có ý nghĩa đặc biệt là tiềm năng dự báo của một số kết luận và khái quát của Brzezinski. Và chẳng cũng đã có nhiều điều trong đó đã được xác nhận qua những cải cách căn bản ở các nước Đông Âu. Trong khi đó, rõ ràng là cuốn sách không tránh khỏi một loạt thiếu sót, khiếm khuyết và sơ lược trong cách đánh giá sự phát triển của tình hình các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô, trong cách luận chứng sự rời bỏ không tránh khỏi của CNXH và CNCS khỏi vũ đài lịch sử.

Đồng thời với việc phê phán đúng đắn chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa khống luận, khuôn sáo, bệnh công thức trong tư duy và hành động thực tiễn vốn có của hệ thống XHCN trước đây, tác giả lại cũng lý giải các quá trình hiện thực khuôn trong phạm vi những mâu thuẫn quan niệm vốn có của một mảng nhất định của thế giới quan phương Tây, mặc dù đã giữ một quan điểm hết sức thận trọng trong vấn đề về "di sản trí tuệ và chính trị của CNXH và CNCS trong tương lai", Brzezinski vẫn khẳng định (đây cũng là một trong những tư tưởng cơ bản của cuốn sách) rằng hệ tư tưởng và thực tiễn này hiện đang trong tình trạng khủng hoảng sâu sắc, sẽ sụp đổ và phải biến mất khỏi đời sống xã hội.

The quan điểm chúng tôi, trong luận điểm trên, cũng như trong tập cuốn sách, có sự cắt xén đáng kể quan niệm về CNXH và CNCS. Khi ra, tác giả đã đưa vào hệ tư tưởng của CNXH và CNCS không chỉ là tiến, mà cả lý luận, và trong lý luận tách ra một tổng các giá trị chung toàn nhân loại như mơ ước của nhân loại về một cuộc sống tốt đẹp hơn, công bằng xã hội, bình đẳng v.v... Ông ta xem xét hệ tư tưởng như là một tổ hợp các ý tưởng nhằm luận chứng, giải thích và bảo vệ những mô hình và cơ chế được nêu ra để phát triển xã hội XHCN. Do đó, cái đang và sẽ phải vứt vào bãi rác lịch sử ở chừng mực nào đó chỉ là hai thành tố cuối cùng của hệ thống XHCN - mô hình xây dựng lại xã hội và những thứ dây dợ tư tưởng của nó. Phần có ý nghĩa chung toàn nhân loại trong quan niệm về CNXH dĩ nhiên sẽ còn sống mãi, và nó sẽ đi mặt trong bất kỳ mô hình phát triển xã hội nào khác. Thiết nghĩ, không chỉ phần "không thành tựu", theo cách nói của tác giả, của lý luận của Lenin, được thể hiện trong các mô hình CNXH đã mất uy tín, cũng như một hệ thống thế giới quan bất kỳ nào, có lẽ cũng không mất đi đâu. Nó sẽ vẫn tồn tại, và khi có những điều kiện nhất định, sẽ lại hồi sinh tại có những hình thức thiết chế mới tương ứng. Và nếu trong điều kiện được xã hội phổ biến, có sự đối lập giữa các lực lượng xã hội với nhau như đang diễn ra ở Liên Xô hiện nay, nếu tước đi quyền tồn tại của những quan niệm tư tưởng hệ dù thuộc loại nào đi nữa và những cơ cấu tổ chức tương ứng, thì làm sao còn có thể nói đến một thứ dân chủ hiện thực nữa? Liệu sự phán định như vậy của tác giả có thành một sai lầm lịch sử không? Bởi vì V.I. Lenin trong tác phẩm "Sự phá sản của Quốc tế II" năm 1915 cũng đã từng tiên đoán sự tiêu vong của hệ tư tưởng và thực tiễn xã hội - dân chủ rồi. Song đã mấy thập niên trôi qua, nó vẫn lại hồi sinh, tạo điều kiện hướng một số nước phương Tây đi theo con đường của những lý tưởng XHCN và những giá trị chung toàn nhân loại. Và cũng đã bắt đầu, về chất, đến với mô hình xã hội - dân chủ - "chủ nghĩa xã hội dân chủ" là gì.

Khi chỉ ra những hạn chế khác nhau của mô hình hiện hành ở Liên Xô (trước đây) và luận chứng sự khủng hoảng không tránh khỏi và phải xóa bỏ hệ thống hành chính - mệnh lệnh, Brzezinski lại không xét đến những dị biệt đối lập trong tình hình kinh tế và xã hội - chính trị ở các khu vực khác nhau của Liên Xô. Chẳng hạn ở các nước cộng hòa mà Hồi giáo đã được phổ biến rộng về mặt lịch sử, những cái có tính chất truyền thống là những thành tố vốn có của mô hình CNXH hành chính - mệnh lệnh như sự độc quyền ở một mức độ nào đó quyền lực và sở hữu, cũng như tình trạng quốc hữu hóa một cách thái quá các mặt khác nhau của đời sống, cái đặc trưng cho "phương thức sản xuất châu Á". Ở đây, các khái niệm như "dân chủ", "tự do", "bình đẳng", "công bằng xã hội" v.v... mang một sắc thái và hàm nghĩa hơi khác so với ở các nước châu Âu.

Cả vai trò của nhà nước trong xã hội xã hội chủ nghĩa cũng được tác giả trình bày chưa thật khách quan và cân nhắc thận trọng. Rất khó đồng ý với tác giả khi ông ta cho rằng việc tuyệt đối hóa và tôn sùng đến mức tối đa vai trò của nhà nước là một trong những yếu tố trung tâm của mô hình CNXH Stalin và các mô hình khác, là một phương tiện để sử dụng bạo lực. Nhưng cũng không thể không nhận thấy rằng giá trị vĩ đại nhất trong quan niệm mácxít về CNXH chính là tư tưởng về ý nghĩa của nhà nước vì sự nghiệp đưa các dân tộc đi tới những lý tưởng chung toàn nhân loại; nhiều nước phương Tây, ở một mức độ nhất định, cũng đã lợi dụng tư tưởng này. Và dù ở Liên Xô hiện nay, bước ngoặt quay sang bảo vệ các quyền con người, phát triển cá nhân, sáng kiến cá nhân và thậm chí cả kinh doanh cá nhân có thực hiện thế nào đi nữa, thì vai trò của nhà nước rõ ràng là sẽ vẫn còn rất đáng kể.

Cũng khó mà tán đồng với lập trường bi quan của Brzezinski về việc khắc phục những cuộc xung đột giữa các dân tộc đã nảy sinh ở Liên Xô và sự hồi sinh của nước này với tính cách là một quốc gia đa sắc tộc hùng cường. Dĩ nhiên, trên cơ sở không có dân chủ và hướng tâm trước đây, với những hình thức trước đây của chế độ dân tộc - nhà nước thì

những vấn đề đó thật khó mà giải quyết được. Cần phải có những cách tiếp cận mới dựa trên cơ sở có xét đến lợi ích của tất cả các dân tộc đang sinh sống trên lãnh thổ Liên bang Xô viết. Song tính chất vô vọng và tình thế bế tắc trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và nhiều vấn đề khác, trong đó có cả những vấn đề liên quan đến sự phát triển và phục hưng dân tộc Nga được tác giả quy định không hẳn là bởi ảnh hưởng có thể có của những tàn dư của hệ thống độc tài đang bị phá vỡ, mà chủ yếu là bởi những truyền thống độc tài, hướng tâm, dường như là đặc thù lịch sử vốn có của nước Nga, cùng với "chủ nghĩa dân tộc Nga" ngày càng phát triển mạnh hơn và cực đoan hơn. Thiết nghĩ đó không hẳn là những đánh giá khách quan và chính xác, bởi vì bản chất vốn có của phong trào dân tộc Nga hiện nay không phải là bức cánh dân tộc chủ nghĩa hay sôvanh chủ nghĩa, mà ở một mức độ lớn hơn là vấn đề dân chủ, là việc ý thức được tính chất khách quan của những ý nguyện và khát vọng của nhiều dân tộc trong cả nước.

Nói chung, tư liệu của cuốn sách, theo quan điểm chúng tôi, đã cho phép trình bày thêm một giả định nữa. Ở đây nói rằng, có lẽ, cùng với sự phát triển của cuộc khủng hoảng và đã bỏ các mô hình của chủ nghĩa xã hội bạo lực còn có một cuộc khủng hoảng khác, có quy mô bao trùm hơn - đó là sự khủng hoảng các cấu trúc toàn thế giới mà nhờ có những mâu thuẫn giữa các cấu trúc đó mà xã hội loài người trong thế kỷ XX đã phát triển được. Các xã hội "hậu-chủ nghĩa xã hội" sẽ như thế nào? Chúng sẽ cùng tồn tại thế nào với các quốc gia tư bản? Liệu có diễn ra sự hội tụ giữa hai loại này, hay chúng sẽ khác nhau? Có lẽ sự hợp nhất sẽ dựa trên cơ sở tất cả mọi dân tộc và mọi quốc gia đều cùng thừa nhận những giá trị chung toàn nhân loại, còn bản thân các cơ chế phát triển của xã hội dựa trên sự vận hành theo nguyên tắc các cấu trúc song hành chăng?

Dịch tiếng Anh và tiếng Nga

PHAN NGỌC, BÙI DINH THANH, CHU KHẮC,
CHU ĐÌNH LONG, NGÔ THẾ PHÚC

Chịu trách nhiệm xuất bản

PHẠM KHIÊM ÍCH

Biên tập

NGUYỄN THỊ QUY, MAI HUY BÍCH

Biên tập kỹ thuật và sửa bản in

LÊ NGỌC HIỀN

Trình bày

NGÔ THẾ LONG, PHẠM QUANG HUY